

Nguyễn Ngọc Hoa

Bản Lãnh Em Tôi

TẬP TRUYỆN NGUYỄN NGỌC HOA XI



Biển Ngọc
2025

MỤC LỤC

Lời Tựa

1. Ai Dây Với Hủi
2. Yêu Quá Cũng Khổ Đời
3. Một Đời Đàn Bà Bất Hạnh
4. Anh Chàng Ba Quốc Tịch
5. Có Tiền Mua Tiên
6. Bản Lãnh Em Tôi
7. Món Quà Sinh Nhật Không Mong Đợi
8. Nụ Hôn Vĩnh Biệt
9. Thuở Còn Ngu Ngơ
10. Công Chúa và Kẻ Bán Than
11. Kẻ Mặt Dày
12. Không Phải Chỉ Gặp May
13. Không Ai Động Đến Được
14. Mất Bò Mới Lo Làm Chuồng
15. Câu Chửi Văn Hoa
16. Sai Con Toán, Bán Con Trâu
17. Vuốt râu Hùm
18. Cuộc Tình Ba Chữ “Hát”
19. Sợ Dây Chuyền Tượng Phật
20. Chim Chích Lạc Vào Rừng
21. Chuyện Một Con Sông
22. Hình Như Duyên Tiền Định
23. Người Thối Ống Đu Đủ
24. Bé Cái Lầm

Tiểu sử Nguyễn Ngọc Hoa

LỜI TỰA

Trong hơn một năm qua, các truyện ngắn trong *Bản Lĩnh Em Tôi: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa XI* trên tay quý bạn đã được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Cổ Quốc Tha Hương” mà tên được lấy từ *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du,

Tấc lòng cố quốc tha hương,

Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời.

Tập truyện này cảm mốc ghi tổng số 264 truyện ngắn được xuất bản từ năm 2013 đến nay của chúng tôi. Chúng là những truyện ngắn riêng lẻ được đặt liên hoàn với nhau theo thứ tự thời gian và nối kết thành ký ức của những quãng đời quá khứ. Mặc dù số truyện ngắn được ấn hành đã rất đáng kể, mong làm văn chương của chúng tôi vẫn giới hạn vào việc kể lại cho bạn bè nghe những mẫu chuyện chúng tôi đã trải qua, chứng kiến, hay nghe thuật lại, và trau giồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

Để tránh ngộ nhận đáng tiếc, xin nhắc lại một lần nữa: Tác phẩm của chúng tôi không phải là hồi ký, tự truyện, hay tài liệu ghi lại dữ kiện lịch sử. Mặc dù nhiều tình tiết mô tả trong truyện có thể có thực, các nhân vật – kể cả nhân vật xưng “tôi” mà chúng tôi dùng như một chứng nhân để thuật lại chuyện đã qua – được dựng nên và tiểu thuyết hóa cho phù hợp với chuyện kể, thường không tương ứng với nhân vật có thực ngoài đời.

Chúng tôi xin cảm ơn các thân hữu đã đọc bản thảo, góp ý, phê bình, và chỉnh sửa cũng như khích lệ chúng tôi trong việc sáng tác. Xin được kể tên vài người là các chị Phạm thị Hiền, Lưu Phương Lan (nhà văn Phương Lan), Nguyễn thị Thanh Loan, Trần Thùy Mai (nhà văn), và Bùi Mỹ Trang, và các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Đình Hiếu, Nguyễn Nhật Hoàng (báo Trẻ Dallas), Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Nguyễn Thành Nguyên, Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Khắc Phụng, Châu Hiền Quang (nhà thơ Kiều Phong (Toronto)), Nguyễn văn Sâm, Nguyễn Thiệp (nhà văn Tràm Cà Mau), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Tuy nhiên, nếu quý bạn tìm thấy điều gì sai sót thì đó hoàn toàn là lỗi của chúng tôi.

Chúng tôi cũng không quên cảm ơn tiện nội là kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn Nguyễn thị Minh Ngọc đã thương yêu tạo điều kiện cho chúng tôi sáng tác và xuất bản tác phẩm đã viết.

Chúng tôi hy vọng, trong một tương lai không xa, sẽ có cơ hội ấn hành và ra mắt độc giả *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa XII* đang được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Bước Lưu Ly.” Mời quý bạn đón xem.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày Hạ chí 2025

(20-06-2025)

Ai Dây Với Hủi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong mấy năm đầu về Sài Gòn học giữa thập niên 1960, tối tối tôi đạp xe từ nhà trọ ở đường Nhật Tảo đến Đại học xá Minh Mạng rồi Lãng ra Ngã Sáu Chợ Lớn ngồi ghế gỗ thấp uống cà phê bên lề đường và bàn tán đủ thứ chuyện trên đời. Lãng lớn hơn tôi sáu tuổi và trước dạy toán các lớp đệ nhất cấp trường trung học Ban Mê Thuật (“BMT”). Tôi chuyển trường vào BMT học đệ nhị (lớp 11) nên không học với Lãng và do đó xưng hô “ông tôi” với Lãng. Ông quê ở Đà Lạt, mồ côi cha sớm, và nhà nghèo; bà mẹ buôn tảo bán tần nuôi ông và người anh ăn học. Sau khi đậu Tú tài II, ông xuống Sài Gòn học toán ở Đại học Khoa học rồi lên BMT dạy học kiếm sống. Mùa thu 1965, sau khi mẹ ông mất, ông trở lại Sài Gòn ghi danh học luật để được hoãn dịch vì lý do học vấn, cùng lúc với tôi về Sài Gòn học kỹ sư điện.

Lãng hay kể giai thoại về thời ông học toán ở “chứng chỉ” Toán Đại cương (tiếng Pháp “Mathématiques générales,” thường nói là *mách giê* hay *mách giê-nê*),

“Giáo sư tiến sĩ bên Pháp sang, thầy giảng tiếng Pháp thao thao bất tuyệt và viết lia lịa trên bảng đen, và trò cố ghi chép càng nhiều càng tốt để sau giờ học cùng nhau so sánh và kết hợp thành bài học. Giáo sư chính của *mách giê* là Monavon. Ông ta vào lớp mà thấy ồn thì không thèm giảng bài và trong khi giảng, nếu lớp ồn thì thay vì nói lớn hơn, nói nhỏ lại hay ngừng giảng.”

“Ông giỏi toán mà sao không đậu *mách giê-nê*?” tôi thắc mắc.

“Tại học một đằng mà thi một nẻo. Học thì học toàn lý thuyết, thi thì thầy ra đề toán. Tao nghèo không có tiền mua thêm sách bài tập mà chỉ nghiền ngẫm tập *cua quay ronéo* của Monavon nên không biết cách giải toán.”

Hai người bạn BMT của tôi là Kha và Hương Nhã học toán với Lãng năm đệ lục (lớp 7) và đệ ngũ (lớp 8). Trước khi tôi vào học, Kha là học sinh giỏi nhất trường, và Hương Nhã học giỏi nhất bên phía nữ sinh. Kha hay dẫn tôi đến nhà Hương Nhã chơi, và tụi trong lớp kháo nhau hai đứa cặp *bờ*, nhưng tôi thấy Kha ôm mối tình câm, không dám tỏ tình, và không được đáp lại. Hương Nhã không có anh em trai và tôi không có chị nên chẳng bao lâu tôi và chị thân nhau như hai chị em và thường chia sẻ chuyện riêng tư.

Kha đậu vào ban cán sự trường Cao đẳng Hóa học (lúc đó chưa có ban kỹ sư) thuộc Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật và nằm trong khuôn viên Phú Thọ như trường Điện của tôi. Hương Nhã về Sài Gòn học Đại học Văn khoa và ở trong cư xá Lý Trần Quán, một nữ ký túc xá tư trên đường Lý Trần Quán ở Tân Định, và chúng tôi gặp nhau hằng tuần.

Một buổi chiều gần cuối năm học thứ nhất, Hương Nhã đến nhà trọ tìm tôi với vẻ mặt lo lắng. Tôi đưa chị ra quán hủ tiếu *các chú* đầu đường nói chuyện. Hồi đó chị đã đem lòng yêu Lãng, nhưng về Sài Gòn mới được ông thầy toán (cũ) trẻ tuổi đáp ứng, và cả năm nay hai người thường xuyên hẹn hò tình tự. Sau cùng, chị đi vào vấn đề đang thắc thỏm vì biết tôi chuyên đọc đủ thứ sách tạp nhạp và hầu như ngốn hết các sách về tính dục ngoài nhà sách,

“Chiều qua, ông Lãng đưa *tui* tới cái *garçonnière* của bạn trong khu Bàn Cờ. Biết là không nên, nhưng *tui* cũng chiều lòng.” “*Garçonnière*” tiếng Pháp là căn phòng đàn ông độc thân.

“Chuyện gì xảy ra?”

“Tụi *tui* hôn nhau âu yếm như thường lệ . . .”

“Chuyện hai người ân ái, chị nói với tôi làm *chị*?” tôi ngắt lời chị.

“Tội nghiệp mà! Đừng la *tui*; *tui* chỉ có một mình *Ba Hoa* để tin cậy và hỏi riêng.”

Hai hàng nước mắt chảy dài trên má, Hương Nhã thuật lại lúc thân hình hai người gần gũi, Lãng gí bộ phận đàn ông cọ xát vào chỗ kín của chị, nhưng chị cương quyết giữ lại chiếc quần lót trên người. Chị mếu máo, “Cả đêm qua tôi không ngủ vì sợ có bầu.” Tôi hỏi cặn kẽ chi tiết và lục lại mớ kiến thức đọc trong sách rồi trấn an chị,

“Nếu vậy thì chị không thể *dính*; đừng lo. Nói cho chị hay, chị mà không kèm lòng rồi *khôn ba năm đại một giờ*, để cho cái bụng thè lè ra thì đừng nhìn mặt tôi!”

“Biết rồi! Hứa với *Ba Hoa* nè,” nụ cười nhẹ nhõm trên môi, chị đưa ngón tay trở móc ngoéo.

Học tới cuối năm thứ ba trường Luật, Lãng thi rớt, bị động viên vào trường Bộ binh Thủ Đức, và ra trường về phục vụ tại bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh ở BMT. Hương Nhã bỏ học về BMT ở với mẹ. Chị giữ lời hứa với tôi: vẫn gặp Lãng bày tỏ yêu thương và chiều lòng ông mọi thứ, ngoại trừ khoản tình dục cuối cùng. Ông không ngừng tìm cách tiến chiếm mục tiêu tối hậu trên thân xác chị, nhưng ngoài ra *dậm chân tại chỗ*, không hứa hẹn hôn nhân, và cũng không rút lui cho chị có cơ hội tìm duyên mới. Ông ghi danh học luật trở lại, hoàn tất chương trình cử nhân luật, và đầu năm 1975, được bổ nhiệm làm phụ tá ủy viên chính phủ tại tòa án quân sự mặt trận Vùng II ở Nha Trang.

* * *

Tháng Tư năm 1975, tôi bỏ nước ra đi và biệt tin Lãng. Năm năm sau, tôi bất ngờ nhận được thư gửi từ Sài Gòn của một thiếu phụ tên Vân My nói là vợ Lãng. Nàng cho biết ông đi “học tập cải tạo” ở trại A20 Xuân Phước ngoài Phú Yên, và nàng và đứa con gái năm tuổi đang gặp khó khăn nên yêu cầu tôi giúp đỡ để mẹ con nàng có phương tiện sinh sống và đi thăm nuôi Lãng. Mặc dù thất vọng khi biết vợ Lãng không phải là Hương Nhã, tôi mừng khi biết tin bạn và vợ gửi tiền về giúp mẹ con Vân My. Hơn hai năm sau, tôi nhận được thư Lãng,

Tao vừa ra trại sau bảy năm đập đá tìm tương lai. Bảy năm dài thiếu ăn và thiếu mặc cùng cực. Để chống lại cái lạnh cắt da của mùa đông miền núi Phú Yên, tao phải lấy bao cát làm vải may áo quần. Ngày ra đi thì vợ có bầu, ngày trở về thì con gái bảy tuổi, không biết tao là ai.

Về đây tao mới thấy mình sẽ không thể sống nổi. Mà rón gọi cho tao 1,000 đô la (khoảng sáu lượng vàng) để tao tìm đường đi thăm thẳng Tôn thất Thiết. Chỉ có mày mới có thể giúp tao.

Tôn thất Thiết là một người bạn của Lãng đang ở California. Tôi xoay xở gửi món tiền ông yêu cầu và cầu trời cho ông vượt biên an toàn. Nhưng sau đó, tôi không nhận được thư ông hay

Vân My. Tôi không biết mình nên vui hay buồn khi, sau gần ba năm lục lạo hỏi thăm nhiều người, biết được ông còn sống ở Sài Gòn và hằng ngày đi bán chợ trời. Đầu thập niên 1990, tôi gặp lại Lãng ở Houston, Texas; ông và vợ con sang Hoa Kỳ định cư theo diện H.O. Gặp tôi, ông vội vàng cười xòa nói phủ đầu,

“Mày muốn chửi tao thì chửi đi rồi . . . huề.”

“Ông còn sống, không vui thầy trong bụi cá, và không bị hải tặc Thái Lan lấp đít hăm hiếp là tôi vui rồi,” tôi cũng cười.

Sau hai năm đầu tiên chật vật, Vân My đi làm *nail*, đầu tắt mặt tối nhưng có đồng ra đồng vào *phây phả* và mua trả góp chiếc xe Lexus *láng coóng* lái chạy *phom phom* như những bạn đồng nghiệp “kỹ sư *nail*.” Kém tiếng Anh và không có nghề chuyên môn, Lãng làm lao công ban đêm quét dọn trường học, ban ngày ngủ bù, và lái chiếc xe cũ *cà tàng*. Vợ chồng Lãng dành dụm đủ *down payment* (tiền mặt trả trước) để mua một căn nhà nhỏ. Còn lại thì ký *mortgage* (văn tự vay tiền) với ngân hàng và trả góp hằng tháng trong 30 năm, hết nợ thì nhà mới về tay mình.

Vợ chồng Lãng coi thường nhau, bất đồng ý kiến về mọi chuyện, từ trong nhà đến ngoài ngõ, và hằng ngày gấu ó với nhau. Cô con một là Vân Mai không muốn đi học vì “đã lớn tuổi” và không thích đi làm vì “còn nhỏ” mà chỉ muốn đi chơi, đôi khi qua đêm, với bạn trai. Lãng chiều chuộng con hết mình, trong khi Vân My nhất quyết phải khép con vào kỷ luật. Chuyện này đẻ thêm chuyện khác, vài năm sau họ hết chịu đựng nổi nhau và gặp luật sư để *anh đi đường anh, tôi đi đường tôi*.

Ở Hoa Kỳ, vợ chồng chia tay là chuyện thường tình. Về mặt pháp lý, trường hợp của Lãng và Vân My khá đơn giản: Hai bên đều có việc làm, không ai đòi ai cấp dưỡng, và con gái đã thành niên trên 18 tuổi, khỏi tranh chấp về *child custody* (quyền giữ con) hay cấp dưỡng con cái. Tài sản chung chỉ có căn nhà; chỉ cần bán đi, trả nợ ngân hàng, và còn lại (ước tính \$14,000) thì *cửa đôi*, mỗi người một nửa. Nhưng Lãng nhất quyết không bán nhà với lý do ngày mua nhà, vợ chồng ông đã đồng ý sẽ để nhà lại cho con gái. Điều này khiến vụ ly dị vốn đã bừa bãi trở nên bần thủ hơn, hai bên chửi bới sỉ mạ nhau với bạn bè và người thân và xem nhau như kẻ thù.

Trong khi cuộc tranh tụng còn dây dưa, một hôm Lãng được người học trò cũ BMT là San mời ăn tiệc cưới con gái anh ta. Trong bữa tiệc, khi cô dâu chú rể đến bàn chào, theo tục lệ người Việt, Lãng đưa phong bì làm quà mừng như mọi người. Nhưng sau đó, San thấy trong phong bì không có tiền. Người khác có thể sẵn lòng bỏ quá, nhưng San vốn chi li bần tiện mời khách ăn cưới cốt để thu tiền mừng và không đời nào chịu lỗ một phần ăn nên gặp Lãng hỏi cho bằng được. Ông trưng ra bản lưu của tờ chi phiếu \$50 và cả quyết đã bỏ chi phiếu vào phong bì. Khi chuyện này lan truyền, Vân My động lòng cho ông giữ căn nhà để ở và trả góp hằng tháng phần tiền nhà của nàng.

Trên báo Việt ngữ Houston nhan nhản những quảng cáo tìm vợ hay chồng với giá từ \$20,000 đến \$25,000: “Đối tượng” phải là công dân Mỹ, chịu sống “thành hôn” cho đến hơn ba năm sau, khi “người hôn phối” trở thành công dân thường trú (có thẻ xanh), mới làm thủ tục ly dị đường ai nấy đi. Lãng chọn cái quảng cáo hợp ý nhất và gặp một chị Việt Cộng (“VC”) trạc tứ tuần quê Hải Phòng đang sang Hoa Kỳ du lịch và tìm cách ở lại một cách “hợp pháp.” Hai người

giao kết chắc chắn, đưa nhau ra văn phòng quận Harris mà Houston là quận lỵ làm hôn thú, và mời bạn bè BMT của Lãng dự tiệc cưới hai bàn ở nhà hàng Kim Sơn. Không thể thiếu tiệc cưới vì “cô dâu chú rể” cần nhân chứng và bằng chứng để trình với sở Công dân và Di trú Hoa kỳ (USCIS).

“Cưới nhau” xong là hai người phải sống chung ở nhà Lãng, vì USCIS có thể bất thần đến khám xét xem có thực sự lấy nhau hay không. Chị VC ở một phòng, hằng tháng trả tiền nhà, và đi chợ nấu ăn riêng. Một đêm, một mình phòng không chiếu bóng, Lãng thêm đàn bà và lò mò sang phòng cô “vợ” định . . . *kiếm tí cháo*. Chị VC không chịu, nhưng không cự tuyệt mà mở đường cho Lãng,

“Nếu anh thực sự thích tôi thì hai đứa mình về Hải Phòng làm đám cưới và ra mắt họ hàng nhà tôi đằng hoàng.”

Như bị gáo nước lạnh giội vào mặt, Lãng lẳng lặng về phòng mình. Sau khi “ly dị” chị VC, ông kêu vợ chồng Vân Mai về ở chung và tiếp tục làm việc đến năm 65 tuổi thì về hưu. Ông mang hết tiền bạc chắt mót được về Đà Lạt mua nhà sống dưỡng già với người anh góa vợ là Liễn. Ông này đứng tên làm chủ ngôi nhà vì Lãng là “Việt kiều” không được phép làm sở hữu chủ. Nhà khá rộng nên hai người cho vợ chồng con trai và hai đứa cháu nội của Liễn ở chung. Với lương hưu Mỹ của Lãng, cả đại gia đình sống thoải mái và hòa hợp – ai nấy đều đẹp dạ. Cho đến khi Liễn qua đời. Tang lễ vừa xong, người cháu trở mặt nói với Lãng,

“Thời buổi này người khôn của khó, chú là ‘Việt kiều’ không thể tiếp tục ăn nhờ ở đậu nhà cháu mãi.”

“Thằng này láo,” Lãng giận run người nhưng không dám làm dữ với anh cháu thân hình vạm vỡ mặt mày dữ tợn, “Nhà này tao mua, mấy năm nay một tay tao nuôi cả gia đình.”

“Chú lầm rồi,” anh cháu đưa ra cuốn “sổ hồng” (giấy chứng nhận quyền sở hữu), “Nhà này của ba cháu, ba cháu mất thì cháu thừa hưởng thành nhà cháu. Nghĩ tình chú cháu, cháu mời chú ở thêm một tuần lễ. Sau đó, chú đi đâu tùy ý.”

Lãng tức như bò đá, tức tốc lấy vé máy bay bay về Hoa kỳ, và chỉ tay lên trời thề, “Từ nay tao sẽ không về Việt nam.” Ai biểu dây với hủi làm *chí*!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Hai, 2024

Yêu Quá Cũng Khổ Đời

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa thu 1965, tôi và Tú gặp nhau và kết bạn dễ dàng như trong truyện kiếm hiệp vì nó là bạn của Song, thằng bạn thân nhất của tôi ở trường kỹ sư. Tú người Bắc, lớn lên và học trung học ở Pleiku, và mồ côi cha mẹ trước khi về Sài Gòn học luật. Song hay đùa nói trông Tú như “cụ Lý” từ quê ra tỉnh vì lối phục sức và dáng điệu của Tú đứng đảnh đàng hoàng, trong khi sinh viên như chúng tôi thường thích làm dáng trí thức, đọc tiểu thuyết hiện sinh “cuộc đời phi lý và buồn nôn,” làm ra vẻ nổi loạn bất cần đời, và phô bày bề ngoài của mình càng nhàu nhò càng tốt. Hiền lành nhưng không kém cỏi, “cụ Lý” nhịn nhục ít lâu rồi ra chiêu phản pháo bằng câu thơ thâm thúy khiến Song ghen hòng,

*Cụ Lý gờ tay mó củ bùi,
Bèn đưa lên mũi thấy đầu hiu.*

Cuối năm thứ nhất, Tú thi rớt, hết tiền, và về Pleiku làm sở Mỹ kiếm tiền nuôi cô em gái. Mùa thu 1967, nó trở lại Sài Gòn trình diện nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức. Nó giới thiệu tôi và Song với ý trung nhân nó là Thanh Phú, một thiếu nữ mảnh mai dịu dàng thanh khiết. Nàng học ban Việt Hán Đại học Văn khoa và ở trong ký túc xá nữ sinh viên trên đường Trần Quý Cáp, thường được gọi là Đại học xá Trần Quý Cáp. Gia đình nàng ở Đà Lạt, cha là vị mục sư đứng đầu giáo phận Tin Lành Đà Lạt bao gồm vùng cao nguyên và một phần của miền duyên hải.

Tú được đưa về trung đoàn XX thuộc Sư đoàn Y Bộ Binh bộ chỉ huy đặt tại Vĩnh Bình tỉnh An Giang. Nó cầm đại đội quanh năm suốt tháng lợi sinh đi hành quân và giẫm khắp ruộng đồng sông lạch miền Tây. Khi tôi nhắc nó thận trọng trên chiến trường; nó cười ngạo nghễ,

*“Ông’ đếch muốn làm thằng hèn để sống dai theo kiểu,
Sống hùng, sống mạnh, sống không dai,
Sống ươn, sống hèn như em sống hoàì.”*

Sau những cuộc hành quân, thú vui duy nhất của Tú là nhậu say khướt với quân nhân thuộc quyền. Nó không liên lạc thư từ với bạn bè mà thỉnh thoảng lấy phép chạy về Sài Gòn, nơi đây chỉ còn tôi và Thanh Phú vì Song và các bạn Pleiku khác của nó đã ra trường và về tỉnh. Trong mấy ngày nghỉ phép ngắn ngủi, Tú và Thanh Phú không rời nhau, *dính như sam cặp*. Tôi và cô em gái sống trong ngôi nhà rộng, có dư phòng cho hai người tạm trú, và có dư chiếc xe Honda hai bánh cho họ chở nhau đi chơi. Đôi bạn gần gũi nhau, tỏ tình yêu thương, và ban đêm ngủ chung giường, nhưng tình yêu của họ không lắm thú vui xác thịt. Biết rằng trong xã hội Việt nam hiện tại, một thiếu nữ không còn trinh tiết sẽ bị chòng khinh khi, Tú và đám bạn thân của tôi nguyện giữ gìn cho người yêu cho đến đêm tân hôn. Vào thời buổi chiến tranh, ai biết chắc ngày mai mình còn sống để lấy nàng? Nếu trong một phút yếu lòng, không kèm chế được thì chỉ có một con đường – cưới nàng càng sớm càng tốt.

Mùa hè 1972, Tú đụng trận lớn, trúng đạn ở chân, thân nhiên chỉ huy “mấy thằng em” đẩy lui địch và thu dọn chiến trường, và chờ nửa ngày trời mới được trực thăng tản thương về quân y

viện Cần Thơ. Nó mất nhiều máu, và vết thương làm độc khiến bác sĩ phải cưa chân phải trên đầu gối. Nghe tin dữ, Thanh Phú tức tốc xuống Cần Thơ và suốt ba tháng trời, ăn ngủ trong bệnh viện, túc trực bên giường, và ban đêm ép mình nằm ngủ cạnh người yêu. Tôi xuống Cần Thơ thăm nó và rưng rưng nước mắt trước hình ảnh thiếu niên của người chiến binh bị thương; nó cười nhạo,

“Mày đẹp cái bộ mặt đưa ma đi giùm; ‘ông’ đã chết đâu? Tao còn may mắn có Phú và thằng bạn *khéo dư nước mắt* là mày.”

Tú thuật lại hôm trước cha mẹ Thanh Phú từ Đà Lạt xuống thăm nó. Ông mục sư nhấn mạnh nàng hoàn toàn “theo ý Chúa” khi tận tâm chăm nom nó, và đó là bốn phận nhân đạo của “con đức Chúa Trời.” Trước khi ra về, ông bảo gia đình nối tay nhau đứng quanh giường bệnh cầu nguyện,

“Chúng con xin cảm ơn Chúa đã ban ơn cứu sống Tú, con rể tương lai của gia đình. Xin Chúa ban cho Phú thêm can đảm, kiên trì, và sức mạnh để gánh vác việc gia đình và nuôi nấng người chồng tàn phế. *Amen.*”

Đôi mắt buồn mà cao ngạo sau cặp kính cận thị, Tú cầu nài, “‘Ông’ chỉ mất một chân chứ đếch phải tàn phế. ‘Ông’ đếch cần!” Tại sao một vị giáo chủ như cha Thanh Phú mà lại ăn nói vô ý thức như thế, nếu ông không cố tình chạm tự ái Tú – một kẻ ngoại đạo – để nó tự ý rút ra khỏi đời Thanh Phú?

Sau ba tháng nằm quân y viện, Tú giải ngũ về Sài Gòn và khắp khiêng chống nạng đi ghi danh học văn khoa, trước khi được ráp chân giả và tập đi bình thường. Ban ngày, ngoài giờ học ở trường, nó và Thanh Phú lúc nào cũng ở bên nhau; ban đêm nàng về Đại học xá Trần Quý Cáp. Người cựu chiến binh kiên trì vượt qua mọi khó khăn, thể chất cũng như tài chánh. Nó khéo tay và đa tài; thí dụ, để kiếm thêm tiền phụ vào trợ cấp của quân đội mỗi quý (ba tháng) lãnh một lần, nó cắt vải và cùng Thanh Phú may áo dài phụ nữ; họ may khéo và tính rẻ nên được các cô sinh viên đại học xá ưa chuộng. Nó sống trong xóm lao động nghèo, bà con lối xóm thương yêu “ông thương phế binh” và “cô *bồ ổng*” trong hình ảnh,

Ngày trở về, có anh thương binh lấy vợ hiền lành,

Người đẹp bên anh, ta cùng học hành.

(Phạm Duy – “Ngày Trở Về”)

Tú miệt mài đèn sách và mùa thu 1974, học chặng cuối chương trình Cử nhân Giáo khoa Văn chương Anh. Người có bằng cử nhân giáo khoa có thể xin làm giáo sư đệ nhị cấp trường trung học công lập mà không cần tốt nghiệp đại học sư phạm. Lúc này, Thanh Phú đã đậu Cử nhân Giáo khoa Việt Hán, được bổ làm giáo sư trung học ở Bình Dương, hằng tuần đi đi về về, và chỉ ghé thăm nó vào ngày Chủ Nhật cuối tuần. Nó kiếm được chỗ dạy kèm bao ăn ở trong một gia đình người Nam trên đường Trần Quý Khoách ở Tân Định. Học trò nó là Hồng Phụng, cô nữ sinh mười chín duyên dáng xinh xắn học lớp 12 trường trung học Lê văn Duyệt.

Một hôm tôi đến chơi với Tú nhằm lúc nhà Hồng Phụng có giỗ, được mời ở lại ăn cơm, và gặp người chị lớn của Hồng Phụng về nhà làm giỗ. Chị Hai trên ba mươi tuổi, dung nhan sắc sảo, ly

dị chồng, và có cô con gái lên năm đẹp và dễ thương như búp bê. Thấy tôi chơi đùa thân mật với bé; Tú trêu,

“Mày nựng con bé mà tao thấy dường như muốn nựng yêu mẹ nó. Coi chừng thằng trung tá Không quân chồng cũ của chị Hai nổi cơn ghen vác súng đến tìm!”

“Mày lo xa quá đáng! Tao không thèm làm anh cột chèo của mày đâu.”

Quả bóng thăm dò tôi tung ra mặc may không dè lại trúng chóc. Tú bối rối một giây rồi im lặng, ngẫm thừa nhận nó với Hồng Phụng đã *dính chân* rồi. Tội nghiệp Thanh Phú quá sức!

* * *

Tôi và Tú lạc mất nhau trong cơn hấp hối của Sài gòn cuối tháng Tư năm 1975. Giữa tháng Sáu, tôi đến trại tỵ nạn Trại Pendleton ở nam California và hầu như không tin mắt mình khi thấy Tú và Hồng Phụng dắt nhau đi ăn cơm chiều nhà bàn. Hai thằng ôm nhau sung sướng rơi nước mắt; nó kể,

“Sáng sớm ngày 30, tao lo quá bèn chạy xe đến nhà tìm mày; ông bà già nói mày đi rồi. Tao về nhà quờ vội chiếc xác tay chở Phụng ra bến tàu Sài gòn bỏ xe trên bờ rồi nhảy lên chiếc xà-lan sắp chạy ra tàu Hải quân lớn giữa sông. Tàu cao thả lưới cho leo lên, ‘ông’ và Phụng liều mạng bám vào lưới bò lên và đánh rơi cái xác đứng đồ tể nhuyển xuống sông. Vậy là ‘ông’ ra đi, mình trần thân trụi, và được đưa sang tạm trú trên đảo Wake rồi đến Trại Pendleton sớm hơn mày.” Wake là hòn đảo san hô nhỏ ở phía tây Thái bình dương và cách đảo Guam, nơi tôi đã tạm trú, khoảng 2,400 cây số về phía đông.

“Mày có bảo trợ đi định cư chưa?” tôi hỏi, câu hỏi đầu thường tình ở trại tỵ nạn.

“Lúc làm thủ tục giấy tờ ở đảo Wake, hai đứa khai là vợ chồng cho *tiện việc sổ sách*. Phụng nó khoái tĩ lắm! Chị Ba là bà chị lớn thứ hai của Phụng đang làm giấy tờ bảo trợ tụi tao, chị lấy chồng Mỹ làm lính Không quân ở Fairfield ở bắc California.”

Đầu tháng Tám, tôi lại chia tay với Tú. Nó và Hồng Phụng đi Fairfield, gia đình tôi sửa soạn đi North Dakota ở mạn bắc Hoa kỳ. Những ngày đầu ở xứ Mỹ của vợ chồng Tú không mấy tốt đẹp. Tụi nó ở chung với vợ chồng chị Ba trong căn *apartment* nhỏ, Tú làm *busboy* (phụ chạy bàn) và rửa chén trong nhà hàng Tàu, và Hồng Phụng phụ bán hàng trong *PX* (gian hàng quân tiếp vụ) với chị. Sau một tháng đi đứng liên tục tám, chín tiếng đồng hồ một ngày trên chiếc chân (thực) duy nhất, Tú *sụm bà chè* phải nghỉ việc và gọi điện thoại vào trại Trại Pendleton xin tìm bảo trợ khác.

Thời may, lúc đó Ủy ban Học chánh thành phố Rockford, Illinois gần Chicago cần một giáo sư người Việt giỏi Anh ngữ để phối hợp chương trình ESL (“English as a Second Language” là chương trình dạy tiếng Anh cho người ngoại quốc) dành cho học sinh tỵ nạn người Việt. Tú vui mừng nhận việc làm lý tưởng này, và cùng Hồng Phụng dời sang Rockford. Trong những năm tiếp theo, ban ngày nó dạy học, buổi tối học lớp đêm, và lần lượt đỗ Cao học và Tiến sĩ Giáo dục rồi làm giáo sư trưởng ban ESL tại đại học cộng đồng địa phương. Hồng Phụng học nghề uốn tóc và sau vài năm làm thợ, mở tiệm làm chủ và làm ăn phát đạt. Vợ chồng Tú sống hạnh phúc và sung túc với hai cô con gái xinh xắn và thông minh.

* * *

Khoảng mười năm sau cuộc đổi đời thương đau, nhờ Song cho địa chỉ, Thanh Phú viết thư cho tôi. Nàng cho biết, *“Sáng ngày 30 tháng Tư, tôi đến tìm Tú, người nhà Phụng nói Tú vừa ra đi trước đó mười phút đồng hồ.”* Theo lời khuyên của cha, nàng kết hôn với anh bạn trước học lớp trên ở trường Văn khoa và đã có bốn cậu con trai. Nàng nhờ tôi chuyển lại cho Tú bức thư trong đó ghi lại bài thơ “Ta Về” của Tô Thùy Yên,

*Ta gọi thời gian sau cánh cửa,
Nổi mừng ràn rụa mắt ai sâu,
Ta nghe như máu ân tình chảy,
Từ kiếp xưa nào đã lạc nhau.*

Tú gửi tiền về giúp vợ chồng Thanh Phú đều đặn, nhưng một mực im lặng, không viết thư cho nàng. Một ngày cuối thập niên 1990, nàng đột nhiên bay từ Sài Gòn sang Rockford và xuất hiện ở nhà Tú. Nàng ăn nói và cư xử với Tú giống hệt như xưa, xem như thời gian 25 năm xa cách đã biến mất “sau cánh cửa.” Tú ngỡ ngàng, nhưng đành chịu phép. Hồng Phụng dờ khóc dờ cười, và với bản tính người Nam rộng rãi và cởi mở, đồng ý để Tú mời Thanh Phú ở lại nhà,

“Chẳng thà để họ tình tự ở nhà, mình biết rõ chuyện gì xảy ra. Còn hơn ra ngoài khách sạn, họ làm gì mình không biết.”

Sau hai tuần, Thanh Phú về nhà và tiếp tục sống lại mối tình thời hoa niên bằng tâm tưởng. Hai năm sau, Quỳnh Châu có việc về Sài Gòn và thay tôi đến thăm Thanh Phú; hai cô gặp nhau lần đầu tiên. Trong khi trò chuyện, vợ tôi vô tình nói về người bạn thân của Tú là Hoan. Tương tự như Tú và Phụng, Hoan và cô bồ đi di tản sang Hoa Kỳ, lập gia đình với nhau, và sinh con đẻ cái, nhưng rồi *cơm không lành canh không ngọt* phải chia tay. Mới đây Hoan cưới vợ lại.

Biết chuyện này, Thanh Phú tức tối lồng lộn và hằng ngày gọi điện thoại viển vông “tra tấn” Tú, *“Tại sao anh Hoan lấy vợ lại được mà anh không bỏ Phụng để cưới em được?”* Tú chịu trận nghe từ đầu đến cuối, trong lúc Hồng Phụng đau khổ khóc muồi. Một tháng, hai tháng, rồi ba tháng trôi qua, cuộc sống hôn nhân của hai người trên đà tan rã. Hai cô con gái – Hoàng Phương là luật sư và Hoàng Anh công chức chính phủ liên bang – đang ở xa, về nhà nói chuyện “phải trái” với bố,

“Nếu bố không chấm dứt liên lạc với cô Phú, bắt buộc tội con phải về phe mẹ lòi bố ra tòa lý dị. Tội con sẽ bắt mẹ ‘lột’ bố sạch sành sanh để bố không còn cái áo sơ-mi mà mặc.”

Tú đổi số điện thoại, hình như dọn nhà đi nơi khác, và từ đó biệt tăm; tôi không có cách nào để liên lạc với nó. Bị *yêu quá cũng khổ đời!*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 13 tháng Ba, 2024

Một Đời Đàn Bà Bất Hạnh

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ cuối năm 1975, vợ chồng tôi thường bị gọi đi thông dịch cho người đồng hương trong cộng đồng tỵ nạn Việt nam nhỏ bé ở Bismarck, North Dakota. Quỳnh Châu trở thành “chuyên viên” giúp xin *welfare* và *food stamps* ở sở Xã hội Quận Burleigh (của Bismarck). *Welfare* là tiền trợ cấp hằng tháng cho “gia đình Mỹ có con cần nuôi dưỡng,” và *food stamps* là phiếu thực phẩm cấp cho người có lợi tức kém. Thét rồi Bích Mạc con đầu lòng của chúng tôi tưởng đó là việc làm chính thức của nàng. Năm lên ba, mỗi khi bị người lớn biết chuyện hỏi đùa, “Cu Mạc đi đâu đó?” bé làm bộ xách ví lon ton đi ra cửa và vênh mặt trả lời, “Mạc đi xin *food stamps*.”

Sở Cảnh sát Bismarck có số điện thoại của tôi, sở cũng như nhà. Trong giờ làm việc, khi cảnh sát gọi, tôi bỏ dở công việc để đi thông dịch. Những cú điện thoại của cảnh sát đến thường xuyên hơn giữa đêm khuya, lúc thường xảy ra ẩu đả trong nhà – chồng đánh vợ. Quỳnh Châu dậy đi với tôi, “Để chồng có bạn và bớt buồn ngủ.” Nàng ra công khuyên nhủ bà vợ khai với cảnh sát là vụ xô xát chỉ do hiểu lầm, trong khi tôi thuyết phục ông chồng chịu khó về nhà tôi ngủ một đêm trên ghế *xô-pha* phòng khách, thay vì phòng giam của bộ cảnh sát. Tôi gặp Dần lần đầu trong một chuyến “hòa giải” như thế. Tên “Dần” cho thấy anh sinh năm Mậu Dần (1938), lớn hơn tôi mười tuổi. Anh trước là thượng sĩ Hải quân, người cao mảnh khảnh, và giọng từ tốn nói tiếng Huế pha lẫn tiếng Nam.

Ít lâu sau, một chiều Chủ Nhật, Dần mời vợ chồng tôi đến thăm nhà “mới” của anh, ngôi nhà rộng rãi chính phủ thuê cho gia đình tám người của anh ở. Anh giới thiệu người đàn ông lạ mặt, “Phúc là trung sĩ ở cùng giang đoàn với *tui*. Ba tuần trước, Phúc từ Los Angeles lên đây thăm anh em, vô trong Melroe hỏi thử việc làm thì nó nhận *liền cái rụp*, và ở lại làm việc luôn. Phúc tuổi Thìn nên số sướng, đi *mô* cũng được *quới hơn* phò hộ.” Melroe là hãng ráp máy cày và chế tạo đồ phụ tùng máy cày lớn và duy nhất của North Dakota, và “tuổi Thìn” là sinh năm Canh Thìn (1940).

“Anh có đem theo gia đình không?” tôi hỏi, câu mở đầu thường tình của dân tỵ nạn mới gặp nhau.

“*Tui* theo tàu Hải quân qua đây một mình. Vợ và hai đứa con, một trai một gái, để lại bên Việt nam,” nét mặt Phúc rầu rĩ.

Phúc người tầm thước, mặt đen đúa và tóc quăn, và dáng điệu lù đù, nhưng ăn nói suôn sẻ và mạch lạc. Anh người làng Mỹ Lợi cách Huế khoảng 40 cây số về hướng đông nam và đặc biệt là làng duy nhất trong tỉnh Thừa Thiên mà dân chúng nói giọng Quảng Nam.

Dần dần tôi chơi thân với Dần. Anh tháo vát, nhiều sáng kiến, và cuối tuần làm đầu têu dẫn gia đình anh, gia đình tôi, Phúc, và vài ba thanh niên khác đi cắm trại ngoài trời, đi câu cá, và ra nông trại làm gà, làm heo, hay làm bò nướng bê thui. Anh hào phóng và hiếu khách nên nhà anh là nơi tụ tập ăn nhậu của đám tỵ nạn, đồng nhất là bọn độc thân (sang Mỹ một mình) đến

nhậu ké. Trong số đó, Phiến người Việt gốc Hoa là kẻ đa tài chịu khó và thích giúp người, nhưng có tật hay phát ngôn bừa bãi.

Rượu vào lời ra, bọn đàn ông bàn nhảm về các bà các cô độc thân, hay *độc thân tại chỗ* (chồng còn ở Việt nam), trong số đó Hạ Viên và bà Duyên mẹ nàng được nói tới nhiều nhất. Mới 22 tuổi, nàng là mẹ của hai cô bé lên năm và lên ba. Bà Duyên trạc tứ tuần, góa chồng, và ngoài Hạ Viên còn có hai cậu con trai 14 và 12 tuổi. Hồi Sài gòn, bà lau chùi dọn dẹp văn phòng cho một cơ quan dân sự Hoa kỳ và đầu tháng Tư năm 1975, di tản bằng máy bay cả gia đình, ngoại trừ chồng Hạ Viên là lính Nhảy Dù không thể đi theo. Đến Bismarck, bà và con gái tách ra thành hai gia đình riêng rẽ để hưởng trợ cấp chính phủ tối đa.

Phức làm *ca* đêm trong xưởng dây chuyền lắp ráp của hãng Melroe và ban ngày rảnh rỗi lái xe loanh quanh, ai nhờ làm việc gì cũng không nề hà. Hai nhà không có đàn ông của mẹ con bà Duyên lúc nào cũng có chuyện vặt cần làm và khi xong việc, mời Phức ở lại ăn cơm. Anh hoan hỉ nhận lời thay vì ra tiệm McDonald's hay Burger King ăn *hamburger* khó nuốt. Biết anh tuổi sần sần như bà Duyên, Phiến chắc mẩm thế nào anh cũng "*dzô*" bà ta và *chọc quê* anh bằng bài hát "Tình Cho Không" nhạc Pháp lời Việt của Phạm Duy (1921 - 2013),

*Tình cho không, biểu không
Ân tình ai cũng cho được nhiều
Tình cho không, biểu không
Chớ nên mua bán tình yêu.*

Không dè, trong một buổi đi chơi nông trại ngủ qua đêm, Phức chở theo mẹ con Hạ Viên và cho biết sẽ chung sống với nàng. Bụng nàng đã mum múp, cái bầu khoảng bốn, năm tháng. Rồi anh đưa nàng đi thuê nhà (nàng đứng tên và chính phủ trả tiền), và họ dọn vào xây tổ uyên ương. Họ mở tiệc mời bạn bè "ăn tân gia"; bọn đàn ông nâng ly chúc mừng "đôi trẻ" và uống say túy lúy. Nhưng ràng buộc "gia thất" không cầm chân Phức ở nhà, anh vẫn dự tiệc nhậu cuối tuần ở nhà Dền một mình và cười cười nghe Phiến chọc ghẹo "*chồng già vợ trẻ là tiên*." Nó còn giễu cợt, "Từ nay, anh Phức không còn phải vác 'bộ đồ nghề' chạy rong suốt đêm."

Ngày Hạ Viên sinh bé trai Ronnie, ai nấy đều mừng cho Phức. Anh tổ chức tiệc mừng lễ *khảm tháng* (đầy tháng) của bé với sự tham dự nồng nhiệt của bạn bè. Nhưng chỉ hai tháng sau, một đêm bé được đưa vào nhà thương cấp cứu vì chấn động não, hình như bị đánh rơi từ trên cao xuống sàn nhà, và tắt thở trước khi bác sĩ khám nghiệm. Hầu hết người Việt và người bảo trợ đến nhà thờ dự tang lễ của bé. Sau đó, sở xã hội mở cuộc điều tra, nhưng quyết định không làm khó dễ Hạ Viên mà chỉ buộc nàng không cho Phức sống trong nhà, nếu không sẽ cúp mọi trợ cấp.

Sau một thời gian dài không đến nhà Dền, tôi tình cờ gặp Phiến đi mua hàng trong thương xá. Nó cười toe toét,

"Bị đá ra khỏi nhà cô Viên, anh Phức dọn về ở chung với *tui*, chia trả tiền nhà và điện nước. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, *anh* tìm ra mối *cơm no bò cưỡi* mới. Tài thiệt!"

"Lần này con tim cô đơn nào có điểm phúc được anh Phức dâng hiến tình yêu?"

“Chị Anh vợ anh Giang chứ ai. Có một đạo *chỉ* đóng vai ‘phòng nhì’ của ông Mẫn, anh nhớ không?”

Người tình mới của Phúc là Yến Anh. Chị có chồng là Giang trước làm trung sĩ Quân cụ ở Nha Trang và đã có bốn đứa con. Em ruột của chị có chồng là Mẫn trước làm việc cho một cơ quan dân sự Hoa kỳ ở Sài gòn và có hai đứa con. Đầu tháng Tư năm 1975, Mẫn đưa gia đình ông cùng với chị vợ và bốn đứa cháu di tản bằng máy bay; Giang anh cột chèo của ông là quân nhân không dám đào ngũ đi theo. Trong thời gian nằm trong trại tỵ nạn Đồn Chaffee, Mẫn tần mẩn táy máy chơi trò “*đánh hoa đánh cả cùm*,” “đánh” luôn chị vợ, nên bị gọi là “Mẫn Hai Vợ.”

Kết quả của cuộc vui lén lút là Yến Anh có thai và khi xuất trại sinh ra cô con gái út, trên giấy tờ là con của Giang dù anh còn kẹt ở Việt nam. Yến Anh sống với năm đứa con khi anh vượt biên sang đoàn tụ với vợ con. Nhưng rồi gia đình nghểnh ngẩng đó chia làm hai: Chính phủ thuê nhà cho anh và bốn đứa lớn ở, cấp *apartment* chính phủ cho chị và bé út, và trợ cấp đầy đủ cho cả đôi bên.

Phúc áp dụng chiến thuật cũ để chinh phục người đàn bà năm con: rỉ rả lui tới thăm viếng và giúp làm chuyện vặt. Ban đầu Yến Anh mời anh ở lại ăn cơm, dần dần kêu ngủ lại đêm, và cuối cùng rủ dọn tới ở chung cho tiện. Phiến tiếp tục kể,

“Anh Phúc ăn ở *chùa* cả năm mà không ai hay. Cho đến khi anh Giang được hãng Melroe nhận vào làm, và tụi Melroe tốt bụng cắt đặt *ảnh* làm chung đơn vị dây chuyền lắp ráp với anh Phúc và ông Mẫn. Ba tay cùng ‘cày một đám ruộng’ phải ngó mặt nhau suốt *ca* đêm!”

“Tôi đoán ra rồi,” tôi cố nhin cười, “Một trong hai tay ‘thợ cày’ kia báo cho sở xã hội đến khám *apartment* chị Anh và bắt gặp anh Phúc. Kẻ đào hoa lại bị đá văng ra khỏi nhà!”

“*Ảnh* lại về ở chung với *tui*. *Tui* làm ban ngày, và *ảnh* làm đêm nên không mấy khi thấy mặt nhau. *Ảnh* làm *ca* mười tiếng và nghỉ cuối tuần ba ngày thì lái xe đi Fargo hú hí với cô ‘vợ’ mới nghe nói giàu lắm, không biết *ảnh* ‘*dzô*’ hồi nào. Con dê xồm như *ảnh* khi nào chịu để ‘súng ống’ nằm không!” Fargo là thành phố lớn nhất North Dakota và cách Bismarck 200 dặm Anh về phía đông.

* * *

Giữa thập niên 1990, hầu hết người Việt đến Bismarck năm 1975 - 1976 đã dọn đi nơi khác, và tôi không còn liên lạc với Phúc hay biết anh ở đâu. Một hôm anh bất thần đến nhà tôi và sau vài câu thăm hỏi, nặng lời trách móc,

“*Tui* với anh ở với nhau như *đội* [bát] nước đầy, chưa bao giờ mất lòng nhau. Nhưng sao bây giờ anh xen vô chuyện gia đình *tui* mà không cho *tui* biết?”

“Anh nói gì, tôi không hiểu? Tôi chẳng biết ất giáp gì về gia đình anh cả,” tôi ngạc nhiên hết sức.

“Hôm nay *tui* bị đòi lên sở xã hội, họ nói ‘Mr. Nguyen’ chứng thực với cảnh sát là *tui* bỏ bê gia đình và ngược đãi vợ con,” Phúc hơi dịu giọng, “Nếu không phải anh thì còn *ai* trồng *khoai* đất này?”

“Anh lầm rồi. Tụi tôi hết làm thông dịch *chùa* cho sở xã hội hay cảnh sát lâu rồi. Việc gì xảy ra?”

“Chuyện phức tạp” của Phúc bắt đầu từ đầu thập niên 1980. Sau khi làm thủ tục nhập tịch với sở Di trú và Ngoại kiều, Phúc tiện thể điền mẫu đơn xin bảo lãnh vợ con sang Hoa kỳ. Anh làm đơn để lương tâm khỏi cắn rứt chứ trong thâm tâm tin chắc việc đó sẽ không bao giờ xảy ra và sau đó quên bẵng đi. Nhưng ở Việt nam, mẹ con chị Phúc kiên trì lo xúc tiến thủ tục giấy tờ, và hai đứa con lớn lên đến tuổi trưởng thành quyết không lập gia đình để giữ điều kiện độc thân cần thiết. Mười ba năm sau, dùng một cái Phúc được thông báo vụ bảo lãnh được chấp thuận, vợ con anh bay đến Bismarck, và anh không thể không nhận.

Tránh đề cập đến chuyện rắc rối với sở xã hội, Phúc kể cậu con trai chất hàng trong siêu thị bị cảnh sát câu lưu vì dính líu tới đường dây ăn cắp hàng hóa của kho hàng. Cô con gái nướng *hamburger* trong tiệm Burger King cặp bồ với một thanh niên người Việt trẻ hơn cô ba, bốn tuổi, nhưng khi cô báo tin *dính* bầu, chàng ta bỏ trốn mất tăm. Cô nhờ bạn đưa đi phá thai, sau đó chán đời toan tự tử, và phải vào bệnh viện tâm thần điều trị cả tháng trời. Riêng bà vợ thì, “Tiếng Anh tiếng U không biết một chữ, không làm được gì, và quanh năm suốt tháng bệnh rề rề vô ra nhà thương như cơm bữa.”

Tôi biết ngay “Mr. Nguyen” là bác sĩ Đoan. Anh họ Nguyễn như tôi, là bác sĩ tâm thần từ bắc California lên Bismarck làm việc vài năm nay, cùng trang lứa và chơi thân với tôi, và thỉnh thoảng mời gia đình tôi đến nhà ăn cơm tối. Tôi không hề nghe anh nói về gia đình Phúc có lẽ vì phải giữ kín chuyện riêng tư của bệnh nhân. Tôi an tâm vì nạn nhân trong vụ này – chắc hẳn là chị Phúc – sẽ được anh bảo vệ và giúp đỡ theo luật pháp Hoa kỳ. Khi từ giã, tôi bắt tay Phúc,

“Chúc anh may mắn và khó khăn qua mau. Tôi ít giao thiệp với người mình nên không nghĩ ra ‘Mr. Nguyen’ là ai.”

Một tối cuối năm, tôi và Quỳnh Châu đến nhà quán viếng đám tang một người bạn đồng nghiệp của tôi vừa mất vài hôm trước. Khi ra về, chúng tôi gặp Phúc ngoài bãi đậu xe với nét mặt buồn buồn. Tôi hỏi,

“Anh Phúc, đi đâu đây?”

“*Tui* tới lo chuyện thiêu xác bà vợ. *Bả* chết tuần trước, *chừ* còn nằm trong phòng lạnh nhà quán.”

“Tội nghiệp chưa! Xin chia buồn với anh và các cháu. Khi nào đám tang chị?” Quỳnh Châu hỏi.

“Đám tang đám tiệc chi *mô*! Thiêu xong, *tui* gửi tro về cho anh em *bả* bên làng Mỹ Lợi. Cho *bả* về lại quê nhà!”

Nhìn Phúc lòm khòm bước khuất sau cánh cửa, Quỳnh Châu ngậm ngùi, “Xong rồi *một đời đàn bà bất hạnh!*” Tôi tự hỏi trong mấy mươi năm dài, chị Phúc hưởng được mấy ngày hạnh phúc.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Ba, 2024

Anh Chàng Ba Quốc Tịch

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sống ở Bismarck, North Dakota có điều bất tiện là di chuyển bằng đường hàng không mất khá nhiều thì giờ. Tiểu bang North Dakota đất rộng dân thưa, dân chúng chuyên về nghề nông và chuồng di chuyển bằng xe hơi để đi đường xa hơn đi máy bay, và số hành khách dùng máy bay để đi công tác như tôi nhiều hơn số hành khách di chuyển vì lý do riêng tư. Từ phi trường Bismarck, muốn đi đâu thì trước hết phải bay tới một trong hai phi trường lớn: phi trường Minneapolis, Minnesota để chuyển sang chuyến bay tới các thành phố phía đông và phi trường Denver, Colorado để đi về phía tây, ngoại trừ Minneapolis hay Denver là nơi đến. Vì vậy, mỗi tháng đi họp tôi phải đợi hằng nửa buổi tại một trong hai phi trường này để chờ bay về nhà.

Đối với tôi, đó là cái giá nhỏ phải trả để sống ở thành phố Bismarck nhỏ bé hiền hòa. Nơi đây dân chúng hòa nhã niềm nở và hay giúp đỡ, hầu như không có trộm cướp, và không bao giờ bị kẹt xe. Bạn đồng nghiệp ở sở tôi hay nói đùa, “Kẹt xe là khi có hơn năm chiếc xe sắp hàng đợi đèn xanh ở ngã tư.” Nhiều bạn tôi sống ở thành phố lớn phải *commute* (đi lại đều đặn giữa hai nơi) đi làm, có người lái xe mất đến hai tiếng đồng hồ mỗi lượt đi hay về, trong khi tôi đi bộ tới sở không tới mười phút. Buổi trưa tôi về nhà vừa ăn cơm vừa xem *ti-vi* và đôi khi chợp mắt một lát trên ghế *xô-pha* trước khi trở lại làm việc.

Là dân tỵ nạn với vốn liếng Anh ngữ ban đầu không bằng đồng nghiệp người Mỹ, tôi miệt mài làm việc, học hỏi, và nghiên cứu với nỗ lực gấp năm gấp bảy họ. Tôi hằng hái nhận lãnh thêm nhiệm vụ mới để thăng tiến nghề nghiệp và tận dụng sở trường của mình là kiến thức lý thuyết về điện thuật và toán học. Sau gần 20 năm làm việc cho Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU), tôi trở thành một kỹ sư kế hoạch có khả năng hảo hạng trong các lãnh vực thảo chương điện toán dùng FORTRAN (ngôn ngữ dùng tính toán trong các áp dụng khoa học và kỹ thuật), tiên đoán mức dùng điện của khách hàng, và hoạch định hệ thống phát điện tương lai.

Ở Bắc Mỹ, những hệ thống điện nối với nhau thành ba liên mạng hầu như độc lập: Liên mạng Đông, Liên mạng Tây, và Liên mạng Texas (chỉ gồm tiểu bang Texas). Trong mỗi liên mạng, các cơ quan điện lực có khu vực hoạt động gần nhau hợp lại thành tổ hợp để mua bán điện, hợp tác kỹ thuật, và chung vốn đầu tư vào các dự án điện nhằm phục vụ khách hàng hữu hiệu hơn với giá điện rẻ hơn. Công ty tôi nằm trong Liên mạng Đông và là hội viên của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa (MAPP).

Tổ hợp MAPP gồm hơn 40 công ty cung cấp điện cho năm tiểu bang Hoa kỳ và hai tỉnh Gia Nã Đại. MAPP đặt trụ sở tại Minneapolis và hoạt động tùy thuộc phần lớn vào các ủy ban MAPP mà thành viên do những công ty hội viên cử vào. Tôi lần lượt được cử vào một số ủy ban và dần dần giữ chân chủ tịch một ủy ban quan trọng có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn kỹ thuật mà hội viên MAPP phải tuân hành. Nhờ đó, trong vùng MAPP, tôi được nhiều người biết mặt biết tên và quen biết và giao thiệp thường xuyên với nhân viên các công ty khác.

Trong ngành điện lực, danh từ “reliability” (tính đáng tin cậy) chỉ khả năng cung cấp điện liên tục và thỏa mãn cho khách hàng. NERC, tức là North American Reliability Council, đặt trụ sở tại Princeton, New Jersey là “hội đồng” hay cơ quan có nhiệm vụ tìm cách giảm thiểu nguy cơ đe dọa *reliability* của các hệ thống điện trên toàn Bắc Mỹ. Về mặt *reliability*, ba liên mạng Bắc Mỹ chia ra thành mười vùng điện lực mà MAPP là một.

Giữa thập niên 1990, cuộc đời nghề nghiệp của tôi hướng về một chân trời mới khi MAPP cử tôi làm đại diện trong Tiểu ban Thẩm định tính Đáng Tin cậy (viết tắt là RAS) của NERC. RAS khảo sát sự hoạt động của các liên mạng và phúc trình khuyết điểm có thể đưa tới cúp điện trong một khu vực rộng lớn như đã xảy ra ở vùng đông bắc Hoa Kỳ năm 1965. Tiểu ban họp hàng tháng tại các thành phố lớn ở Hoa Kỳ và Gia Nã Đại và mỗi năm ấn hành phúc trình thẩm định *reliability* của mười vùng điện lực cho ba khoảng thời gian khác nhau: mùa hè, mùa đông, và 10 năm (dài hạn) sắp tới. Những phúc trình này được công chúng và báo chí tin dùng và xem là thước đo *reliability* của kỹ nghệ điện lực.

Với kiến thức rộng rãi bao gồm các phạm vi kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế, tôi giúp tiểu ban RAS phân tích và giải quyết những vấn đề liên quan đến chính sách năng lượng quốc gia có thể đưa tới cúp điện quy mô. Tôi có tài viết Anh ngữ cô đọng, chính xác, và đúng văn phạm ít ai bằng nên các bản phúc trình khởi thảo sau khi tôi duyệt lại mang đầy những dấu kẻ xanh đỏ đề nghị sửa đổi. Bạn đồng sự RAS nói, “*Ba Hoa* chỉ trích [phúc trình khởi thảo] thì ắt phải đúng, đừng cãi vô ích.” Đối với họ, tôi còn là kẻ “nhấn tâm và dai dẳng”: Khi điều tra *reliability* mà thấy có vấn đề gì đáng nghi ngờ tại một hệ thống điện, tôi cật vấn vùng điện lực liên hệ tới kỳ cùng. Cho đến khi vùng điện lực ấy giải thích thỏa đáng hay cam kết sẽ cải thiện hệ thống theo tiêu chuẩn kỹ thuật của NERC.

Tôi đi họp tổ hợp MAPP thì công ty tôi trả chi phí di chuyển và ăn ở, và họp tiểu ban RAS thì MAPP trả chi phí, nhưng việc ở công ty MDU trả lương cho tôi mỗi hai tuần vẫn là bốn phần của tôi. Trước khi đi họp, tôi làm ngày làm đêm cho kịp *deadline* (hạn cuối cùng) của các dự án. Đi họp về, tôi làm thêm giờ để bắt kịp những dự án dồn tới trong khi tôi đi họp, cộng thêm những công tác mới do ủy ban MAPP hay RAS cắt đặt. Tôi bận rộn ngập đầu, chiếc máy điện toán trên bàn làm việc ở nhà ngày đêm nhận điện thư liên quan đến công việc. Mỗi khi tôi vào sở làm việc ban đêm hay cuối tuần, Quỳnh Châu phải gọi điện thoại vào nhắc về nhà trước khi cơm nước nguội lạnh, hay con không chịu đi ngủ đòi ba về “nói *good night*.”

Làm việc vất vả nhưng tôi hãnh diện làm nên sự khác biệt – góp phần giữ điện chạy liên tục đến mọi nhà. Đó là cách duy nhất tôi có thể diễn tả lòng biết ơn sâu xa đối với đất nước đã cư mang gia đình tôi.

* * *

Một buổi chiều mùa hè cuối thập niên 1990, tôi bay từ Bismarck qua ngã phi trường Denver đến Vancouver, Gia Nã Đại để dự một phiên họp ba ngày của tiểu ban RAS. Tôi đi chuyến bay chiều vì buổi sáng phải dự một phiên họp quan trọng ở sở và hy vọng đến nơi không quá trễ vì giờ Vancouver đi sau Bismarck hai tiếng đồng hồ. Tám giờ tối, phi cơ đáp xuống phi trường, tôi

mệt mỏi ngáp dài mong về tới khách sạn trước giờ đi ngủ thường ngày. Tôi đã đến Vancouver vài lần. Tôi cũng đã nhập cảnh Gia Nã Đại nhiều lần, cả bằng đường bộ lẫn đường hàng không, qua các cửa biên giới khác nhau. Việc đi lại giữa hai nước khá dễ dàng: Đến biên giới, tôi chỉ cần xuất trình bằng lái xe hay giấy tờ chứng minh mình là cư dân Hoa kỳ, và nhân viên kiểm soát quan thuế và di trú Gia Nã Đại thường chỉ quan tâm đến hai điều sau đây.

Thứ nhất, họ cố cản người nhập cảnh từ Hoa kỳ mang rượu và thuốc lá quá mức được phép vào Gia Nã Đại bán kiếm lời vì ở đây hai món hàng đó chịu “sin tax” (thuế đánh vào các món hàng “tội lỗi”) rất cao khiến giá hàng cao hơn ở Hoa kỳ rất nhiều. Thứ hai, họ cố chặn dân Mỹ vào làm việc và lấy việc làm của nhân công Gia Nã Đại vì nơi đây nghiệp đoàn có quyền lực rất lớn và công nhân hưởng quy chế lương bổng và quyền lợi cao hơn ở Hoa kỳ. Được đồng nghiệp ở sở mách nước từ nhiều năm qua, tôi không mang theo rượu hay thuốc lá, chuẩn bị sẵn tên và địa chỉ một người bạn tại nơi đến, và khi bị hỏi mục đích của chuyến đi, trả lời tỉnh bơ,

“Tôi là du khách sang thăm bạn, viếng cảnh, và tiêu tiền.”

Thường thì sau không quá vài phút, nhân viên kiểm soát Gia Nã Đại đóng dấu trên tờ khai nhập nội và vẫy tay cho tôi qua. Nhưng lần này, sau khi đánh chi tiết lý lịch của tôi vào máy điện toán, người đàn ông ngồi sau quầy kiểm soát biến sắc mặt nhưng trầm tĩnh nói,

“Vị trưởng trạm có chuyện muốn thảo luận với ông.”

Trưởng trạm kiểm soát là một người đàn bà khoảng trên ba mươi tuổi, dáng mảnh khảnh, và ăn nói dịu dàng. Cô đưa tôi vào văn phòng, yêu cầu xác nhận những chi tiết đã khai, và hỏi,

“Có phải ông có quốc tịch Việt nam?”

“Tôi là công dân Hoa Kỳ. Nguyên thủy tôi là người Việt nam, nhưng năm 1975 sang Hoa kỳ tỵ nạn chính trị,” tôi bắt đầu chột dạ.

“Chúng tôi không thể cho phép ông nhập cảnh Gia Nã Đại,” giọng cô thoáng một chút khổ tâm.

“Tôi đã vào Gia Nã Đại nhiều lần, tại sao lần này bị cấm cản?” tôi tức giận nói lớn.

“Tôi lấy làm tiếc không thể nói,” cô lắc đầu.

“Tôi vào Gia Nã Đại do quyền đi lại được luật pháp và hiệp ước thông thương của hai nước Hoa kỳ và Gia Nã Đại bảo vệ. Nếu cô không nói rõ lý do và nêu bằng chứng thì chính cô là người vi phạm luật lệ quốc tế,” tôi mạnh dạn phản đối.

Cô trưởng trạm thấy mình đuối lý nên miễn cưỡng nói, “Mời ông ra trước văn phòng ngồi đợi để tôi xin lệnh cấp trên.” Tôi bỗng nhớ ra câu chuyện Bảo kể vài tháng trước. (Anh là bạn thân của tôi ở trường kỹ sư và chủ trương tạp chí *Xxxx Việt* ở Toronto, Gia Nã Đại; đó là tờ báo chống Cộng mà tôi đã cộng tác mật thiết.) Không dưng, anh và vài anh em *Xxxx Việt* bị cơ quan an ninh Gia Nã Đại mời đến thẩm vấn về các vụ biểu tình phản đối trước tòa Đại sứ Việt Cộng (“VC”) ở Ottawa do *Xxxx Việt* tổ chức vào cuối thập niên 1980. Hồi đó, toán biểu tình cầm gậy VC tàn ác đối với đồng bào bên nhà nên có khi đập phá và “chơi bắn” lấy phân trét vào cửa tòa đại sứ. Tôi theo Bảo đi biểu tình ở Ottawa một lần.

Nửa tiếng đồng hồ sau, cô trưởng trạm xuất hiện và mời tôi trở vào văn phòng,

“Tôi được lệnh không tiết lộ lý do cấm ông vào. Ông phải sửa soạn trở về Hoa kỳ.”

Tôi rúng sợ. Tôi đưa ra tất cả chương trình nghị sự, phúc trình, và tài liệu về RAS; trình bày rành mạch với cô trưởng trạm; và kết luận,

“Phiên họp này rất quan trọng vì hệ thống điện Bắc Mỹ sắp đương đầu với thời điểm mùa hè dân chúng dùng điện cao nhất và có nguy cơ cúp điện hàng loạt. Tiểu ban RAS nhóm họp không thể thiếu tôi.”

“Dường như đó không phải là vấn đề của chúng tôi,” cô cười gượng gạo.

“Tôi sẽ quay về nếu cô viết cho tôi vài chữ nói là cô không cho phép tôi nhập cảnh Gia Nã Đại. Một sự thực không thể chối cãi! Viết tay cũng được, chỉ cần có chữ ký của cô. Sau này, nếu cúp điện xảy ra đâu đó, tôi không chắc nó sẽ hoàn toàn là vấn đề của RAS.”

“Ông làm ơn đợi tôi một lần nữa,” rõ ràng cô bị đặt vào thế khó xử.

Gần 11 giờ đêm (một giờ sáng hôm sau giờ Bismarck), cô trưởng trạm trở lại với nụ cười nhẹ nhõm, trên tay cầm một mẫu đơn,

“Chúng tôi đồng ý cho ông nhập cảnh, nhưng sẽ phạt ông 400 Gia kim.” Số tiền này trị giá khoảng 300 Mỹ kim.

“Cũng được!” tôi đã mệt đừ và không biết làm gì khác hơn là nhận phạt, nhưng không giấu nổi vẻ đắc thắng, “Trên giấy phạt, thế nào cô cũng phải ghi ra duyên cớ; phải không?”

“Chúng tôi đã nghĩ tới điều đó. Bốn trăm Gia kim là lệ phí để ông nộp đơn xin vào công dân thường trú Gia Nã Đại,” cô đưa mẫu đơn cho tôi điền.

Sau khi thu “lệ phí” trả bằng thẻ tín dụng, cấp biên lai, và chụp hình căn cước, cô trưởng trạm cấp cho tôi chứng chỉ công dân thường trú tạm thời có hiệu lực ba tháng. Sáng hôm sau, các bạn đồng sự RAS được một phen cười thỏa thích, và tôi thành “*anh chàng ba quốc tịch*.”

Để được bồi hoàn số tiền “lệ phí” \$300, tôi viết *memo* tường thuật sự việc (không đề cập đến *Xxxx Việt*) và gửi biên lai và bản sao chứng chỉ thường trú kèm theo *expense report* (tờ ghi công tác phí) thường lệ đến MAPP. Từ đó, trong giới MAPP, người ta kể giai thoại tôi bị ép làm công dân Gia Nã Đại làm chuyện cười.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 3 tháng Tư, 2024

Có Tiền Mua Tiên

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đầu tháng Hai năm 1999, cuối năm âm lịch gần Tết Kỷ Mão, tôi dự cuộc hội thảo do Viện Nghiên cứu Điện năng (EPRI) tổ chức ở Hoa Thịnh Đốn. Đây cũng là dịp hằng năm tôi gặp lại người bạn cũ là Mark, anh làm giám đốc mại dịch cho EPRI. Tôi tình cờ thấy tờ quảng cáo tiệc tất niên gây quỹ của cộng đồng người Việt ở Falls Church, Virginia trong vùng ngoại ô thủ đô và chiều thứ Sáu họp xong, rủ Mark đi dự và hứa, “Hôm nay tôi đãi anh ăn cơm Việt nam.” Chúng tôi lái xe đi lạc đường nên đến nơi trễ, vé vào cửa đã bán hết nhưng còn hai chỗ trống trên bàn danh dự, và do đó chúng tôi được ngồi chung với các nhân sĩ tiếng tăm và vừa ăn vừa thưởng thức chương trình văn nghệ do ca sĩ Hồng Uyên nổi tiếng phụ trách.

Tiệc tàn, trước khi ra tới chỗ đậu xe, tôi nghe tiếng nói sau lưng, “Ai như *Ba Hoa* mình vậy hè?” Ngạc nhiên quay lại, tôi nhảy bổ tới bắt tay người đàn ông cao lớn với vẻ mặt tươi cười: Tảo người Quảng Nam học cùng lớp kỹ sư điện với tôi. Từ ngày ra trường gần ba mươi năm trước, nay chúng tôi mới gặp lại nhau. Tảo giới thiệu vợ là Thảo Trang người Huế và hỏi,

“*Ba Hoa* ở đâu mà lạc tới đây? Hồi nãy mình thấy *Ba Hoa* ngồi trên bàn danh dự mà không tiện tới hỏi thăm.”

“Tôi ở North Dakota về đây họp,” tôi giới thiệu Mark và nói, “Bây giờ đã khuya mà tôi còn có anh bạn này, mai thứ Bảy mình gặp nhau được không? Trưa Chủ Nhật tôi mới bay về.”

“Mình ở Vienna thuộc Virginia, gần đây thôi. Hay mai *Ba Hoa* trả phòng khách sạn, mình đến đón *Ba Hoa* về nhà mình ngủ lại đêm?”

Sáng hôm sau, Tảo đến khách sạn đón tôi và đưa đi thăm vài chỗ hay ho của thủ đô và chiều lại, đưa về ngôi nhà khang trang mà vợ chồng Tảo ở chung với cha mẹ Thảo Trang; hai cô con gái Tảo đã có gia đình và ở riêng. Tôi hơi ngạc nhiên khi thấy Thảo Trang và cô em gái Thảo Trinh (ở nhà khác đến) đã mặc sẵn áo quần, trang điểm xong xuôi, và đợi Tảo đưa đi ra ngoài. Tảo giải thích,

“Bà xã mình và cô em là ca sĩ tài tử thường trình diễn ở các sinh hoạt cộng đồng như tiệc tất niên tối qua. Mỗi cuối tuần hai cô qua nhà anh Bằng tập hát, sau đó *anh* mời bọn mình ra nhà hàng ăn tối. Nghĩa là mình với *Ba Hoa* cũng qua đó luôn.”

“Bằng đó là ai mà *ngon lành* quá vậy?” tôi hỏi.

“Anh *nớ* là luật sư mà soạn nhạc hay *hết sảy*,” Thảo Trang trả lời giùm chồng, “Người dễ thương lại tài hoa mà gia đình bị đổ bể. Thiệt tội!”

Bằng ở trong khu *apartment* thượng lưu, căn *apartment* rộng rãi với đồ đạc đồ ngổn ngang. Dáng đi của anh xấu, anh bước đi như thể kéo lê bệt bàn chân trên mặt đất. Đôi mắt lơ đãng sau cặp kính cận thị và nét mặt u buồn, khi Tảo giới thiệu tôi, anh hơi nhếch mép và gật đầu, không nói một lời, và không để cho tôi có cơ hội hỏi han. Bắt tay ngay vào việc, anh đưa tập nhạc cho Thảo Trang và Thảo Trinh và đánh *keyboard* điện tử cho hai cô hát. Toàn các sáng tác mới của anh, trong đó bài “Tình Quê” mang hình ảnh làng quê nghèo Việt nam khiến tôi xót xa,

Bên chợ nghèo lao xao, có u già nhăn nheo

Bán vài cành rau héo, mời dăm trái mướp gầy.

*Trên bờ ruộng xa xa, có đôi trẻ thơ ngây,
Loanh quanh nhặt tôm tép, để ngon bữa cơm chiều.*

Một lần tôi thấy cô con gái khoảng 12, 13 tuổi của Bằng, cô từ phòng trong chạy ra nhà bếp lấy nước uống. Hình như thường ngày cô sống với mẹ và cuối tuần này đến với cha vì tới lượt cha thăm viếng. Nét mặt rầu rĩ đến tội nghiệp, cô không hề nhìn chúng tôi.

Sau khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ tập chị em Thảo Trang hát, Bằng lấy chiếc Mercedes-Benz sang trọng chở bốn người chúng tôi ra nhà hàng Tàu ăn tối; cô con gái vẫn ở trong phòng. Đường như thỏa thuận ngầm với nhau, Bằng, Tảo, và chị em Thảo Trang nói toàn chuyện âm nhạc và tránh chuyện riêng tư. Trở về nhà, trước khi Bằng bắt đầu đợt tập hát thứ nhì, tôi chợt thấy một tấm hình nằm khuất sau chồng sách trên bàn chụp ảnh đứng trước Tháp Bà Nha Trang; cái di tích cổ của người Chăm nằm trên đỉnh ngọn đồi nhỏ, dưới chân đồi là cầu Xóm Bóng. Có một thời, cha mẹ có ngôi nhà cách Tháp Bà khoảng 300 thước, và tôi đã ghé lại và ở đó nhiều lần. Tôi hỏi,

“Bức ảnh này chắc mới chụp. Anh về Nha Trang hồi nào?”

“Gần đây thôi. Tôi mang gần một ngàn chiếc xe lăn về tặng cho người tàn tật ở miền Trung,” anh miễn cưỡng trả lời.

“Có phải là chương trình tặng xe lăn do hội thánh Tin Lành địa phận Nha Trang tổ chức quyên góp và phân phát?”



Bằng không trả lời, ngầm công nhận điều tôi hỏi là đúng. Do sự liên hệ của anh với chương trình từ thiện Tin Lành, tôi đoán ra gốc tích của anh. Về nhà Tảo, tôi không nén nổi lòng tò mò,

“Anh Bằng ly dị bao lâu rồi mà thấy *giả* còn đau khổ quá vậy?”

“Chỉ mới ba, bốn tháng nay thôi. Gia đình giàu sang, vợ chồng giỏi giang, và con gái hiền ngoan mà một sớm một chiều tan nát,” Tảo ngậm ngùi.

“Tại sao? Chuyện gì xảy ra?”

“Dầu chơi thân với *anh*, tụi mình cũng không dám hỏi chuyện riêng. Nghe phong thanh như thế này.”

Bằng và vợ là Trắc Giang làm chủ một công ty thầu công tác ban đêm dọn dẹp và lau chùi các cao ốc mà ban ngày là nơi làm việc của những công ty khác. Công ty của vợ chồng Bằng lớn, thuê nhiều người Việt tỵ nạn, và có trên 500 nhân viên. Chị giữ chức tổng giám đốc, và anh làm phó tổng giám đốc cai quản phần tài chánh kế toán và có toàn quyền chi tiêu tiền bạc của công ty. Một hôm anh ngã bệnh phải nằm nhà thương, chị xem sổ sách thấy bản lưu tờ chi phiếu \$5,000 anh ký tặng ca sĩ Nguyệt Liên mà không có lý do. Chị nổi tam bành tức tốc chạy vào

bệnh viện, chìa bằng chứng anh lấy tiền cho gái, mắng chửi anh là đồ vô ơn bạc nghĩa, và nhất quyết đoạn tình.

Tôi thắc mắc,

“Ca sĩ Nguyệt Liên hát ở đâu, hồi nào mà tôi chưa hề nghe tiếng?”

“Cố sinh năm 1963, nhỏ hơn anh Bằng 18 tuổi. Năm 1981, theo gia đình vượt biên sang California, cố bước vào nghề ca hát nhờ có sắc đẹp, nhưng không lấy gì làm sáng giá vì chỉ biết hát theo lối ‘truyền khẩu,’ nghĩa là nghe người khác hát như thế nào thì bắt chước hát lại y như vậy. Nhờ lên sân khấu mà thành có tiếng, cố ‘bắt’ được anh chồng thương gia khá giàu và sinh một đứa con. Mười năm sau, *cơm không lành canh không ngọt*, hai người chia tay.”

“‘Đời, *c'est la vie*; tình, *c'est l'amour*!’” tôi buột miệng nói một cách vô duyên.

“Người mẹ độc thân ấy làm đôi ba việc khác nhau để sinh sống: trang điểm cô dâu và các bà đi dự dạ hội; giúp bà mẹ mở quán ăn có chừng chục bàn bán sống qua ngày, gia đình chủ quán vừa nấu bếp vừa chạy bàn; và thỉnh thoảng đi hát cho sinh hoạt cộng đồng hay chương trình từ thiện. Nhờ vụ hát hồng lai rai này mà cố gặp anh Bằng và gây bão tố cho gia đình *anh*.”

* * *

Bằng sinh năm 1945 ở Thái Bình, năm chín tuổi theo gia đình di cư vào Nam sống ở Nha Trang, và sau khi đậu Tú tài II, vào Sài Gòn học ở Đại học Luật khoa. Cha anh là mục sư Tin Lành giữ chức tổng giám mục địa phận Nha Trang bao gồm các tỉnh miền Trung. Năm 1967, anh đậu bằng Cử nhân Luật ban Kinh tế và tiếp tục học lên cao học.

Đầu năm 1971, trong khi cuộc hòa đàm diễn ra tại Paris, Bằng được chính phủ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) cử vào một trong những phái đoàn sinh viên gửi ra nước ngoài để “giải độc,” tức là phản tuyên truyền nỗ lực của Cộng sản bằng cách trình bày với sinh viên ngoại quốc cuộc chiến đấu anh dũng có chính nghĩa của quân dân miền Nam. Anh được gửi sang Tokyo, Nhật Bản. Cuối chuyến công tác, anh bỏ trốn xin ở lại “tỵ nạn chính trị.” Anh được Nhật cho ở lại, nhưng bỏ mặc anh tự túc sinh sống. Dù nhỏ bé ốm yếu, anh làm phu khuân vác để sống qua ngày.

Vận may của Bằng đến khi anh lọt vào mắt xanh của Trắc Giang, con một của một gia đình giàu có sang Nhật du học vài năm trước với mục đích chính là kiếm chồng. Cha mẹ chị không muốn chị lấy chồng trong nước vì sợ người đó phải đi lính chết trận hay bị thương khiến chị thành quả phụ hay có chồng tàn tật. Chị cứu vớt anh ra khỏi cơn đói khổ thiếu thốn, và hai người thành hôn. Với tiền bạc gia đình chị gửi sang, họ đi học chờ thời: Anh học quản trị công quyền, và chị học quản trị xí nghiệp.

Năm 1975, miền Nam sụp đổ, vợ chồng Bằng dắt díu nhau sang Toronto, Gia Nã Đại “tỵ nạn Cộng sản.” Anh tiếp tục học lấy bằng Cao học Kinh tế, và chị lấy bằng Cao học Quản trị Xí nghiệp. Khi chương trình đoàn tụ gia đình dành cho người tỵ nạn Việt nam được thiết lập, chị làm đơn xin bộ Nhân lực và Di trú cho cha mẹ chị ở Việt nam nhập cư Gia Nã Đại. Đơn được chấp thuận, và tin ông bà đến Toronto lan truyền trong cộng đồng tỵ nạn. Tối hôm đó, bạn bè và người quen rủ nhau ra phi trường đón ông bà. Anh chị cũng ra phi trường, nhưng không đón mà đứng đằng xa nhìn lại. Theo cách đối xử nhân đạo của chính phủ Gia Nã Đại, nếu người

nhập cư không có thân nhân thì nhân viên chính phủ phụ trách tiếp đón sẽ lo liệu nơi ăn chốn ở cho họ trong thời gian đầu. Nếu có thân nhân thì thân nhân phải lo nên cặp vợ chồng khoa bảng giờ trò khôn lỏi đùn cho chính phủ để khỏi tốn tiền.

Ít lâu sau, có lẽ không chịu nổi miệng thế chê cười, vợ chồng Bằng dắt díu nhau sang Hoa Thịnh Đốn sinh sống. Họ lập công ty, khuếch trương lớn mạnh, và làm ăn rất phát đạt. Bằng học lớp đêm trường Luật Đại học Georgetown và lấy bằng luật sư. Anh chị và cô con gái sống hạnh phúc. Cho đến ngày anh bị người đẹp Nguyệt Liên hớp hồn!

Bằng và Trắc Giang ly dị và phân chia tài sản, mỗi người ôm một số tiền kèch xù mà họ có thể đầu tư và sống giàu có suốt đời. Bằng gọi điện thoại viễn liên sang nam California cho Nguyệt Liên sáng tối mỗi ngày hai lần, mỗi lần hàng mấy tiếng đồng hồ. Anh gửi quà cáp tặng nàng tới tấp, món nào món nấy bằng cả gia tài người khác. Thí dụ, trong một dịp sinh nhật của nàng, anh tặng chiếc Mercedes-Benz mới toanh.

Trắc Giang đời nào chịu thua kém cô tình địch cũ. Để chứng tỏ mình cũng có tài ca hát . . . như ai, chị thuê nhạc sĩ Nguyễn Sáng 6 (“6” là một phần của bút hiệu) nổi tiếng bay từ Sài Gòn sang Hoa Thịnh Đốn soạn nhạc, tập cho chị hát, và thực hiện CD “Nhạc Trắc Giang” để chị đem lên chùa tặng Phật tử đồng hương. Để chứng tỏ mình cũng còn nhan sắc, người đàn bà gần lục tuần tư tình với một cựu trung tá Không quân VNCH có gia đình. Không may, ông này bị bệnh mất. Chị đến nhà quan than thở khóc lóc, hôn người yêu, và trước khi ra về – trước mặt gia đình ông – mang vào tay ông chiếc nhẫn đính hôn.

Bằng dọn về California, cưới Nguyệt Liên, và mua cho nàng căn nhà \$800,000 ở Santa Monica gần biển. Nhà tám trăm ngàn ở nam California chỉ là nhà xoàng, nếu không nói là xập xệ. Nhưng anh mua cốt lấy địa điểm, cho phá nhà cũ, và xây một biệt thự nguy nga có phòng hòa nhạc chứa được 50 người.

Nguyệt Liên để ra sáu tháng học hát và trình diễn – lần đầu tiên – để đi hát trở lại. Vợ chồng nàng về Sài Gòn thăm viếng, trình diễn ca nhạc, và “giao lưu” với phóng viên báo chí. Từ đó xuất hiện nhan nhản những bài tường thuật và phỏng vấn tâng bốc nàng lên tận mây xanh và thổi phồng cái quá khứ khiêm nhường thành những tháng ngày huy hoàng rực rỡ. Thí dụ, cô ca sĩ không mấy ai biết tên ngày trước biến thành “nữ danh ca hàng đầu hải ngoại thập niên 1980,” cái ghế trong tiệm uốn tóc để trang điểm cho khách hồi đó trở thành “trung tâm chăm sóc sắc đẹp, thẩm mỹ,” và cái quán ăn nhỏ của gia đình hơn 20 năm trước được nâng lên thành “chuỗi nhà hàng cao cấp.” *Phú quý sinh lễ nghĩa*, dần dần nàng tự đẻ ra nhiều tài nghệ mới như viết truyện phim, đóng phim, đạo diễn phim, sản xuất phim, và cộng tác với Bằng soạn nhạc.

Thật là *có tiền mua tiên cũng được*! Có điều, tiên mua được xấu hay đẹp thì còn phải xét lại.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 17 tháng Tư, 2024

Bản Lãnh Em Tôi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trọng em út sinh sau tôi một con giáp và cầm tinh con chuột như tôi, nhưng có lẽ thông minh hơn tôi . . . một chút. Ngày nó lên ba, tôi thấy nó cầm cuốn sách học vần của Lâm (anh kế nó, năm tuổi) lật từng trang và đọc rạch ròi. Tôi rất đỗi ngạc nhiên vì không biết nó học đọc lúc nào. Hỏi ra mới biết nó xem anh học bài rồi nhớ nằm lòng và theo hình trong sách mà nói lại y *chang* chứ không hề biết đọc. Tôi là người duy nhất trong nhà nhận ra tài năng khác thường của nó vì anh em tôi đứa nào cũng cố thu mình trong chiếc vỏ ốc đóng kín và sống riêng một mình để khỏi bị cha để ý tới. Chúng tôi chỉ có một điểm chung – sợ bị cha đánh đập.

Trong đời, hai lần tôi phục Trọng sát đất vì đã làm chuyện tôi không làm nổi. Lần đầu, năm em tôi 14 tuổi, khi cha đã về hưu trong tay không còn quyền hành hay tiền bạc, nhưng vẫn hay nổi cơn thịnh nộ bất chợt, thường ra lệnh vô lý, và đối xử với vợ con như thể là quân nhân dưới quyền. Một buổi chiều tôi đi dạy về, mẹ đứng đón ở cửa và khóc kể Trọng bị cảnh sát bắt giam.

Hồi trưa cha ăn cơm xong, nhưng không đi ngủ trưa như thường ngày mà đi ra đi vào nôn nóng chờ người tới mời đi đánh bạc. Chờ hơn một tiếng đồng hồ và biết sòng bạc không thành, cha bày chuyện đóng đinh treo hình trên tường để giết thì giờ. Chỉ có mẹ và Trọng ở nhà, cha biểu nó lấy đinh và búa trong thùng đồ nghề của tôi và chỉ chỗ cho nó đóng. Cha không biết, và Trọng không thể biết, là tường nhà đúc bằng bê-tông, muốn đóng đinh phải dùng đinh thép; đinh sắt thường chỉ làm vỡ mặt bê-tông mà không xuyên vào.

Nhà chúng tôi trong cư xá Bắc Hải, trước gọi là cư xá Sĩ quan Chí Hòa, đã được bộ Quốc phòng xây và bán trả góp cho cha. Dù đó là căn nhà cuối cùng để sống đến hết đời, nhưng mỗi khi thua bạc cần tiền trả nợ, cha dụ ngon dụ ngọt mẹ bán đi rồi “ra ngoài thuê nhà có máy nước nóng ở cho sướng”; dĩ nhiên không đời nào mẹ chịu. Khi Trọng đóng đinh vào tường, mặt bê-tông vỡ ra, đinh văng xuống sàn nhà, và cha tức giận chửi mắng khiến thằng bé luống cuống làm tường vỡ thêm. Cha cúi tiết nắm tay lấy hết sức bình sinh cú mạnh vào đầu nó. Đau thấu xương và trong một phút *tức nước vỡ bờ*, nó quay lại bặm miệng trợn mắt nhìn cha và giơ cây búa lên cao. Không nói không rằng.

Mẹ nói cha *miệng hùm gan sứa*, đột nhiên thấy thái độ nổi loạn của Trọng liền thối lui, hối hả kêu xe ra chỉ cảnh sát nằm trên đường Hòa Hưng đi vào khám Chí Hòa, và yêu cầu bắt giam nó. Cảnh sát đến nhà đưa nó về bót “câu lưu.” Theo lệnh mẹ, tôi đến xin gặp vị đại úy trưởng chi, xuất trình chứng minh thư là giảng viên trường Đại học Kỹ thuật viện Đại học Bách khoa Thủ Đức, và xin lãnh Trọng về. Ông ta cho biết nó chưa làm gì phạm pháp, cảnh sát chỉ tạm giữ nó để dẫn mặt vì vị nể cấp bậc và chức vụ cũ của cha. Mà dù nó phạm pháp đi nữa thì nó là trẻ vị thành niên, chính cha sẽ là người chịu trách nhiệm.

Tuy vậy, tôi làm đơn xin “bãi nại” nộp cho cảnh sát rồi về nhà giải thích với mẹ. Mẹ năn nỉ ỉ ôi với cha, nhận lỗi *con dại cái mang*, và xin cha “tha tội” cho “thằng nhỏ *trẻ người non dạ*.” Cha

biết không có lối thoát nào khác hơn bèn làm bộ rộng lượng xiêu lòng và biểu tôi chở ra chi cảnh sát ký giấy “bãi nại.” Trọng được “tha” về, không tỏ vẻ ngán sợ, và được tôi phục lẫn. Tôi không làm được như nó một phần vì sợ cha như sợ cọp và một phần vì những ràng buộc của văn hóa Khổng Mạnh, các bài học luân lý, và câu ca dao,

Công cha như núi Thái sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Tôi khám phá ra trong nhiều tháng qua, Trọng không hề đến trường. Buổi sáng nó dậy sớm lấy xe Honda PC chở chị là Bình ra chỗ đón xe lô lên Thủ Đức học; Bình là giáo sinh ban Anh văn trường Đại học Giáo dục viện Đại học Bách khoa Thủ Đức. Sau đó, nó tha hồ sử dụng chiếc xe gắn máy, đi đâu cả ngày không ai biết, và chiều ra đón Bình về nhà. Ngoài ra, một hôm mẹ kéo tôi ra nói riêng nhờ đưa nó đến phòng mạch bác sĩ quen để chữa bệnh phong tình; lúc đó nó 15 tuổi.

* * *

Chiều ngày 28 tháng Tư năm 1975, khi tôi đề nghị cả gia đình theo tàu Hải quân di tản ra khỏi Sài Gòn, cha giận dữ bác bỏ và mắng xối xả, “*Mi mần [làm] tầm bậy* không chết bỏ xác ngoài biển thì cũng tù rục xương!” và cương quyết không đi. Tôi và các em khóc sùi sụt lạy sống cha mẹ để tạ ơn sinh thành rồi từ biệt. Chúng tôi đến đảo Guam, sang trại tỵ nạn Trại Pendleton ở nam California, và cuối cùng được bảo trợ về Bismarck, North Dakota. Ở nhà, trong hai ngày liền, cha tức tối không ngớt chửi rủa tôi đã “đành đoan bỏ cha bỏ mẹ ra đi.” Sáng ngày 30, Sài Gòn thất thủ, cha mới chịu nghe lời mẹ chạy ra bến tàu, lên thương thuyền Viễn Đông, và sang Hương Cảng tạm trú ở trại tỵ nạn Cửu Long.

Trong những ngày chờ đợi ở Trại Pendleton, tôi ra sức dạy Anh văn cho Lâm và Trọng để chuẩn bị cho hai em vào trường trung học Mỹ. Hai đứa mê đi chơi hơn ngồi học; Lâm đá banh với bạn, còn Trọng làm gì không biết. Khi bị tôi la rầy, Lâm biết lỗi im lặng, nhưng Trọng mím môi trả lời, tỏ ra là một thiếu niên có bản lĩnh,

“Anh khỏi lo cho em! Em xin vào nhóm *unaccompanied minors* [trẻ vị thành niên không có người tháp tùng] là yên chuyện!”

Trọng biết tôi sẽ không bao giờ dám để nó tách riêng như thế nên thách thức để tôi xuống nước năn nỉ. Và tôi năn nỉ nó thật! Xuất trại ra Bismarck, tôi và Sang em kế có việc đi làm, Bình học trường đại học cộng đồng, và Lâm và Trọng học trung học – đưa lớp 11, đưa lớp 10. Cha mẹ từ Hương Cảng sang trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở Arkansas, và cha một mực muốn đi Texas ở với Triết, em kế Sang, sang Hoa kỳ du học từ đầu năm 1972. May cho Triết, em chưa ra trường, phải nghỉ học làm thợ tiện sinh sống, thuê *apartment* ở chung với bạn, và không đủ điều kiện bảo trợ cha mẹ. Cha bấm bụng lên North Dakota nhập chung với anh em tôi, nhưng lòng vẫn oán hận tôi.

Trở lại địa vị chúa tể gia đình, cha xem tôi như kẻ hầu cận để cha sai sử và không bao giờ bỏ lỡ một cơ hội để hạ nhục. Sáng mùng hai Tết Bính Thìn (1976), cha uống rượu say, đập phá đồ đạc trong nhà, và chửi bới “thằng con bất hiếu bất mục” đã “khinh cha chửi tổ” và “đội con vợ

lên tran mà thờ.” Tôi và Quỳnh Châu sợ hãi, vội vàng thu dọn áo quần và vật dụng cá nhân, cho vào hai bao rác lớn và cái rổ đựng quần áo giặt, và mang chất lên xe. Chúng tôi ra đi.

Từ đó, các em tôi kiếm cách ra khỏi nhà vào cơ hội sớm nhất. Lần lượt, Sang dọn ra ở riêng, Bình đi Austin, Texas học cử nhân điều dưỡng, và Lâm vào nội trú trường đại học, chỉ còn Trọng ở nhà với cha mẹ. Nó học rất giỏi và tốt nghiệp trung học sớm hơn một lục cá nguyệt. Rồi giận cha bỏ nhà ra đi. Tôi không biết chuyện Trọng bỏ đi cho đến khi cha cho gọi đến và biểu báo cáo với sở xã hội là gia đình (“ăn *welfare*”) của cha không còn có đứa trẻ vị thành niên là Trọng. Thấy cha chỉ quan tâm về trách nhiệm người lãnh trợ cấp mà không một lời quan hoài đến nó, tôi ngao ngán “dạ dạ” cho xong chuyện mà không báo cáo.

Một năm rưỡi kế tiếp, nhiều người quen của gia đình gặp Trọng lang thang không cửa không nhà ở California, Texas, và Florida với thân tàn ma dại, đói khát, và nghiện ma túy. Khi cuộc đời xuống tận đáy vực, Trọng tìm đến Bình ở Austin và tỏ ý muốn về North Dakota làm lại cuộc đời. Là sinh viên nghèo xác xơ, Bình dốc túi tận dụng số tiền tối đa được phép mắc nợ trong thẻ tín dụng để mua vé máy bay cho nó.

Đồng thời ở Bismarck, tôi và ông bảo trợ ra tòa án quận gặp ông chánh án, trình bày hoàn cảnh Trọng, và xin lệnh tòa bắt nó đi cai nghiện. Máy bay đáp xuống, Trọng vừa bước khỏi cầu thang thì bị hai vị cảnh sát quận áp giải thẳng tới trung tâm cai nghiện. Trong sáu tuần lễ sống cô lập trong trung tâm, hằng ngày Trọng đi học lớp cai nghiện do các vị cố vấn tâm lý chỉ dạy. Trong thời gian này, họ đòi hỏi gia đình phải “học” cùng với *resident* (“người cư trú,” tức là người cai nghiện) một tuần lễ. Tôi nghỉ làm và đưa mẹ đến dự “tuần lễ gia đình” này.

Trọng được các vị cố vấn tâm lý tin tưởng, nồng nhiệt khen ngợi, và cho đặc ân về nhà ngủ một cuối tuần. Ngay trong cuối tuần đó, nó đàn đúm với đám bạn giang hồ cũ và *chơi* ma túy *vũ như cần*. Thì ra, nó có đủ mách khéo để qua mặt các vị cố vấn tâm lý. “Tốt nghiệp” khóa cai nghiện, nó về nhà cha mẹ ở ít lâu rồi *ngựa quen đường cũ* lại bỏ nhà ra đi. Trước khi đi, nó lén lấy chi phiếu và giả chữ ký của cha rồi ra ngân hàng rút tiền. Khi cha khiếu nại, ngân hàng kiểm chứng đoạn phim chụp hình nó nhận tiền tại quầy và đồng ý trả lại tiền cho cha.

Ngân hàng kiện Trọng về tội ăn cắp. Nó bị bắt giam ở *county jail* (nhà giam quận) đợi ngày ra tòa. Mấy đứa bạn giang hồ bèn dàn xếp cho nó vượt ngục; nó dùng *drap* trải giường nổi lại làm dây thừng và chui qua cửa sổ leo từ lầu ba xuống đất. Chân nó vừa chạm đất thì cảnh sát quận đã chờ sẵn. Cuộc vượt ngục táo bạo được tờ *Bismarck Tribune* tường thuật, cùng với hình ảnh, trên trang nhất.

Trọng bị tuyên án sáu tháng tù giam ở *penitentiary* (nhà lao tiểu bang) North Dakota. May mắn thay, sáu tháng mất tự do đã hoàn toàn chuyển đổi cuộc đời em tôi. Mãn hạn tù, nó đi học ở trường Đại học North Dakota (UND) ở Grand Forks, nơi Lâm đang học kỹ sư điện. Trọng vừa đi học vừa làm đầu bếp cho nhà hàng Tàu và học một lèo lấy luôn hai bằng kỹ sư – một về cơ khí, và một về điện toán – cộng thêm bằng Cao học Cơ khí. Trong thời gian này, cha mất vì chứng liệt tim, nó về dự đám tang và được mẹ cho món tài sản duy nhất cha để lại là chiếc xe Plymouth Volaré cũ. Ngày nó lãnh bằng tốt nghiệp, tôi đưa mẹ lên Grand Forks dự lễ. Mẹ lấy

khăn chấm nước mắt cười rạng rỡ. Đó là lần thứ hai tôi thấy mẹ cười rạng rỡ như thế, lần đầu là ngày mẹ dự lễ tốt nghiệp kỹ sư của tôi.

Trọng đưa mẹ sang Goshen, Indiana làm lễ cưới Kiên Tính, cô bạn học chung trường tiểu học với nó ở Tuy Hòa. Phía nhà trai chỉ có mẹ và vợ chồng tôi và bé Mạc con đầu lòng. Sau một lục cá nguyệt dạy lại ở UND, Trọng dời đi Fort Collins, Colorado làm kỹ sư cơ khí cho một công ty chế tạo bộ phận điều chỉnh tốc độ máy phát điện có công suất lớn. Ngày Kiên Tính sinh con, mẹ về ở với vợ chồng nó để giúp nuôi đứa con đầu lòng, một cô bé xinh xắn.

Con gái thứ nhì của Trọng chào đời ở Orlando, Florida vì nó dời về đây làm kỹ sư điện toán cho một công ty thầu cung cấp cho bộ Quốc phòng rất lớn. Kiên Tính học nghề uốn tóc và sau vài năm hành nghề, mở tiệm làm chủ và làm ăn phát đạt. Trọng mua đất hoang ở Chuluota thuộc ngoại ô Orlando, thuê ỹ cây cối, phân lô và đặt hệ thống điện nước, bán lại cho bạn bè thân thuộc người Việt, và giữ lại một lô một mẫu Anh để xây căn nhà hơn 5,000 square feet (khoảng 470 mét vuông) cho mình. Khu nhà Việt nam của nó nằm trên con đường ngắn mang tên “Vina Lane.”



Khi đời sống vượt quá ngưỡng cửa mà người Mỹ gọi là *American dream* (“giấc mơ người Mỹ”), Trọng nghỉ việc và đi học tiến sĩ cơ khí tại Đại học Trung tâm Florida ở Orlando. Chương trình PhD của đại học Hoa kỳ đòi hỏi sinh viên phải dành trọn thì giờ cho việc học và phải nghiên cứu tại khuôn viên đại học – cả hai điều đều quá tầm tay của tôi. Hai năm sau, Trọng trở thành Dr. Nguyễn đầu tiên của dòng họ. Đó là lần thứ hai tôi phục em tôi.

Lần này, tôi phục Kiên Tính nhiều hơn. Trong hai năm dài, gánh nặng gia đình con cái trút cả lên vai nàng.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 tháng Năm, 2024

Món Quà Sinh Nhật Không Mong Đợi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong bữa cơm chiều, tôi và Quỳnh Châu cho các con hay chương trình nghỉ hè cho mùa hè cuối cùng trước khi Mạc con trai đầu lòng đi học đại học xa nhà: Chúng tôi sẽ dự cuộc họp mặt (đại) gia đình rồi nghỉ hè ở Orlando, Florida. Vừa nghe xong, Diễm Lệ là bé út lên sáu hết hè sẽ vào trường tiểu học khoá chí la lên,

“A ha . . . anh Mạc phải đi *roller coaster* với em 15 lần!”

“Diễm Lệ đi *roller coaster* với anh Mạc đi, Ân không thích đi đâu,” cu Ân, lớn hơn Diễm Lệ một tuổi, vội vàng giao hẹn.

“Roller coaster,” người Pháp gọi là “núi Nga” (*montagnes russes*), là “xe lao dốc trên trục lăn” trong giải trí trường, mô phỏng một chiếc xe lửa ngắn gồm một số toa lộ thiên chở người chơi tìm cảm giác mạnh, và chạy lên “núi” xuống “núi” trên những đoạn đường rầy dốc đứng, ngoắt ngoéo, và có khi lộn đầu. Được sáng chế đầu tiên ở Nga vào đầu thế kỷ thứ 17, *núi Nga* gồm những bờ dốc bằng gỗ và được chơi vào mùa đông, khi trời lạnh giá. Người ta đổ nước lên bờ dốc, nước đông thành đá khiến bờ dốc trơn láng, và người chơi ngồi trên xe trượt lao xuống dốc và lên dốc. Đầu thế kỷ 19, người Pháp bắt chước làm *núi Nga* ở Paris, nhưng thời tiết ẩm không thể làm nước đá nên họ phải cho chiếc xe lao dốc (*coaster*) trượt trên những trục lăn (*roller*).

Mạc trót hứa với Diễm Lệ hè năm ngoái, lúc chúng tôi đi nghỉ hè ở tiểu bang Minnesota kế cận và để ra hai ngày vui chơi ở giải trí trường Valleyfair gần Minneapolis. Đã được bạn trong lớp mẫu giáo mách nước, Diễm Lệ đòi đi cho bằng hết sáu *núi Nga* của Valleyfair. Chiều lòng bé út, cả gia đình cùng đi. Rồi bé xin đi lại *núi Nga* cao nhất, tôi phải đi cùng với bé vì chiều cao của bé chưa đủ để đi một mình. Sau đó, bé đòi đi lần nữa – lần thứ ba – nhưng tôi từ chối. Nước mắt lưng tròng, bé kéo áo Quỳnh Châu năn nỉ, nhưng vô hiệu. Trước khi bé út bị rầy vì tật vòi dai, Mạc tình nguyện đi với bé. Để hai anh em chơi *núi Nga*, tôi cùng Quỳnh Châu và cu Ân đi chơi chỗ khác. Khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ sau, chúng tôi trở lại; Mạc và Diễm Lệ vẫn đi *núi Nga* hết lần này đến lần khác, Diễm Lệ khẳng khẳng đòi tiếp tục đi, và sau cùng Mạc chịu thua và hứa đại,

“Anh Mạc mệt rồi, không đi nổi nữa. Để lần sau ba má cho đi *amusement park* [giải trí trường], anh Mạc sẽ đi *roller coaster* với em 15 lần.”

Trong nhà, Diễm Lệ có tiếng nhớ dai, và không ai có thể hứa cuội với bé. Và từ dạo đi Valleyfair về, bé đam ra mê đi *núi Nga*, càng cao càng dễ sợ bé càng thích. Kỳ này đi Orlando, chúng tôi sẽ dành hầu hết thời gian nghỉ hè để các con vui chơi ở khu giải trí trường có chủ đề cách trung tâm thành phố khoảng 20 dặm về phía tây nam, trong đó lớn nhất là Walt Disney World and Universal Orlando. Quỳnh Châu đã mua vé trọn mớ cho gia đình ở khách sạn và vào cửa hai giải trí trường này năm ngày. Bé sẽ tha hồ đi *núi Nga* – *một nghỉ*. Chỉ khổ thân Mạc!

Chúng tôi bay xuống phi trường Quốc tế Orlando và thuê xe lái về nhà Trọng (em út tôi) ở Chuluota thuộc ngoại ô Orlando và cách trung tâm thành phố chừng 25 dặm về phía đông bắc, nghĩa là ở góc xa khu giải trí trường nhất. Nhà Trọng có sáu phòng ngủ, đủ chỗ cho mẹ và cả sáu gia đình anh em tôi. Mẹ đang ở chung với Trọng để giúp vợ chồng nó nuôi đứa con gái út. Gia đình các em khác – Sang, Triết, Bình, và Lâm – lái xe từ Texas, Louisiana, và Oklahoma đến nhà Trọng gặp mặt và nghỉ lại đêm đầu tiên. Mẹ và các em tôi không nói ra, nhưng ai cũng hiểu cuộc họp mặt năm nay tại Orlando một phần là để ăn mừng sự thành công về học vấn của Trọng: Nó nghỉ làm hai năm, đi học toàn thời gian tại Đại học Trung tâm Florida ở Orlando, và đậu bằng PhD về cơ khí. Bằng tiến sĩ đầu tiên của dòng họ, để gì mà được!

Sáng hôm sau chúng tôi mang đồ tể nhuễn, nồi niêu soong chảo, và thức ăn tươi để nấu ăn, và lái xe chừng một tiếng đồng hồ (khoảng 50 dặm Anh) đến thành phố ven biển Cocoa Beach. Trọng đã đặt thuê mấy căn nhà trong một khu nghỉ dưỡng, căn lớn nhất dành cho mẹ và gia đình Trọng và dùng làm nơi nấu ăn và tụ họp đại gia đình. Từ căn tôi ở, bước ra phía sau chừng 20 thước là tới bãi cát rộng nhìn ra Đại tây dương; sáng sớm còn mù sương, tôi và Quỳnh Châu đi bộ tập thể dục dọc theo mé nước và thưởng thức sự tĩnh lặng của đại dương.

Hai ngày đầu, anh em tôi chia nhau đưa trẻ em ra bãi tắm biển, đưa các bà ra phố mua quà lưu niệm và đồ biển đặc sản địa phương về nấu ăn, và dẫn từng nhóm nhỏ đi thăm viện bảo tàng Lướt Sóng Florida và khu rừng duyên hải vô cùng ngoạn mục trong công viên Lori Wilson.



Ngày thứ ba, bọn đàn ông bảy người, kể cả Mạc và Giang 16 tuổi con trai lớn của Sang (em kế tôi), đi câu cá ngoài khơi. Công ty đưa đi câu dùng tàu chở chúng tôi ra biển xa, cung cấp cần và mồi câu, và gần như cả quyết chúng tôi sẽ câu được cá lớn. Chắc hẳn thế nào cũng sẽ có cá biển ăn, các bà sửa soạn gia vị và dao thớt làm cá để trở tằm nấu nướng cho bữa cơm chiều. Nhưng trước khi chúng tôi rời khỏi nhà, mẹ đưa tay can,

“Khoan khoan! Tụi bây muốn có cá ăn thì phải bắt thẳng *Ba Hoa* ở nhà. *Hấn* không có số sát cá *mô*; có *hấn* đi thì cá *mú* trốn hết cho mà coi!”

Mẹ nói căn cứ theo “thành tích” câu cá hồ của tôi trên North Dakota: *đi không lại về không*, trăm lần như một. Mấy em tôi cười mẹ tin dị đoan, và tôi không thể bỏ qua dịp đi câu ngoài khơi hiểm có này. Chúng tôi ra tới chỗ hứa hẹn có nhiều cá, tàu thả neo, bảy chiếc cần câu thả mồi xuống nước gần hai tiếng đồng hồ, và Giang bị say sóng xụi lơ phải vào phòng lái ngồi nghỉ mà không có con cá nào chịu cắn câu. Ông lái tàu người Mỹ hổ mặt biểu chúng tôi quay cuốn dây câu lên rồi chạy qua địa điểm câu khác. Họ hàng nhà cá vẫn không chịu ra mặt. Rồi đến địa điểm thứ ba, *vũ như cần*. Chúng tôi về tay không như mẹ tiên đoán, mặt đứa nào đứa nấy đỏ gay vì dan nắng cả ngày. Nhưng không ai tỏ vẻ thất vọng; trái lại, Sang thích chí hô lớn,

“Lỗi tại anh *Ba Hoa*! Tối nay anh phải đãi cả nhà đi ăn đồ biển.”

Thị tộc của mẹ với con, cháu, và chắt cả thảy 31 người, mẹ nữa là 32, kéo ra nhà hàng nổi tiếng nhất Cocoa Beach nằm trên bãi biển và có giàn nhạc sống giúp vui. Các cháu tôi hơn hờ, “Bác *Ba Hoa* mình giàu, cứ ăn cho đã đời!” Mọi người gọi thức uống đặc biệt của nhà hàng: Trẻ em gọi nước trái cây, các bà gọi thức uống không có rượu, và đám đàn ông gọi rượu pha trộn uống thả giàn. Hầu hết đều gọi món ngon nhất hay đắt tiền nhất trên thực đơn, và trẻ em ăn xong còn bảo nhau gọi thêm món bánh tráng miệng bỏ hộp mang về. Tôi thầm vui vì xem bữa ăn tối nay là tiệc ăn khao Trọng đậu tiến sĩ và Mạc tốt nghiệp trung học và sắp học một trường nổi tiếng nhất Hoa kỳ là Học viện Kỹ thuật Massachusetts.

Hôm sau, cả đại gia đình về nhà Trọng ăn cơm chiều và ngủ đêm trước khi chia tay. Mẹ sung sướng thấy cuộc họp mặt diễn ra êm đẹp và các con hòa thuận với nhau. Như mọi khi mẹ vui, mẹ kể lại chuyện ngày xưa ở Huế, thời mẹ một tay nuôi dạy đàn con trong lúc cha đóng đồn xa biên biệt,

“Hồi *nớ* nhà mình ở gần cửa Mang Cá trên ngã Hàng Bè, tức là đường Huỳnh Thúc Kháng chạy ven bờ sông Đào tới Bao Vinh. Dọc mé sông là mấy vựa lồ ô; người ta kết lồ ô thành bè và thả nổi trên sông. Có khi bè lồ ô trải rộng ra tới nửa mặt sông.”

“Lồ ô là gì hờ mẹ?” Hồng Phúc vợ của Triết (em kế Sang) ngắt lời mẹ.

“Lồ ô, trong Nam gọi là lồ ô hay luống, là thứ tre lớn, lóng dài, cây ngay, và cật mỏng. Đó là vật liệu chính mà dân nghèo Thừa Thiên dùng để xây nhà tranh vách đất,” tôi trả lời giùm mẹ.

“Đi trên sông Hương rẽ qua trái (phía tả ngạn) là lòn vô dưới cầu Gia Hội bắc ngang qua sông Đào,” mẹ kể tiếp, “Đi thêm một khoảng nữa là cầu Đông Ba. Phía bờ phải (hữu ngạn) sông Đào là chùa Diệu Đế nổi tiếng mà người Huế có câu hát,

Đông Ba, Gia Hội hai cầu,

Ngó vô Diệu Đế bốn lầu hai chuông.”

Nghe câu hát này, Sang bỗng bật cười hăng hắc khiến tôi tủm tỉm cười theo. Năm nàng dâu và chàng rể không phải là dân Huế ngơ ngác nhìn Sang. Mẹ hiểu ra, gí tay vào mặt Sang,

“*Mi* thiệt quá quắt, câu hát của người ta hay ho *rứa* mà không chịu *ngậm mà nghe*. Cứ vắn vẹo nói lái thành tục tũ!”

“Con trai Huế là *một cây* nói lái,” Triết giải thích lại cho Hồng Phúc hiểu, “Bọn nhóc tì Huế thường giải trí bằng trò nói lái và thuộc nằm lòng những tiếng ghép với chữ ‘bốn’ như ‘bốn lầu’ hay ‘bốn lù’ để cười chơi.”

Sang không dám cãi mẹ, nhưng không ngán đưa em kế,

“Tao buồn miệng cười chơi một mình thì mắc mớ đến ai? Đầu óc mày đen tối rồi đâm ra nghĩ tục, tao đây *con tim chân chính không bao giờ biết đến nói dối*, có ý gì đâu!”

“Vậy anh nghĩ gì mà *vén môi* cười gian ác như vậy, nói thử *tui* nghe có lọt tai không?” Triết vênh váo thách thức.

“Nghe mẹ nói chùa Diệu Đế, tao nhớ tới hồi tao học đệ lục [lớp 7] trường tư thực Nguyễn Du. Trường này cũng như chùa Diệu Đế nằm giữa khu xóm Ngự Viên mà Nguyễn Bính nói tới trong bài thơ nổi tiếng ‘Xóm Ngự Viên’:

*... Hôm nay có một người du khách
Ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên."*

Mẹ mắng yêu Sang và Triết,

"Tụi *bây tra cầy trồ* [già cái đầu] rồi mà cãi nhau như con nít, không sợ con cháu cười cho *thúi mũi*," và chỉ tay vào một toán hơn một chục mạng lớn nhỏ vừa đi vừa hát "Happy Birthday" từ từ tiến vào từ phòng ngoài, "*Coi tề* [xem kia], bữa *ni* là sinh nhật con Thi Liên."

Thi Liên là con út của Trọng. Trong gia đình, kể cả vai vế lẫn tuổi tác, hàng con thì tôi lớn nhất, và hàng cháu thì Thi Liên nhỏ nhất. Tay bưng ổ bánh sinh nhật lớn trên cắm ba ngọn nến đang cháy, Trọng dẫn đầu toán lóc nhóc, Kiên Tính vợ nó dắt tay Thi Liên đi sau nửa bước, và con nít hàng cháu hàng chắt theo sau. Mọi người đồng thanh hát "Happy Birthday" một lần nữa trước khi cho Thi Liên thổi tắt nến. Kiên Tính và Quỳnh Châu cắt bánh phân phát cho mọi người và sau đó, trao quà sinh nhật cho bé.

Trước khi tiệc tàn, tôi đưa mắt ra hiệu cho Quỳnh Châu. Nàng lấy chai rượu uýt-ki Tô Cách Lan Johnnie Walker nhãn đen và một hộp sô-cô-la Bỉ Godiva đưa cho tôi. Không biết tôi định làm gì, nhưng Sang không bỏ lỡ một dịp để chế nhạo,

"Nếu anh *Ba Hoa* tính cho con Liên uống Johnnie Walker thì '*ai can du*.' Vừa phí rượu lại vừa phạm tội làm hư hỏng con nít."

"*Tui* biết Godiva là sô-cô-la hảo hạng ngon *hết sảy*, nhưng một hộp làm sao đủ cho cả nhà?" Triết làm bộ ngây thơ bình luận.

"Hai đứa *bây* đói ăn khát uống nên mờ mắt không thấy được 'Nghịch lý Sinh nhật' trong môn xác suất [probability]," tôi phản pháo và giải thích.

Trong phép tính xác suất, người ta tính ra nếu 23 người tụ họp cầu âu ở một nơi thì xác suất để có hai người trong nhóm có cùng sinh nhật là 50 phần trăm – 50/50. Nếu số người tăng lên thành 32, 42, và 70 thì xác suất lần lượt trở thành 75, 90, và 99.9 phần trăm. Như thế, khi có 32 người tại một nơi, ta có đến 75 phần trăm chắc chắn là có hai người có cùng sinh nhật. Tôi kết luận,

"Một người đã là bé Liên. Chưa biết người kia là ai nên tụi tao chuẩn bị hai món quà sinh nhật khác nhau để người đó chọn: hộp sô-cô-la cho đàn bà hay trẻ em, và chai rượu cho đàn ông."

"Món quà còn lại anh tính làm gì?" Triết hỏi.

"*Tao* sẽ tặng cho Trọng hay Kiên Tính để cảm ơn vợ chồng tụi nó bỏ công sức để dàn xếp cuộc họp mặt gia đình hoàn hảo này."

Tôi không cần tìm đâu xa, người thứ hai chính là Hồng Phúc. Nàng chọn chai Johnnie Walker và không đưa *món quà sinh nhật không mong đợi* này cho Triết mà tặng lại cho "chú Trọng."

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 22 tháng Năm, 2024

Nụ Hôn Vĩnh Biệt

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối tháng Chạp âm lịch, tôi dự một phiên họp về kỹ thuật điện ở Houston, Texas. Chiều thứ Sáu là ngày 23 tháng Chạp đưa ông Táo về trời, họp xong tôi vội vàng lái xe đi Austin, Texas thăm mẹ và sẽ ở đó đến sáng Chủ Nhật. Rời chỗ họp, tôi gấp giờ tan sở xe kẹt như nêm và mất cả tiếng đồng hồ mới ra khỏi thành phố. Trời mưa lâm râm dưới bầu trời xám xịt, con xa lộ tiểu bang hẹp mà đông xe, và dân Texas lái xe bạt mạng khiến tôi phải thủ thế lái chậm rì và bực bội lắm lắm suốt buổi. Vừa bước vào nhà, tôi bị mẹ chỉ mặt mắng yêu,

“Thằng *Ba Hoa* ni đi mô mà *cau* có như nhà khó hết ăn rứa?”

“Ngày anh con đi dạy, học trò kêu là ông ‘Ba Bông Héo,’ mẹ không biết sao?” Bình cô em gái duy nhất bước tới ôm chào tôi và đỡ lời mẹ.

“Hồi đó tụi học trò con gái phá như quỷ khiến tao sợ sốt vó phải làm bộ lập nghiêm thôi,” tôi cười dă dă.

“*Ba Hoa* là một cây nhát gái, có chị làm chứng nì,” giọng phụ nữ nói tiếng Huế vang lên.

Tôi giật mình la lớn khi thấy người đàn bà có tuổi xinh đẹp, “Chị Quyên!” Tôi ôm chào chị và rí tai câu nói đã hơn một lần xuất hiện trong giấc ngủ mộng mị của thời niên thiếu,

“Chị biết không, người yêu đầu đời của tôi là cái cô đẹp đẹp lớn hơn tôi đến sáu tuổi, làm quả phụ đến lần thứ ba mà còn trinh bạch, và thương tôi như chị vậy.”

Bình giải thích sự hiện diện của Quyên,

“Mẹ gặp chị Quyên tháng trước, khi lên chùa Linh Bảo làm công quả. Chị nhận ra mẹ và nhắc lại ngày đó mẹ cầm đầu phái đoàn Ủy lạo Gia đình Tử sĩ đến điều tang và chia buồn khi chồng chị là anh Hoàng bị Việt Cộng sát hại; anh là trung úy dưới quyền cha ở Trung đoàn XX.”

“Nghe nói *Ba Hoa* về Austin, chị không thể bỏ quá dịp gặp lại em,” Quyên rưng rưng tiếp lời Bình.

* * *

Ba mươi năm trước, tôi học đệ nhất (lớp 12) ở Ban Mê Thuật (“BMT”) và tối cuối tuần hay la cà ngoài phố với Dương, bạn thân của ông chú họ tôi ngoài Huế. Anh là thiếu úy tốt nghiệp trường Võ bị Quốc gia khóa 19 và phục vụ tại bộ Tư lệnh Sư đoàn YY Bộ binh. Anh đưa tôi đi ăn và đi quanh quẩn trong phố rồi vào ngồi quán cà-phê Trúc trên đường Quang Trung. Quán bán cả bia rượu, có sàn nhảy để khiêu vũ, và cuối tuần có nhạc sống. Tôi nhỏ tuổi nhất trong số khách đến quán nên chịu phép ngồi yên uống Coca-Cola và nghe lóm chuyện người lớn. Đến khuya, chúng tôi đi bộ dăm bảy phút về phía sau nhà tôi, vạch hàng rào kẽm gai chui qua, và leo lên gác ngủ. Căn gác có lối đi lên riêng, chúng tôi đi về không ai hay.

Khoảng gần Tết, Hoàng về BMT. Có một thời anh đính hôn với bà cô họ tôi ngoài Huế, nhưng không biết vì lý do gì nhà gái thối hôn. Anh thi rớt Tú tài I, tình nguyện nhập ngũ vào Liên trường Võ khoa Thủ Đức khóa 13, và ra trường phục vụ ở Phan Thiết vài năm trước khi được

thằng trung úy và đổi về Trung đoàn XX Bộ binh của cha. Anh uống rượu như hũ chìm, hành sự bốc đồng, và không chín chắn điềm đạm như Dương.

Một tối Chủ Nhật, tôi và Dương vào quán Trúc nhập bọn với Hoàng và nhóm sĩ quan đồng ngũ của anh. Khoe khoang về một cô gái mới quen, anh xuýt xoa,

“Người *chi* mà đẹp lạ đẹp lung! Về mặt xinh xắn, thân hình hoàn hảo, và đáng đi yêu kiều. *Tui* mà lấy được *hắn* một ngày rồi bữa sau *ngủm củ lèo* cũng thỏa dạ!”

Đại úy Cận thượng cấp của anh ngồi trong bàn rượu cho biết người đẹp là Tôn nữ Lệ Quyên, giáo sư trường Sư phạm Cao nguyên đào tạo giáo viên người Thượng, bị đồn đãi là có số sát phu rất nặng; ông nói,

“Năm ngoái thằng trung úy An đại đội trưởng của tao đi hỏi nó, được hai tuần thì bị bắn chết khi đi hành quân ở Buôn Hồ. Đầu năm nay, thằng trung úy Bình từ Pleiku đổi về thay thằng An, điếc không sợ súng, mê sắc đẹp hồ ly, và dính hôn với nó đúng ba tuần rồi cũng tiêu tùng.”

Bị tiếng sét ái tình đánh gục nên Hoàng bất chấp lời đồn đãi và một tháng sau, nhờ ông Cận đứng làm chủ hôn đám cưới của anh và Quyên. Chỉ được hai tuần, một buổi tối giữa tuần Dương đến căn gác của tôi. Thấy nét mặt anh buồn dầu dàu, tôi đoán ra,

“Anh Hoàng chết rồi, phải không?”

“Đêm qua nó cầm đèn pin đi xem xét giao thông hào phòng thủ, vô ý để đèn pin rọi hướng ra ngoài, và bị bắn sê chết. *Tau* được lệnh ‘ông già’ nói chuyện với *mi* và giao công tác cho *mi*.” “Ông già” anh nói là cha.

“Học trò quên như *tui* mà làm được *chi*?” Nhưng lệnh cha không thể cãi.

Để thi hành công tác, tôi tháp tùng mẹ và các phu nhân trong phái đoàn Ủy lạo đến nhà Quyên. Chị nhân tiện mời tôi trở lại lấy sách mà Hoàng đã gửi mua ở Sài Gòn cho tôi. Buổi tối đến 3 chị lấy sách, tôi vừa xem sách vừa nói chuyện trong khi chị nấu chè đậu xanh đánh – món ăn khoái khẩu của tôi – cho tôi ăn. Dần dần tôi quen thân với chị, đến chị tối thứ Sáu (trước ngày gặp Dương để báo cáo công tác), và được chị chiều chuộng như em trai cưng. Chị không bao giờ đề cập tới tin tức liên hệ tới cha hay Trung đoàn XX nên công tác dò xét của tôi không có kết quả. Chị thổ lộ,

“Lễ cưới vừa xong, anh Hoàng bị gọi vô đơn vị cấm trại 100 phần trăm. Rồi anh đi! Qua ba đời chồng mà chị còn trong trắng như thời học Đại học Khoa học Huế.”

Quyên tận tình chỉ dẫn tôi tìm hiểu các ngành học ở đại học và cân nhắc sở trường của mình. Nhờ đó, tôi nộp đơn thi vào trường Cao đẳng Điện học, về Sài Gòn thi, và trúng tuyển. Tôi đến chị báo tin thi đậu và từ giã trước khi về Sài Gòn học. Chị gượng cười, nhưng mặt buồn rười rượi,

“Chúc mừng ông kỹ sư tương lai! Cha chị đau nặng có lẽ không qua khỏi, chị phải về Huế liền.”

“Mai mốt chị có trở lại không?”

“Chị đã xin nghỉ dạy. Em đi rồi, chị còn ai thân thiết ở thành phố *Buôn Muôn Thuở* ni?”

Trời đổ mưa tầm tã khi tôi ra về. Chị gọi xích lô và đi cùng với tôi, nói để trả tiền xe. Mưa lộp độp trên tấm bạt che át tiếng nói, chúng tôi phải kề mặt thật sát nhau mới nghe rõ. Trong khoang xích lô chật hẹp, hai thân hình tựa khít vào nhau. Hơi ẩm từ cơ thể chị khiến người tôi nóng ran và tim đập thình thịch. Chị thì thầm, hơi thở thơm tho quyến rũ,

“Chị còn con gái, em nhớ không?”

“Ừ ư . . .,” tôi bần đầu bần óc.

“Chị sẵn lòng cho em hết. Tới sân nhà rồi, cho chị lên gác với em.”

“Không chị ơi,” tôi choàng tỉnh, nhảy ra ngoài xe, và thở hổn hển chạy ào lên gác.

Ba hôm sau, lòng còn vương vấn nỗi buồn xa Quỳên, tôi theo Dương đến quán Trúc dự tiệc “rửa lon” của ông Cấn, ông vừa được thăng chức thiếu tá. Khoảng chín giờ tối, tôi uống đến chai Coca-Cola thứ ba, và Dương vừa từ sân nhảy trở lại, Quỳên chợt xuất hiện kéo tay tôi,

“Mau theo chị, chạy mau . . .”

Tôi theo Quỳên như cái máy; Dương cũng theo bèn gót. Ba phút sau, khi đã chạy ra ngoài khá xa, chúng tôi nghe hai tiếng nổ lớn từ trong quán phát ra. Chợt hiểu ra, anh chộp hai tay chị khóa chặt,

“*Mi* . . . cô là đặc công Việt Cộng! Cô đã chỉ điểm đồng bọn ám toán ba người sĩ quan bên tôi; *chừ* khùng bố giết người.”

“Buông tay cho tôi ngồi, tôi sẽ khai,” được Dương cho ngồi bên vệ đường, chị chậm rãi nói, “Biết các anh gài *Ba Hoa* giao tiếp với tôi để thám thính, phía chúng tôi án binh bất động nên các anh không tìm ra manh mối về chuyện ba anh chồng hờ của tôi bị chỉ điểm và phục kích bắn tĩa. Tôi được lệnh bắt cóc *Ba Hoa* đưa vào mật khu làm con tin trước ngày em đi Sài gòn, nhưng nhất định không chịu nên bị họ nhốt ở chỗ ẩn náu bí mật dưới suối Đốc Học.”

Quỳên tha thiết nhìn tôi,

“Chị không thể nào hại em! Chị nghe lén kế hoạch đánh quán Trúc: Cán bộ cảm tử hai tay cầm hai quả lựu đạn vào tận bên trong mới rút chốt để chết chung. Chị tìm cách thoát thân và tìm đến vừa đúng lúc để cứu em.”

* * *

Kỷ niệm xưa bằng bạc trong tâm tư, trưa thứ Bảy tôi đến nhà Quỳên ở Pflugerville, thành phố lân cận với Austin. Chúng tôi đứng trong nhà bếp, chị vừa nấu nồi bún bò và soong chè đậu xanh đánh đải tôi, giống như ngày tôi đến nhà chị “do thám,” vừa thuật lại chuyện đời chị sau đêm lựu đạn nổ.

Sau khi tôi sợ hãi chạy một mạch về nhà, Dương quyết định thả Quỳên đi, thay vì giải chị giao cho An ninh Quân đội. Chị về Huế sống với gia đình và để giữ trọn lời hứa với anh sẽ cải tà quy chánh, dùng giấy tờ của cô em Lệ Hoa nhỏ hơn chị một tuổi và giống hệt như chị để trở lại học Đại học Khoa học Huế.

Hằng ngày Lệ Hoa (tên mới của Quỳên) đến thăm hỏi và săn sóc mẹ Dương. Anh là con một, cha mất sớm, mẹ buồn tảo bán tần nuôi ăn học đến khi anh vào trường Võ bị. Bà mẹ thương mến chị và giục giã anh cưới chị, nhưng anh cứ lần lữa – có lẽ chưa quên chuyện cũ. Mãi đến

khi bà mẹ lâm bệnh nặng chờ chết, anh mới chịu cưới chạy tang; nhưng chị đợi sau khi lấy bằng Cử nhân Khoa học Ứng dụng về tạo tác thủy lợi mới dọn lên BMT sống với anh. Anh được thăng chức nhanh, làm trung tá trưởng Phòng Tư (ban Tiếp liệu) của Sư đoàn YY, và năm 1974 tử nạn khi bay trực thăng thị sát chiến trường, trực thăng trúng hỏa tiễn B-40 của Việt Cộng bốc cháy. Lúc đó, chị vừa sinh cô con gái thứ hai.

Lệ Hoa đưa con về Sài Gòn sinh sống. Giữa cơn hấp hối của Sài Gòn cuối tháng Tư năm 1975, biết Việt Cộng sẽ không bao giờ tha “kẻ phản bội” như mình, chị nhờ Phấn, thiếu tá Hải quân độc thân và bạn thân đồng khóa Võ bị của Dương, dàn xếp cho mẹ con chị di tản bằng tàu Hải quân với gia đình chỉ có mẹ và em gái của ông. Sang đến đảo Guam, mỗi gia đình đi một ngả: Phấn sang trại tỵ nạn Đồn Indiantown Gap ở tiểu bang Pennsylvania, và chị sang trại Đồn Chaffee ở Arkansas. Từ trại Đồn Chaffee, chị được bảo trợ ra định cư ở Austin và làm kỹ sư thủy lợi cho sở Điện lực Thành phố Austin.

Phấn định cư ở Chicago, Illinois làm phụ thợ máy. Hai năm sau, mẹ ông mất, và cô em gái lấy chồng và ra riêng, ông gọi điện thoại nhờ Lệ Hoa sắp xếp để dời về Austin làm việc trong xưởng hàn điện tử. Hai người ở gần nhau, ông ghé thăm chị hằng ngày, chăm sóc con chị, và sau cùng xin lập gia đình với chị. Nhân bị xưởng hàn điện tử sa thải, ông học *làm nail*, một nghề đang bộc phát mạnh mẽ ở Hoa Kỳ. Ông khéo tay và chiều khách, dần dần sang lại tiệm làm chủ, và mở thêm tiệm thứ hai rồi tiệm thứ ba. Ông làm giàu nhanh chóng, và chị sinh cho ông một cô con gái.

Trong tay đã sẵn đồng tiền, Phấn hay trở chứng bay về Sài Gòn du hí với các “em” trẻ đẹp chiều chuộng ông hết mình. Sau một chuyến *áo gấm về làng*, ông trở về kiểm soát lý dị Lệ Hoa rồi đưa cô vợ mới mới hai mươi tuổi sang Hoa Kỳ. Người đẹp của ông là cô gái Sóc Trăng nhà quê học chưa hết lớp 6 và hoàn toàn lạc lõng ở xứ này vì không biết một chữ tiếng Anh, không biết sử dụng dụng cụ trong nhà, và không biết nấu ăn. Cùng kể, ông lạy lục chị đến chỉ dạy cô vợ mới làm chuyện nhà, nhưng chỉ hoài công. Rồi đứa con gái của cô ta ra đời, ông lại cậy chị nuôi dạy. Chị không nỡ lòng từ chối, và bé gọi chị là “Má Hai.” Ngày bé lên ba, ông bị liệt tim lẫn đùng ra chết. Chị lo ma chay trọn vẹn cho ông rồi đưa vợ ông – mẹ bé – về nuôi, gánh thêm một “cô con gái.”

Chiều lại, đến giờ tôi hẹn ăn tối với mẹ và Bình, tôi và Lệ Hoa nắm tay nhau đi ra cửa, hai bàn tay không muốn rời nhau. Chị mơ màng nói qua nước mắt,

“Trong đời chị, hạnh phúc thần tiên nhất là đêm mưa gió ngồi kề bên em trong khoang xích lô trên xứ *bùn đỏ bụi hồng*.”

Tôi xúc động tận cùng và không thể kềm lòng, đắm đuối hôn lên môi Lệ Hoa. Nụ hôn đầu tiên và cũng là *nụ hôn vĩnh biệt*. Vì chúng tôi không thể gặp lại nhau.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 29 tháng Năm, 2024

Thuở Còn Ngụ Ngơ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Năm nào cũng vậy, sau Tết dương lịch, tôi phải cày ròng rã năm tháng mới tới ngày nghỉ lễ đầu tiên – lễ Chiến sĩ Trận vong. Ngày lễ được thiết lập vào ngày thứ Hai cuối cùng của tháng Năm để tưởng niệm và tri ân những quân nhân bỏ mình khi thi hành nhiệm vụ. Từ nhiều tuần trước, người ta đã bắt đầu mang cờ và hoa đi thăm mộ thân nhân khiến nghĩa trang đầy màu sắc trông giống như vườn hoa. Tôi và Quỳnh Châu đợi đến cuối tuần trước ngày lễ mới dẫn Mạc, cu Ân, và bé Diễm Lệ đi thăm mộ cha. Chúng tôi cắm hoa vào bình, thắp hương vái lạy, và dạy các con lạy và khấn “ông nội phù hộ cho con học giỏi để ba má vui lòng.”

Còn hơn ba tuần nữa mới đến tiết hạ chí đêm ngắn ngày dài vào đầu hạ tuần tháng Sáu, ngày đầu tiên của mùa hè, nhưng dân chúng xem lễ Chiến sĩ Trận vong là lúc mùa hè khởi sự: Trường học nghỉ hè, người làm việc nghỉ phép đưa gia đình đi chơi xa, và các hoạt động mùa hè như cắm trại, đi câu cá, và chơi thể thao ngoài trời bắt đầu. Kỳ bãi trường năm nay, Mạc tốt nghiệp trung học, lễ tốt nghiệp được tổ chức chiều thứ Bảy trước lễ Chiến sĩ Trận vong.

Quỳnh Châu bàn chuyện tiệc mừng Mạc tốt nghiệp từ hai tháng trước. Nàng dự định mời bạn tôi ở công ty tiện ích; bạn nàng ở đại học cộng đồng; tín đồ họ đạo nhà thờ Ba Ngôi Lutheran, nhà thờ bảo trợ gia đình tôi ngày trước; và bạn của Mạc đến nhà ăn một bữa tiệc ngoài trời thật tưng bừng. Mạc không dám cãi lời nàng, nhưng tỏ ý với tôi là các bạn thân của Mạc đều tổ chức *open house* mừng tốt nghiệp tối Chủ Nhật. “Open house” là tiệc mời nhiều người, khách muốn đến hay đi lúc nào cũng được. Nếu được như bạn, Mạc có thể dự tất cả các *open house*, thưởng thức hết món ăn của các nhà, và vui vầy với tất cả bạn thân. Tôi thích ý kiến này, nhưng chưa biết làm sao thuyết phục Quỳnh Châu.

Một tối sau khi vào giường, lúc vợ chồng tôi thường trao đổi dăm điều ba chuyện trước khi ngủ, tôi nói với Quỳnh Châu,

“Mẹ nói ngày anh ra đời ở làng quê Quảng Bình, nội chấm tử vi khen cung Nô bộc của ‘thằng nì’ tốt vô số. Cung Nô bộc chỉ liên hệ bạn bè nên có lẽ vì vậy mà lớn lên, anh được tụi bạn thương mến và hết lòng giúp đỡ. Gọi là ‘quới nhon’ phù trợ.”

“Em nghe mẹ nói chuyện đó từ hồi Sài Gòn. Năm ngoái và năm kia, có dịp đi thăm hai người bạn Ban Mê Thuật của anh là anh Điền ở Houston (Texas) và chị Kiếm ở Clearwater (Florida), em càng thấy rõ hơn. Anh Điền lớn hơn anh bốn, năm tuổi mà để cho anh ăn hiếp rồi cười hề hề. Chị Kiếm mời tụi mình đến nhà ăn cơm và chiều anh hơn chiều chồng *chỉ* nữa,” Quỳnh Châu khẽ nhéo tay tôi.

“Nói đến Kiếm và thằng Điền làm anh nhớ lại bữa tiệc mừng thi đậu duy nhất trong đời anh,” tôi vuốt tóc Quỳnh Châu và kể lại chuyện xưa.

Mùa thu 1963, tôi chuyển trường từ Quốc Học Huế vào trung học Ban Mê Thuật (“BMT”) và học đệ nhị B (lớp 11 ban Khoa học Toán) cùng với Điền, Kiếm học bên đệ nhị A (ban Khoa học Thực

nghiệm), và hai ban học chung các môn như quốc văn, sinh ngữ (ngoại ngữ), và sử địa. Buổi học chung đầu tiên, Kiếm đến bàn tôi niềm nở làm quen,

“*Ba Hoa nì, tui là Kiếm em anh Nam. Rứa là mình học chung với nhau!*”

Nam là bạn học của anh Quang tôi ngoài Huế, gia đình dọn vào BMT vài năm trước, nhưng ở lại Huế học như anh tôi. Nam đã cho tôi địa chỉ và dặn ghé thăm Kiếm, nhưng tôi nhát (gái) và *nhác* (lười biếng) nên không tìm gặp nàng. Nàng cười tươi để lộ má lúm đồng tiền và khoe hàm răng trắng đều,

“Anh Nam nói *Ba Hoa* học giỏi lắm. Khi *mô* rảnh ghé lại nhà chơi *nghe*; ba *mạ* tui gặp người Huế mình là mừng lắm.”

Thế là tôi quen Kiếm. Điền cùng tuổi với tôi trên giấy tờ, nhưng đã là một thanh niên biết nói bóng gió lảng lờ chọc ghẹo cô giáo. Nó kể ngày thi vào đệ thất (lớp 6) trường trung học BMT, nó lặn lưng hai tờ giấy khai sinh: Một tờ ghi sụt tuổi để đi học, tờ kia ghi gần tuổi thực để nếu thi rớt sẽ đi làm phu lục lộ ty công chánh, và nó thi đậu. Nó hay ghẹo tôi,

“‘Thằng con’ này *văn chương chữ nghĩa* bề bề thế kia mà đứng trước mặt ‘em’ thì *hồn phi phách tán*, chẳng ra cái quái gì.”

“‘Em’ nào ở xứ *Buôn Muôn Thuở* mà quyền uy thế?” một thằng bạn khác vờ ngạc nhiên.

“Con Kiếm cùng quê với nó bên đệ nhị A. Tao lạ gì!” Điền cười đắc chí.

Đầu mùa hè, học sinh đệ nhị khăn gói đi thi Tú tài I ở Nha Trang vì BMT tỉnh nhỏ không có hội đồng thi; hầu hết đi xa nhà lần đầu. Năm nay giáo sư BMT lại được cử đi Nha Trang coi thi và chấm thi ở hội đồng Võ Tánh. Thi xong, trong những ngày chờ kết quả, cả bọn học trò kéo nhau ra bãi biển chơi, con trai tắm biển giỡn sóng, và con gái ngồi dưới bóng dừa trò chuyện. Tôi vừa ở dưới nước lên, người còn ướt sũng thì thầy Phan dạy vạn vật và cô Thi Tâm dạy quốc văn đến tìm. Thầy cười chum chim chỉ mặt tôi nói đùa,

“Cái thằng *Ba Hoa nì* học hành *chi* mà lạ *rứa*?”

“Dạ *răng* thầy?” tôi tái mặt hỏi lại.

“Thầy nói chơi thôi! *Mi* đậu tối ưu đứng đầu hội đồng và được tới 187 điểm, điểm cao nhất toàn quốc,” cô Thi Tâm vội vàng giải thích; đó là lý do cô và thầy Phan ra bãi biển báo tin.

Các bạn reo hò mừng người bạn *thông minh nhất nam tử* thành công vượt bậc. Kiếm kêu bạn góp tiền đưa cho Điền vào quán Số 5 gần đó mua nước dừa tươi ăn khao. Quán Số 5 là một trong chín cái quán bán thức ăn và nước giải khát có tên là số thứ tự dọc theo bãi biển. Gần chục dừa mà chỉ đủ tiền mua ba trái dừa chia nhau. Tôi cảm động rưng rưng nước mắt và bỗngưng nắm tay Kiếm; nàng để yên, môi nở nụ cười rạng rỡ.

Kể đến đây, tôi quay sang nhìn vào mắt Quỳnh Châu,

“Ba mươi năm sau, những ngụm nước dừa xiêm tươi mát đượm tình bằng hữu thiết tha vẫn còn nằm trong tâm khảm anh.”

“Em hiểu ý chồng rồi! Tình nghĩa bạn bè của Mạc quan trọng hơn khách khứa tham dự và tiệc lớn hay nhỏ. Xin lỗi đã làm chồng bận tâm, đáng lẽ em phải khuyến khích ý kiến của con từ đầu,” nàng chồm sang hôn lên má tôi.

“Với *open house*, tất cả bạn thân của con sẽ có dịp thưởng thức hai món ăn Việt nam thần sầu của em là chả giò và phở. Anh nghi khi tiệc tàn, tụi nó sẽ giành nhau xin chả giò còn lại mang về nhà.”

“Chồng nói quá khiến em hình mũi đây nè! Hai món đó em được mẹ chân truyền, không ngon sao được?” nàng nắm tay tôi đi vào giấc ngủ.

* * *

Hôm sau, Quỳnh Châu khơi lại câu chuyện về Kiếm; nàng ôm tôi thủ thỉ,

“Em yêu chồng, yêu mọi thứ của chồng. Yêu tính tốt lẫn thói xấu và cả quá khứ đào hoa của chồng. Em chỉ tò mò muốn biết ngày học chung với chị Kiếm, anh có thương *chỉ* không.”

“Cô vợ dễ thương hỏi khó *thấy mờ*! Nếu nói ‘thương’ theo nghĩa tình bạn thì anh thương Kiếm hơn các bạn khác, nhưng nếu nói ‘thương’ theo nghĩa tình yêu thì anh chưa hề bước tới lần ranh đó. Tại sao em hỏi?”

“Năm kia khi tụi mình đến nhà *chỉ* ăn cơm tối rồi anh Lân chồng *chỉ* chở cả bọn đi coi bến tàu Clearwater về đêm, em thấy rõ ràng *chỉ* còn thương anh,” Quỳnh Châu siết chặt tay tôi.

“Sau bữa tiệc nước dừa, anh mang ơn Kiếm một lần nữa. Nếu không có Kiếm, cuộc đời anh chắc sẽ *te tua* lắm,” kỷ niệm xưa trở về như cuốn phim quay chậm.

Năm đệ nhất (lớp 12) có lẽ là năm cung Nô bộc của tôi vượng nhất. Đám bạn thân gồm bốn thằng con trai (trong đó có Điền) và ba cô gái (trong đó có Kiếm) cuối tuần rủ nhau đi chơi rong rỗi khắp núi rừng BMT. Từ ghềnh thác sông hồ đến rừng cao su, đồn điền cà-phê, và buôn Thượng, nơi nào cũng có dấu chân chúng tôi. Tôi và Kiếm đi chơi chung, vui đùa vô tư với các bạn khác, và có cảm tình kín đáo với nhau; chỉ có thế!

Cuối năm học, bọn học sinh đệ nhất xuống Nha Trang thi Tú tài II. Ngày đầu tiên vào phòng thi, tôi điếng người nhận ra một trong hai vị giám thị là thầy Cự dạy Anh văn ở Quốc Học Huế. Ngày tôi học đệ tam (lớp 10) ngoài Huế, thầy thù ghét tôi *tận mạng* vì học sinh kháo nhau thầy nói tiếng Anh giọng Huế nên Mỹ không hiểu và dở Anh văn hơn tôi. Qua ngày thứ hai (ngày thứ Năm 24 tháng Sáu năm 1965, tôi còn nhớ!) thi toán hệ số cao nhất của ban B, thầy thu bài và đuổi tôi ra khỏi phòng thi nửa chừng vì anh thí sinh lớn tuổi ngồi bên cạnh thò tay giật lấy tờ giấy nháp của tôi. (May là tôi đã làm bài xong xuôi.) Vị giám thị kia là một cô người Huế nhìn tôi ái ngại. Các môn thi sau, cô đứng bên tôi canh chừng; mỗi lần tôi viết hết một tờ giấy thi, cô lấy giữ giùm, và khi tôi làm bài xong, trả lại cho tôi dò rồi thu bài. Thầy Cự bực bội, nhưng không làm gì được.

Thi Tú tài II gồm hai đợt: Đợt đầu thi viết các môn chính, đậu rồi mới vào vấn đáp sát hạch sinh ngữ. Pháp văn là sinh ngữ I (ngoại ngữ chính) và Anh văn là sinh ngữ II (ngoại ngữ phụ) của tôi. Trong khi đợi kết quả thi viết, đám bạn BMT tụ tập ở nhà người bà con của Kiếm, nơi nàng và các bạn nữ sinh tạm trú. Tôi há hốc mồm ngạc nhiên khi Kiếm giới thiệu Tứ Vân cô ruột của nàng: Cô chính là vị giám thị trong phòng thi. Cô dạy Anh văn ở trường Đồng Khánh Huế và kỳ này vào Nha Trang coi thi và chấm thi. Mái tóc dài ngang lưng bằng phẳng, nói nhanh, và hay cười, cô an ủi tôi,

“Huế mình ai mà không biết Cự *nớ* nói tiếng Anh như anh nhà quê dưới Sịa [cách Huế chừng 20 cây số về phía bắc] nói tiếng Lào. Cô nhận ra em từ đầu, nhưng *hắn* ra tay bất ngờ cô ngăn không kịp. Bữa *ni* gặp cô là em may lắm đó! Giám khảo vấn đáp Anh văn chỉ có hai giáo sư ngoài Huế vô: Cô dạy Anh văn sinh ngữ I, và *hắn* dạy Anh văn sinh ngữ II. Nếu cô không can thiệp thì em sẽ thi vấn đáp với *hắn* – rớt là cái chắc.”

“O giúp *Ba Hoa* *nghen*; *hắn* học giỏi mà *tội* lắm,” Kiếm năn nỉ cô.

“Để o lo; thầy bà bê bối *mần* chuyện tầm bậy tầm bạ không được với o *mô*!”

Không biết Tứ Vân dàn xếp thế nào mà tất cả học sinh BMT đậu thi viết đều vào thi vấn đáp với cô. Đúng là tôi được “quới nơ” phò hộ! Tôi đi cùng chuyến xe đò với các bạn nữ sinh về BMT. Khi chia tay về nhà, Kiếm nắm tay tôi, đôi mắt ươn ướt và giọng nói buồn tênh,

“*Ba Hoa* hứa với mình, dù *chi* đi nữa, *Ba Hoa* sẽ luôn luôn chăm học. Hứa *nghen*?”

“Vì *răng*, Kiếm nói cho *tui* biết được không?” tôi ngạc nhiên nói lắp bắp.

“Hứa đi, nếu không mình khóc cho coi.”

“Ừ, *tui* hứa . . .”

Câu nói có vẻ như “dứt tình” bất ngờ của Kiếm khiến tôi sửng sờ mấy ngày liền. Hương Nhã, chị bạn thân nhất với tôi trong nhóm nữ sinh, thổ lộ,

“Con gái tỉnh lẻ xuân thì qua mau mà cơ hội lấy chồng hiếm hoi vì mật ít ruồi nhiều và hầu như giới hạn vào một số sĩ quan trẻ trong tỉnh. Sau mấy đêm thức đêm tâm sự ở Nha Trang, tụi *tui* đồng lòng khuyên Kiếm nhận lời rủ đi chơi của anh Lân, một sĩ quan độc thân sáng giá. Dịp tốt chỉ tới một lần!”

Tôi về Sài Gòn học, Kiếm lấy chồng và dọn về Nha Trang ở. Ba năm sau, tôi về chơi ở thành phố biển xanh cát trắng nắng vàng và tìm thăm nàng lúc ấy đang nằm cựa con đầu lòng. Người Huế tin rằng đàn bà mới đẻ mang *phong long* đưa vận đen tới cho người khác, nhất là đàn ông ngoài gia đình, nên nàng nằm bên trong phòng nói chuyện với tôi qua bức màn cao che kín mít. Chúng tôi miên man kể cho nhau nghe những việc đã xảy ra cho mình và cười đùa tự nhiên như ngày chung lớp. Tuy nhiên, khi tôi ra về, nàng thỏm thức tiễn đưa,

“Từ ngày *nớ*, khi *mô* mình cũng nghĩ tới *Ba Hoa*. *Chừ* sanh con gái, mình đặt tên là Anh Hoa để mỗi ngày nhắc tên người bạn cũ.”

Nghe tôi kể đến đây, Quỳnh Châu ôm tôi hôn, má nàng ướt nước mắt,

“Thương *ông ông* ngu ngơ quá sức! Cảm ơn chị Kiếm đã để dành cho em.”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Sáu, 2024

Công Chúa và Kẻ Bán Than

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngự Bình, cô “công chúa” duy nhất trong nhà, sinh ở Huế sau trận lụt năm Ất Mùi (1955). Ngày đó, mẹ và bốn thằng con trai – anh Quang, tôi, Sang, và Triết – ở trong xóm Cửa Nhà Đồi cùng với thím Lam và chị ở. Thím là vợ mới cưới của chú Lam em họ cha; cha và chú phục vụ trong quân đội và đóng đồn xa.

Suốt hai tuần cuối tháng Chín, bầu trời xám xịt, mây thấp, và những cơn mưa như trút nước đổ ập xuống. Nước sông Hương đục ngầu chảy cuồn cuộn, và mực nước mỗi ngày một dâng cao. Buổi chiều hôm ấy, nước sông xăm xấp tới mặt đường; mẹ, thím Lam, và chị ở ra sức đưa đồ đạc trong nhà lên cao. Quá nửa đêm, tôi bị đánh thức và mơ màng nhìn quanh thấy nước dâng lên gần tới mặt tấm phản tôi nằm ngủ với anh Quang và Sang, guốc dép và đồ vật nổi lều bều trong nhà, và một chiếc *nôốc* (ghe nhỏ có mũi) áp mũi vào sát phản. Mẹ ra lệnh cho chị ở,

“*Mi đưa mấy đứa đi với hai bác Hoát tránh lụt, đợi nước rút mới về!*” Bác Hoát hàng xóm cạnh nhà tôi là công chức sở lục lộ hồi hưu.

“*Rằng thím với chị Lam không đi?*” chị ở hỏi lại.

“*Tau với thím nớ còn nhà cửa đồ đạc phải coi, đi *rằng* được?*”

Đứng dưới sàn nhà, nước ngập ngang bụng, thím Lam bưng chiếc đèn dầu soi đường cho mẹ ẵm Triết trao cho *mụ* Hoát rồi giục giã,

“*Đi mau lên kẻo *Mệ* *nuốt chừ!*”* Mẹ nói “*Mệ*” để kiêng tên Hà bá là thần làm chủ sông.

“*Mẹ không đi thì con ở nhà phụ mẹ,*” anh Quang hiểu ra và phản đối.

“*Con là chim đầu đàn phải đi mà lo cho em. Vài ngày thôi con à!*” mẹ năn nỉ anh tôi.

Chiếc *nôốc* chèo đi trong bóng đêm, tôi ngủ thiếp đi. Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng và *nôốc* đã đậu lại. Nước lặng. Biển nước màu vàng đất che phủ mọi vật, chỉ chừa lại *đọt* (ngọn) cây và mái nhà. Tôi gọi với hỏi ông Hoát,

“*Đây là chỗ *mô*? Mình làm *chi* ở đây *ông* ơi?*”

“*Vườn nhà ông Bính; mình đậu *nôốc* chờ nước rút.*” Nhà ông Bính là một dinh cơ rộng lớn gần cầu Bạch Hổ, cách nhà tôi không tới nửa cây số.



Suốt đêm trần trọc, anh Quang bồn chồn lo lắng nhưng cố trấn tĩnh dạy tôi và Sang lấy que tre làm cần câu cá, nhưng chỉ được một lát là hai đứa tôi chán, bỏ cần câu qua một bên, và thò tay xuống nước vọc chơi. Nhưng làm gì thì làm, *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi) bảy tuổi nhớ mẹ quá

chùng! Nước dâng lên thêm một ngày nữa là tới đỉnh và sáng hôm sau từ từ rút xuống. Trời mưa xối xả khi chúng tôi về đến nhà; ông Hoát nói,

“Mưa *xối bùn*, hết lụt rồi. Mấy đứa *bây* phải cảm ơn Trời Phật đã phù hộ cho mẹ và thím *bây* được bằng an.”

Quanh nhà bùn đất và cành cây nằm la liệt, và bên trong bàn ghế tủ giường lấm bùn nghiêng ngã chỏng chơ. Mẹ huy động chị ở, anh Quang, và cả *thằng Bé* quét dọn bùn và phơi phóng vật dụng. Ở phòng trong phía sau nhà, mẹ và thím Lam lấy các xấp giấy bạc 100 đồng in hình Quốc trưởng Bảo Đại bị thấm nước trong cái rương lớn ra, trải từng tờ trên nia để hong khô, và dùng bàn ủi than ủi phẳng trước khi bó thành xấp như trước. Thì ra, mẹ và thím Lam ở nhà để bảo vệ tiền bạc của cải trong nhà.

Mẹ kể đêm, sang đêm thứ ba của cơn lụt, Trời Phật đáp ứng lời cầu khẩn của mẹ và thím Lam: Nước dâng tới *rầm thượng* dưới mái nhà thì ngừng lại. Mẹ vui mừng nói với thím,

“Chị em mình có mang mà dầm nước lụt thì đẻ con gái.”

“Thiệt không? *Răng* chị biết?” thím bẽn lẽn hỏi lại.

“Ông bà mình nói *rứa*! Thím có mang con so lại càng ứng nghiệm.”

Quả nhiên, đầu năm 1956 thím Lam sinh con gái đầu lòng đặt tên là Hương. Một tháng sau, Ngự Bình của mẹ ra đời. Hai cô em tôi mang tên sông Hương và núi Ngự Bình, hai thắng cảnh về nên phong cảnh hữu tình của cố đô.

* * *

Ngày ở Huế, tôi thường bị giao cho công tác *chự* (giữ) em vì mẹ nói, “*Thằng Bé* cẩn thận, chịu khó, và chiều em hơn thằng anh *hẩn*.” Năm Bình lên ba lên bốn, tôi vừa trông em vừa chơi với Hương, thằng bạn thân ở gần nhà. Nó học cùng trường và ngang lớp, nhưng không cùng lớp, với tôi và cũng mê đọc truyện như tôi.

Vì thói mê truyện, tôi tự học cách đóng lại sách cũ bằng cách cắt giấy cứng làm bìa, dùng đinh đục lỗ, và lấy kèm cắt dây kẽm làm kim đóng sách. Bà con họ hàng ai có sách cũ đều đem cho tôi, thay vì liệng bỏ. Những cuốn sách đó thường mất cả bìa trước, bìa sau, và trang tựa đề. Tôi ra công chế biến thành cuốn sách tươm tất và cất giữ trong cái thư viện tí hon gồm truyện Tàu, võ hiệp, trinh thám, phiêu lưu mạo hiểm, và tình cảm xã hội. Kho truyện của tôi thay đổi hằng ngày vì tôi đem truyện đi đổi với của mấy đứa khác, và nhờ đó đọc được nhiều truyện đã xuất bản mặc dù không có tiền mua.

Ngoài giờ học, tôi và Hương đi đổi truyện và mang theo Bình. Khi phải đi bộ xa, ban đầu Hương ôm sách, tôi cõng em trên lưng, và em thích chí cười nói bi bô. Một lát sau tôi mồi vai thì đổi phiên: Tôi ôm sách, nó cõng Bình, và em cũng vui vẻ bằng lòng. Các bạn đổi truyện thường nghĩ chúng tôi là ba anh em, và nhờ em xinh xắn dễ thương mà đôi khi hai thằng được nhường cho phần hơn trong cuộc thương lượng đổi chác.

Mười mấy năm sau, cha mẹ gửi Bình từ Nha Trang vào Sài gòn học trường nữ trung học Gia Long và ở với tôi trong nhà cư xá Bắc Hải. Lúc đó tôi đã tốt nghiệp kỹ sư điện và đi dạy, và

Hương đã tốt nghiệp kỹ sư canh nông trường Cao đẳng Nông Lâm Sóc. Ngày học đại học, nó học giỏi và được một ông bạn ba nó đang làm lớn trong bộ Canh nông ngắm ghé gả con gái. Ra trường nó làm đám cưới, và tôi đóng bộ làm phù rể. Tiệc cưới linh đình tổ chức ở nhà hàng Bát Đạt trên đường Đồng Khánh trong Chợ Lớn, tôi và Bình – bấy giờ là nữ sinh lớp 11 – được mời lên sân khấu chụp hình với gia đình cô dâu chú rể, và chú rể thuật lại chuyện công em đi đổi truyện cho quan khách nghe.

* * *

Cha mẹ ở Nha Trang, Sang đi lính, Triết đi du học, và trong nhà cư xá Bắc Hải chỉ có tôi và Bình và chú Hạ tài xế kiêm đầu bếp nấu ăn. Ban ngày Bình đi học và tôi đi làm, buổi tối hai anh em thường đi chơi với nhau. Ngồi ở yên sau chiếc Honda, em theo tôi tới nhà bạn hay đi ăn nhậu và kiên nhẫn ngồi nghe bọn người lớn (hơn) tán gẫu chuyện trên trời dưới đất không mấy liên quan đến em. Tuy nhiên, ở nhà, cô nữ sinh Gia Long nói năng nhỏ nhẹ là chủ nhà thực sự. Em nắm giữ việc chi tiêu và sai sử chú Hạ lái xe hơi đưa đón em đi học, chở em đi mua sắm, hay đưa em đi giao dịch cho mẹ. Em lo hết công chuyện kinh doanh của mẹ ở Sài Gòn. Càng ngày, tôi và em càng gần nhau và có lối suy nghĩ tương tự như nhau.

Cuối năm học lớp 12, Bình thi Tú tài, kỳ thi quan trọng đầu đời của em được cho theo lối trắc nghiệm. Lối thi này được thực hiện lần đầu tiên ở Việt Nam và bị báo chí gọi mỉa là “Tú tài IBM” vì, ngoại trừ bài luận, các bài thi đều được chấm bằng máy điện toán của hãng IBM (International Business Machines Company). Kỳ đầu được tổ chức vào ngày 26 và 27, thứ Tư và thứ Năm cuối cùng của tháng Sáu năm 1974. Bình thi ở hội đồng Gia Long, trường của em. Hai tuần sau có kết quả, em đậu Bình.

Bình học ban C (Văn chương và Sinh ngữ) nên nghề nghiệp tương lai khá giới hạn: học xong đại học hầu như chỉ đi dạy học. Tháng Tám em nộp đơn xin thi vào ban Anh văn (ngoại ngữ chính của em) của Đại học Giáo dục thuộc viện Đại học Bách Khoa Thủ Đức mà tiền thân là ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật. Ban này được thành lập từ năm 1962, trực thuộc nha Kỹ thuật Học vụ, không chính thức là trường cao đẳng như trường Cao đẳng Điện học của tôi, và lúc đầu mỗi năm chỉ nhận mười sinh viên. Năm 1972, ban được phát triển thành Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ với trường sở ở Thủ Đức. Năm 1974, trung tâm trở thành Đại học Giáo dục của viện Đại học Bách khoa Thủ Đức, cùng với Đại học Kỹ thuật trong đó trường Điện là một “Ngành” (ban).

Bình đậu vào Đại học Giáo dục, thành giáo sinh ban Anh văn, và hãnh diện làm bạn đồng môn Bách khoa Thủ Đức với ông anh: Tôi nhập môn trước “tiểu sư muội” chín năm. Hằng ngày em dậy sớm nhờ Trọng em út lấy xe Honda PC đưa ra trước rạp hát Long Vân gần bùng binh Ngã Bảy Sài Gòn đón xe lô đi học. Xe chạy dọc theo đường Phan Thanh Giản ra xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa khoảng mười cây số tới Thủ Đức và ngừng trước cổng trường đại học, em đi bằng qua sân trường là tới lớp.

Mới hôm nào là một em bé kháu khỉnh tôi cũng đi chơi, Bình trở thành một thiếu nữ mười tám mỹ miều với mái tóc dài xõa ngang lưng, chiếc mũi dọc dừa, và nụ cười duyên dáng không biết

từ lúc nào. Tôi chợt nhớ ra hơn một năm qua em không còn thủ thỉ tâm sự chuyện học hành hay bạn bè ở trường với tôi, và thỉnh thoảng tôi bắt gặp nụ cười ngượng ngập của vài chàng sinh viên đến nhà chơi và lễ phép đứng dậy chào khi tôi tình cờ đi qua phòng khách. Đặc biệt, bạn tôi là Hòa hình như cũng đang si tình em, nhưng không dám hé môi.

Hòa người Phú Yên là em một người bạn học đệ nhất (lớp 12) cùng với tôi ở Ban Mê Thuật. Thân hình cao lớn chắc chắn và mặt sạm nắng, Hòa đỗ bằng Cử nhân Vật lý ở Đại học Khoa học Sài Gòn và sau khi tốt nghiệp, được nhận làm giảng viên phòng Vật lý của Đại học Minh Đức cùng với tôi. Chàng kính trọng và nghe lời tôi, và tôi yêu mến tính tình chất phác của chàng được biểu hiện trong giọng “Nẫu” Phú Yên cao và trong cất lên ở cuối câu nghe thật thân thiết và gần gũi. Qua niên khóa thứ hai, Hòa mất việc, nhưng chúng tôi gặp nhau thường xuyên ở lớp cao học điện tử của Đại học Khoa học. Biết chàng nhà nghèo, vào Sài Gòn trọ học mà dạy kèm tư gia không đủ sống, tôi nhường cho chàng giờ dạy ở trường trung học tư. Hằng tuần tôi ghé lại nhà trọ, mời chàng đi uống cà-phê hay đi ăn nhậu, và nếu về khuya, rủ ngủ lại nhà tôi.

Sau ngày mất nước năm 1975, tôi và Hòa biệt tin nhau gần 15 năm. Năm 1990, gia đình chàng được bảo lãnh sang định cư ở nam California. Chàng sống hòa thuận với vợ là Dung người cùng quê và thuộc gia đình giàu có. Chàng rất “nể” Dung, không bao giờ dám cãi lời vợ. Khi tôi đi du lịch hay công tác ở nam California, vợ chồng Hòa mời tôi ở lại nhà và tiếp đãi tử tế. Chàng hỏi tôi số điện thoại Bình và thỉnh thoảng gọi thăm em. Lúc này, với bằng Cao học Điều dưỡng, em làm giám đốc điều dưỡng cho một hệ thống bệnh viện ở Austin, Texas và có hơn 300 nhân viên dưới quyền, và gia đình sống hạnh phúc.

Trong lần ghé thăm Hòa cuối thập niên 1990, tôi rủ chàng đi dự họp mặt với vài người bạn cựu giảng viên Đại học Minh Đức, một trong những lần hiếm hoi không có Dung đi cùng. Bị bạn ép uống bia, Hòa hơi quá chén và đâm ra nhiều lời. Trên đường về, chàng trút tâm sự,

“Anh biết không, ngày đó *tui* thương cô Bình hết sức. Về nhà anh ngủ đêm và được trò chuyện với *cố* là những lúc sung sướng nhất đời *tui*.”

“Vậy sao?” tôi hỏi vô thường vô phạt.

“*Tui* suy nghĩ cả năm trời rồi quyết định ôm mối tình câm chớ không cho anh biết,” giọng chàng buồn tênh.

“Tại sao?” tôi thầm cảm ơn chàng đã tránh cho tôi một hoàn cảnh khó xử; tôi biết hồi đó Bình xem chàng thuần túy là bạn thân của ông anh.

“*Tui* biết mình thân thế quê mùa nghèo hèn và không xứng đáng với *cố*. *Cố* là công chúa; *tui* là thằng bán than, sao dám ngược mặt với lên trời?”

Tôi giữ kín nỗi niềm tâm sự của Hòa. Khốn nỗi, tôi không phải là kẻ duy nhất mà chàng thổ lộ tâm tư. Trong mấy lần tôi trở lại sau đó, Dung hay hỏi tôi những câu xóc óc buộc tôi vào thế phải xác nhận chị thông minh và tài giỏi hơn tôi. Như thế chị dùng tôi làm bung xung để đua tranh với bóng ma của quá khứ.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Sáu, 2024

Kẻ Mặt Dày

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đầu tháng Chạp năm 1994, tôi đi họp ở Palo Alto, California, một thành phố nhỏ ở bắc California mà dân chúng nổi tiếng trí thức vì mật độ PhD cao nhất Hoa kỳ. Quỳnh Châu “tình nguyện” đi theo “để chồng có bạn” vì nàng có nhiều người quen ở vùng này từ những năm học Đại học Stanford trước năm 1975. Tôi họp xong, chúng tôi lái xe sang San Jose, thành phố được mệnh danh “Thung lũng Hoa Vàng” và thủ phủ của cộng đồng người Việt bắc California. Nơi đây có một số cựu sĩ quan làm việc dưới quyền cha thời cha giữ chức vụ cầm đầu tỉnh Phú Yên. Hầu hết các chú bị đày đoạ trong trại tù “cải tạo” của Việt Cộng (“VC”) nhiều năm và cùng gia đình sang Hoa kỳ theo diện H.O. vài năm gần đây.

Tôi đến thăm chú Duy là sĩ quan tùy viên của cha và gần gũi với gia đình tôi, và nhờ chú mời các chú thím khác đến dự buổi họp mặt ở nhà hàng Hương Giang để tôi và Quỳnh Châu được thay mặt cha mẹ bày tỏ lòng kính yêu đối với chiến hữu của cha. Hơn hai chục người đến họp mặt ăn tối. Sau khi mọi người vui vẻ nâng ly nhập tiệc, chú Duy trù mếu nhìn tôi,

“Mày không biết chứ hồi đó các chú phục mày sát đất. Tụi tao không những nể mày học giỏi, mà còn bái phục tài viết tiếng Anh như gió của mày.”

“Ảnh giỏi làm sao chú?” Quỳnh Châu tò mò hỏi.

“Người ta kể một hôm *Ba Hoa* về nhà nghỉ hè, thằng thông dịch viên của ‘ông già’ đi phép mà ‘anh’ cần viết lá cảm ơn thằng tướng Mỹ cầm đầu bộ Chỉ huy Trợ giúp Quân sự MACV đang mãn hạn về Mỹ. ‘Anh’ cho gọi nó ra văn phòng và ngồi đợi với cô thư ký tên Hương. ‘Anh’ vừa nghĩ lời thư vừa đọc bằng tiếng Việt cho Hương ghi chép với dự định cô sẽ đánh máy lại, giao cho nó mang về nhà dịch ra tiếng Anh, và đợi một hai ngày sau nó mang bản tiếng Anh ra cho cô. Không dè, ‘anh’ đọc vừa xong và ra hiệu cho nó và Hương ra ngoài thì nó đứng dậy đưa tập giấy cho Hương, ‘Tôi dịch xong rồi, chị làm ơn đánh máy để cha ký.’ Khiến cho cả tòa [Hành chánh] Tỉnh [Phú Yên] rúng động!” “Ông già” hay “anh” mà chú Duy nói là cha.

Thực ra, hôm ấy tôi gặp may một cách tình cờ: Đêm trước, tôi thức khuya vật lộn với mấy cuốn tự điển Việt-Anh và Anh-Việt và cố gắng mài giũa bức thư viết cho anh bạn Mỹ đang học cao học ở Đại học California Berkeley; trước đó, anh phục vụ ở Ban Mê Thuật trong đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế và học tiếng Việt với tôi. Do đó, các câu tiếng Anh cha muốn viết cho ông tướng Mỹ, tôi đã nghiền ngẫm nằm lòng mới vài tiếng đồng hồ trước.

Thấy mọi người trong bàn tiệc nhìn mình, tôi nói lảng bằng cách nêu lên mẩu tin nghe bàn tán xôn xao mấy ngày qua,

“Cháu nghe báo chí và đài phát thanh Việt ngữ loan tin phiên xử ‘Mặt trận kiện báo chí’ gay cấn tại tòa Hòa giải Rộng Quyền quận Santa Clara ở San Jose đây. Các cô chú có ai đi xem không?” “Mặt trận” là Mặt trận Quốc gia Thống nhất Giải phóng Việt nam, một tập hợp gồm một số tổ chức chính trị và võ trang do cựu Phó Đề đốc Huỳnh Công Mai lập ra năm 1980 với mục đích khôi phục đất nước từ tay VC.

“Cả đám tội tao kéo nhau ‘ra tòa’ để nghe lời khai của nhân chứng và tìm hiểu chuyện Mặt trận mà ai cũng tưởng đã chìm vào quên lãng,” chú Duy chìa tay chỉ mọi người.

“Trong vụ xử đó, ai kiện ai chú?” Quỳnh Châu xen vào hỏi.

“Ba thằng đầu não của Mặt trận lôi ba thằng nhà văn nhà báo ra tòa. Để chú kể cho cháu và *Ba Hoa* nghe.”

Những năm đầu sau ngày thành lập, nhờ sự ủng hộ nhiệt thành của người Việt tỵ nạn, Mặt trận lập chiến khu ở Thái Lan và phát động "đấu tranh Đông tiến." Trong cuộc hành quân Đông tiến giữa năm 1987, ông Mai bị trọng thương và tự sát. Mặt trận bắt đầu phân hóa, các viên chức cao cấp dấu kín tin ông Mai tuần tiết và tiếp tục gây quỹ kháng chiến, nhưng dùng tiền vào việc kinh doanh riêng.

Mùa thu 1990, ký giả Lê Tú của tạp chí *Văn nghệ Tạp sự* ở Hoa Thịnh Đốn và bà vợ bị bắn chết trước nhà sau khi ông viết nhiều bài báo châm biếm và đả kích Mặt trận thậm tệ. Tuy cục Điều tra Liên bang FBI và cảnh sát địa phương điều tra mà không tìm ra manh mối, nhà biên khảo nổi tiếng Cung Thái Giao viết ba bài bình luận đăng trên *Văn nghệ Tạp sự* quy kết Mặt trận là thủ phạm. Ông còn viết hồi ký vạch rõ nội bộ lam nam của Mặt trận, cuốn hồi ký được nhà Văn hiến ở Houston, Texas do Vũ Ngọc Chinh làm chủ xuất bản.

Bị chạm nọc, ba tay khoa bảng cầm đầu Mặt trận bèn thuê luật sư kiện Giao, chủ báo *Văn nghệ Tạp sự*, và Chinh về hành vi phỉ báng mạ lỵ và đòi bồi thường \$550,000. Ba tay đầu não đó sẵn tiền quyền góp của đồng bào, tha hồ vùng phí để dẫn mặt bọn nhà văn nhà báo nghèo, và ngu xuẩn tin rằng sẽ thắng kiện trong môi trường tự do ngôn luận và tự do báo chí của Hoa kỳ. Kết quả là bồi thẩm đoàn tuyên phán bên bị thắng, ba anh *sếp sòng* bị một phen nhục nhã vì chuyện tai tiếng của Mặt trận bị phơi bày trước dư luận.

Kể đến đây, chú Duy cười hãnh diện,

“Tao dự phiên tòa để ủng hộ thằng Chinh bạn cùng khóa 16 trường Bộ binh Thủ Đức với tao. Tội tao cùng đại đội từ lúc nhập học cuối tháng Sáu năm 1963 đến lúc ra trường tháng Sáu năm 1964, kể cả ba tháng học bổ túc kế hoạch Phát triển Bình định Nông thôn. Ra trường, tao đi Bộ binh, về Tiểu khu Phú Yên, và rồi làm việc dưới quyền ‘ông già’; nó đi Pháo binh trú đóng ở miền Tây và năm 1975 mang lon đại úy làm pháo đội trưởng.”

“Thì ra bạn chú là nhà văn Vũ Nguyên, tác giả của hơn 20 tác phẩm trước năm 1975 đã được sinh viên tội cháu nồng nhiệt đón đọc,” tôi reo lên.

“Ông viết về đề tài gì anh?” Quỳnh Châu vỗ tay tôi.

“Nhân vật chính trong truyện Vũ Nguyên đều là quân nhân, nhưng ông không thực sự viết về đời lính chiến mà mô tả tình cảnh người lính phải ngụp lặn trong xã hội nhiều nhượng của cuộc chiến tàn bạo. Anh còn nhớ ông sính dùng thành ngữ ‘ngáp không che miệng’ để diễn tả sự chán chường hay bất cần đời, hầu như trong cuốn nào ông cũng dùng vài ba lần.”

* * *

Vũ Ngọc Chinh sinh năm 1942 ở Hải Dương và năm 1954 theo gia đình di cư vào Nam, ban đầu sống ở Đà Nẵng và sau vào Sài Gòn. Năm 1963, trong khi học Đại học Văn khoa, ông bị động

viên vào trường Bộ binh Thủ Đức, trở thành sĩ quan Pháo binh, và bắt đầu sự nghiệp văn chương bằng ký sự chiến trường *Đời Lính Pháo binh* xuất bản năm 1967.

Tháng Tư năm 1975, Chinh di tản sang Hoa kỳ; định cư ở Eau Claire, Wisconsin; ghi danh học Đại học Wisconsin-Eau Claire; và chỉ hơn hai năm sau, tháng Chạp năm 1977, đậu bằng Cao học Sử học. Sau đó, dọn tới Madison thủ phủ tiểu bang ghi danh học tiến sĩ ở Đại học Wisconsin-Madison và được cấp học bổng Fulbright sang Pháp thu thập tài liệu và nghiên cứu lịch sử Việt nam cận đại. Sau gần bảy năm miệt mài, tháng Mười năm 1984, ông đậu bằng Tiến sĩ Sử Thế giới Đối chiếu với luận án “Political and Social Change in Viet-Nam Between 1940 and 1946 (Thay đổi Chính trị và Xã hội tại Việt nam Giữa Năm 1940 và Năm 1946)” chú trọng đặc biệt vào “những việc làm và tầm quan trọng của chính phủ Trần Trọng Kim.”

Chinh ở lại Đại học Wisconsin-Madison dạy với tư cách trợ giáo, nghiên cứu hậu-tiến sĩ, và được cấp học bổng Fulbright trở lại Pháp nghiên cứu lần thứ hai. Nhờ hai chuyến đi Pháp, ông tìm thấy và đưa ra một số tài liệu chưa từng được công bố như: hai lá thư viết tay của Hồ Chí Minh ký tên Nguyễn Tất Thành đề ngày 15/9/1911 viết từ Marseille gửi cho tổng thống Pháp và bộ trưởng bộ Thuộc địa xin vào học École coloniale (trường Thuộc địa) ở Paris mà không được chấp thuận; giấy giá thú của ông Hồ và cô Nguyễn thị Minh Khai thành hôn ở Mạc Tư Khoa; và thư đề ngày 14/9/1958 của thủ tướng VC Phạm Văn Đồng gửi thủ tướng Trung Cộng Chu Ân Lai công nhận biên giới quốc gia do Trung Cộng vẽ, với những dấu chấm (chỉ hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa) ở vùng biển phía Nam.

Cuối thập niên 1980, Chinh dọn về Houston, Texas, mở nhà xuất bản Văn hiến, làm báo, sáng tác văn chương, và viết bài đăng báo về lịch sử Việt nam thời đại cận kim. Nhiều bài “nghiên cứu lịch sử” của ông bị đồng bào hải ngoại chống đối. Thí dụ, năm 1996 ông viết về một bức thư bằng tiếng Pháp của một người nào đó ký tên Petrus Key cầu khẩn quân Pháp đến “giải cứu cho những người An nam theo đạo Thiên chúa ở Nam kỳ,” cho rằng tác giả bức thư là Petrus Ký (Trương Vĩnh Ký), và kết tội nhà học giả làm tay sai cho Pháp. Một số nhà nghiên cứu đã ra công chứng minh “khám phá” này sai lầm, nhưng – như trong mọi cuộc tranh cãi trên báo – ông khư khư giữ quan điểm của mình. Không thêm chấp nhận ý kiến của đối phương vì cho rằng, với bằng Tiến sĩ Sử học, ông là người duy nhất xứng đáng được gọi là sử gia ở hải ngoại.

Giữa thập niên 1990, Chinh theo học trường Luật Đại học Houston và năm 1999, tốt nghiệp *Juris Doctor* (bằng Luật sư). *Juris Doctor* gốc La tinh nghĩa là “tiến sĩ luật,” nhưng thực ra chỉ là bằng chuyên nghiệp cấp cho sinh viên đã hoàn tất ba năm học trường luật để ra hành nghề luật sư. Khác hẳn với bằng Tiến sĩ Luật khoa – PhD in Juridical Science – để làm việc trong lãnh vực nghiên cứu đòi hỏi thời gian học dài lâu hơn. Tinh thần hiếu học của nhà sử gia thật đáng phục, nếu ông không đánh rơi lòng ngay thực của nhà trí thức, thổi phồng “*Juris Doctor*” thành “Tiến sĩ Luật khoa,” và chai mặt tự phong cái danh hiệu “Lưỡng Khoa Tiến sĩ” hão.

* * *

Mùa thu 2005, tôi theo Quỳnh Châu đi Boston, Massachusetts dự một khóa hội thảo giáo dục tại Đại học Massachusetts tại Boston, một cơ sở giáo dục thiên tả và thân Cộng thường được

gọi là UMass Boston. Nàng gặp lại người bạn thân cũ là Công đang làm nhân viên nghiên cứu cho Trung tâm William Joiner (“TTWJ”), cái mũ mới của ban Chính trị học UMass Boston. TTWJ được đồng bào hải ngoại biết đến qua vụ kiện Nguyễn Hải Lượng cuối năm 2002; ông là cựu sĩ quan Việt nam Cộng hòa và sinh viên cao học tại UMass Boston.

TTWJ nhận tài trợ của Quỹ Rockefeller ở New York để thiết lập học bổng nghiên cứu *diaspora* (cộng đồng lưu tán) người Việt tỵ nạn tại Hoa kỳ. Điều nực cười là trong số bốn học giả được TTWJ chọn cấp học bổng, đã không có một người tỵ nạn nào mà lại có mặt hai học giả Hà nội từng được chính phủ VC trọng dụng. Lượng không thể im hơi lặng tiếng bèn đứng ra vận động cộng đồng phản đối nhưng vô hiệu. Ông hô hào người tỵ nạn khắp thế giới đóng góp để thuê luật sư đệ đơn kiện TTWJ kỳ thị tuổi tác và “nguồn gốc quốc gia,” nói nguồn gốc quốc gia mình là Nam Việt nam. Ra tòa, vụ kiện bị quan tòa bác bỏ vì một chi tiết luật pháp căn bản: Lượng không nộp đơn xin học bổng nên không có “tư cách kiện.”

Công tiện dịp mời chúng tôi dự buổi tường trình kết quả nghiên cứu “ngành học *diaspora*” của những học giả được TTWJ cấp học bổng năm vừa qua. Bốn dự án được trình bày nhưng có năm diễn giả, vì một dự án do hai người đảm nhận. Bốn diễn giả từ Việt nam qua, duy có một người ở Hoa kỳ là Chinh. Sau lần bị kiện, TTWJ không bị sút mẻ nhưng muốn tránh mang tiếng kỳ thị có ảnh hưởng đến các nguồn tài trợ từ ngoài đại học, bèn *thí cô hồn* một học bổng cho nhà sử gia, xem như đại diện dân tỵ nạn. Khách tham dự gồm có tôi, Quỳnh Châu, và vợ của Chinh. Phía TTWJ gồm có Công và ba giáo sư ban Chính trị học UMass Boston.

Tôi chắc mẫm thế nào đám VC và thân Cộng cũng sẽ *lé mắt* với tài học và kiến thức uyên bác của Chinh. Nhưng không, phần trình bày của ông chỉ mất có ba phút. Ông thảo nhiên cho biết dự án đòi hỏi phải về Sài gòn vào Thư viện Quốc gia tham khảo tài liệu, nhưng khi ông về đó, chính phủ VC không cho ông vào. Thế là hết. Làm như TTWJ dâng tiền cho vợ chồng ông đi Sài gòn chơi một chuyến.

Nhìn những cặp mắt khinh thị của bọn TTWJ và vẻ mặt nhâng nhâng của Chinh, tôi xấu hổ muốn *độn thổ*. Hiển nhiên da mặt của ông dày hơn của tôi nhiều.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 24 tháng Bảy, 2024

Không Phải Chỉ Gặp May

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Phiên họp ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn hằng năm của tôi kết thúc vào ngày thứ Sáu. Sau khi ăn sáng, tôi trả phòng khách sạn và kéo chiếc va-li nhỏ vào phòng họp vì cuối ngày họp xong sẽ được Tảo đến đón về nhà Tảo ở chơi cuối tuần. Bạn tôi ở Vienna, Virginia thuộc vùng ngoại ô Hoa Thịnh Đốn. Tảo người Quảng Nam, nhưng không *hay cãi* mà nổi tiếng hiền lành đến gần như nhút nhát, học cùng lớp kỹ sư điện với tôi hơn ba chục năm trước. Lớp chỉ có 25 sinh viên nên ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau.

Sau khi tốt nghiệp, Tảo làm việc cho công ty Điện lực Việt nam và cưới cô bạn người Huế Thảo Trang là giáo sư trung học đệ nhị cấp. Sau tháng Tư năm 1975, vợ chồng Tảo được “lưu dụng” làm việc tại “cơ quan” cũ, nhưng đời sống vật chất lẫn tinh thần đều bi đát. Đầu thập niên 1980, Tảo cùng gia đình bên vợ vượt biên sang định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn, hai vợ chồng trở lại đại học, và khi ra trường, Thảo Trang làm thảo chương viên cho một công ty dịch vụ nhỏ, Tảo làm kỹ sư điện toán cho một hãng thầu quốc phòng lớn. Tảo cười hề hề nói về việc làm của mình,

“*Tui* làm việc cho công ty TRW *ni* gần tám năm rồi. Công ty lớn, công việc hợp với khả năng, nếu nó không *lay off* [sa thải, cho thôi việc] thì *tui* làm cho tới ngày về hưu. Chớ *chừ* tuổi đời mình gần năm bó, còn bon chen *chì* nữa.”

“Công ty đó tên là gì?” tôi thắc mắc về cái tên tắt “TRW.”

“Trước đây, công ty mang tên ‘Thompson Ramo Wooldridge’ vì là một tổ hợp do sự sáp nhập của vài công ty khác nhau. Nhưng rồi thấy cái tên dài lòng thòng bất tiện, họ dùng luôn tên tắt ‘TRW’ trong các giao dịch chính thức. TRW có gần 125 ngàn nhân viên, đứng hạng thứ 57 trên thế giới, và gồm nhiều kỹ nghệ khác nhau như không gian, điện tử, xe hơi, và viễn thông,” rồi như chợt nhớ ra, Tảo nhắc tôi, “À, *Ba Hoa* nè, ngày mai thứ Bảy tại mình đi chơi loanh quanh khu thương xá Eden ở Falls Church rồi tối dự tiệc gây quỹ giúp thương phế binh Việt nam Cộng hòa bên nhà *nghe*.”

Tối thứ Bảy, Tảo đưa tôi, Thảo Trang, và em nàng là Thảo Trinh đi dự buổi tiệc gây quỹ với chương trình văn nghệ “Nhớ Về Anh” đặc biệt do ca sĩ Hồng Uyên, chị em Thảo Trang, và một số ca sĩ tài tử địa phương khác tình nguyện trình diễn không lấy thù lao. Ngày Sài gòn, Hồng Uyên hát hay nổi tiếng, hay hát trên đài phát thanh và đài truyền hình, và mỗi khi chấm dứt bài hát, chào khán giả bằng nụ cười e lệ cổ hữu. Chị lớn hơn tôi một hay hai tuổi, học văn khoa vào thời tôi học trường kỹ sư, và đậu bằng Cử nhân Văn chương.

Tôi xúc động xót xa khi nghe Thảo Trang hát bài “Kỷ Vật Cho Em” do Phạm Duy (1921-2013) phổ nhạc từ thơ Linh Phương (1949 -),

*Em hỏi anh, em hỏi anh, bao giờ trở lại?
Xin trả lời, xin trả lời, mai mốt anh về
Anh trở lại, có thể bằng chiến thắng Pleime
Hay Đức Cơ, Đồng Xoài, Bình Giả*

...

*Anh trở về, anh trở về trên đôi nạng gỗ
Anh trở về, bại tướng cụt chân . . .*

Giữa tràng pháo tay vang dội, tôi quay sang Tảo hỏi nhỏ,

“Hồi đó tôi đọc báo nhưng không để ý nhớ Bình Giã nằm ở tỉnh nào; Tảo biết nó ở đâu không?”

“*Ba Hoa* hỏi trật người rồi. Anh bạn quê Bình Giã của *tui* đây nè,” Tảo chỉ vào Duy ngồi cùng bàn, trước đó được Tảo giới thiệu là bạn đồng nghiệp ở công ty TRW.

Duy dong dỏng cao và có vẻ dãi dầu vì da sạm nắng, nhưng nét mặt hiền lành, và dường như nhỏ hơn tôi bảy, tám tuổi. Với giọng nói vùng Nghệ An nặng trịch, nặng hơn cả giọng Quảng Bình quê tôi, anh từ tốn giải thích,

“Năm 1954 gia đình *tui* cùng các gia đình Công giáo thuộc địa phận Vinh [tỉnh Nghệ An] di cư vô Nam rồi được chính phủ đưa tới định cư ở Bình Giã là vùng đất đỏ phì nhiêu rất thuận lợi cho việc ruộng rẫy. Cách Sài Gòn khoảng 70 cây số về phía đông theo đường chim bay, làng Bình Giã thuộc quận Đức Thạnh tỉnh Phước Tuy là nơi quân đội Việt nam Cộng hòa giao tranh kịch liệt với Việt Cộng trong bốn ngày cuối cùng năm 1964. Và hai bên đều bị thiệt hại nặng nề.”

“‘Ông’ qua đây hồi nào, học ở đâu và ngành gì?” tôi thừa dịp hỏi về đời tư của Duy.

“Năm 1983, *tui* vượt biên qua trại tỵ nạn Galang ở Nam Dương mà *nỏ* [chẳng] có ‘diện’ *chi* để đi Mỹ cả, dân tỵ nạn gọi là ‘diện hốt rác.’ Nhưng *tui* gặp may, quen với nhân viên Cao ủy Tỵ nạn [Liên hiệp quốc] và phái đoàn các nước, và được họ nhờ dạy Việt ngữ mỗi tuần ba tối. Nhờ đó *tui* gặp một nhân viên phái đoàn Mỹ là cựu quân nhân từng phục vụ tại Việt nam, có vợ Việt, và nói tiếng Việt rất sành sỏi. Ông nhận ra giọng Nghệ An của *tui* và khi biết *tui* quê ở Bình Giã, chấp thuận cho *tui* đi Mỹ theo ‘diện nhân đạo.’ Bạn ông là một người lính Mỹ đã tử trận ở Bình Giã, xác được dân làng gánh về, và chính ông được phái đi theo trực thăng tới Bình Giã lấy xác bạn.”

* * *

Duy là con đầu lòng trong một gia đình nghèo ngoan đạo, cha là nông dân ít học làm việc cực khổ, nhưng luôn luôn mong mỏi các con học hành đỗ đạt. Ngày còn bé, vì phải giúp cha trong việc đồng áng và một phần vì ham chơi nên Duy lớn tuổi hơn các bạn cùng lớp đến hai năm. Năm anh học lớp nhất (lớp 5), cha anh nộp đơn cho anh thi vào tiểu chủng viện Thánh Phao-lô thuộc địa phận Xuân Lộc, dùng giấy khai sinh của em gái anh tên Bạch kém anh hai tuổi để sau này anh khỏi đến tuổi động viên sớm. Vì vậy anh nổi tiếng khắp chủng viện: Tên “Bạch” là trắng mà nước da lại đen thui đen thui như người Thượng.

Sau tháng Tư năm 1975, Việt Cộng chiếm miền Nam và đóng cửa chủng viện nên Duy vừa làm ruộng vừa “tu chui,” tương lai không biết về đâu. Cuối năm 1979, anh ra khỏi chủng viện và sống lang thang không có “hộ khẩu,” dạy tiếng Anh “chui,” và tìm đường vượt biên. Năm 1983, anh vượt biên thành công sang Galang. Đến trại tỵ nạn, anh lấy lại tên Duy và lột bỏ cái vỏ tu sĩ mang tên cô em gái mà anh đã ẩn mình trong mười mấy năm dài.

Khi làm lý lịch để xin nhập cư Hoa kỳ, anh khai đại “giỏi nghề nông” và từng “trông coi máy cày” ở Bình Giả và vì vậy được một gia đình Mỹ bảo trợ tới làm việc tại một nông trại cách xa thành phố Pittsburgh, Pennsylvania gần hai tiếng đồng hồ. Dù anh thú thực chỉ là tay ngang không có nghề nghiệp chuyên môn, người bảo trợ vẫn thương yêu anh như con, săn sóc tận tình, cho ăn ở miễn phí, và trả lương \$20 một ngày để làm việc vất trong nông trại. Trong lòng luôn luôn ghi nhớ ước muốn của cha, anh ra sức liên lạc với gia đình và bạn bè để tìm cách dời về vùng Hoa Thịnh Đốn để đi học. Nhất định đi Hoa Thịnh Đốn vì anh ngậy ngô định ninh chỉ ở thủ đô mới có trường đại học. Trước lễ Tạ ơn năm 1984, anh chia tay với gia đình bảo trợ lên xe buýt tới hội nhập vào cộng đồng Việt nam ở Falls Church.

Mùa xuân 1985, anh ghi danh học trường Đại học Cộng đồng Bắc Virginia ở Annandale, Virginia, chọn ngành điện toán, và tranh đấu để được phép lấy số tín chỉ tối đa để học cho nhanh với lý do anh đã lớn tuổi. Anh hội đủ điều kiện và nộp đơn xin tất cả mọi học bổng và trợ giúp tài chánh của chính phủ và của đại học nên khá ổn định về tài chánh. Anh vay tiền *student loan* nhưng để dành không dùng, sống tằn tiện và kham khổ, và ban ngày đi học, ban đêm đi làm. Nhờ đó, anh có tiền gửi về đều đặn giúp gia đình ở Bình Giả. Sau hai năm, anh chuyển sang American University ở Hoa Thịnh Đốn để hoàn tất chương trình kỹ sư.

Trong thời gian học đại học cộng đồng, Duy làm việc cho một hãng do người Việt làm chủ, thầu công tác ban đêm dọn dẹp và lau chùi cao ốc ban ngày là nơi làm việc của công ty khác. Anh quét dọn trụ sở công ty Booz, Allen & Hamilton (BAH) ở McLean, Virginia, một hãng thầu quốc phòng chuyên về tình báo. Tối tối làm việc, anh gặp và nói chuyện với một nhân viên BAH tên Sean, ông thường làm việc khuya ở văn phòng.

Tốt nghiệp kỹ sư điện toán, Duy được công ty TRM nhận và làm việc chung với Tảo bạn tôi. Duy học lớp đêm lấy bằng Cao học Quản trị Xí nghiệp (MBA) và nhờ đó được thăng lên trưởng toán kỹ thuật. Mùa hè 1994, TRW, BAH, và bảy công ty khác trúng thầu của bộ Năng lượng để thực hiện việc nghiên cứu và thiết lập kho chứa nhiên liệu phóng xạ phế thải trong lòng núi Yucca ở tiểu bang Nevada cách Las Vegas khoảng 100 dặm về hướng tây bắc. Kho chứa sẽ lưu trữ những thanh nhiên liệu đã được dùng tận và còn chứa chất phóng xạ do các cơ sở nguyên tử (nhà máy phát điện nguyên tử chẳng hạn) thải ra.

Để khai trương dự án Yucca, bộ Năng lượng triệu tập một cuộc họp khoáng đại gồm đại diện của chín hãng thầu, đại biểu dân cử của tiểu bang Nevada, và báo chí tại hội trường công ty BAH dưới sự điều hợp của Jennifer, phát ngôn viên của bộ. Toán TRW của Duy có nhiệm vụ thiết lập hệ thống truyền tin kết nối kho chứa với văn phòng bộ Năng lượng ở Hoa Thịnh Đốn và trụ sở của chín công ty rải rác khắp Hoa kỳ nên anh được chỉ định trình bày về hệ thống đó trong buổi họp.

Mặc dù có bằng MBA với chương trình học thường xuyên sửa soạn cho sinh viên trình bày minh bạch đề tài chuyên môn trước một nhóm người, Duy đâm ra nhát nhúa và gặp ông *sếp* năn nỉ xin đối người khác. Lấy lý do anh là người tỵ nạn nói tiếng Anh chưa rành và nhất là hội trường BAH là nơi anh từng làm lao công tám năm trước. Ông *sếp* nói hai điểm nêu ra chính là lý do anh cần đứng ra thuyết trình và không bỏ qua cơ hội phát triển nghề nghiệp. Ông khuyên anh

chuẩn bị bài nói chuyện kỹ lưỡng và cả quyết việc làm khiêm nhường trước của anh biểu dương tinh thần tự lập của người Mỹ, không phải là điều đáng xấu hổ, “Ở Hoa kỳ, không có nghề nào xấu, chỉ có người xấu.”

Sáng hôm ấy, Duy đến hội trường BAH thật sớm và cùng với bốn thuyết trình viên khác ra văn phòng sau hội trường để họp bàn với Jennifer về chương trình buổi họp. Anh gặp Sean, bây giờ là phó tổng giám đốc của BAH, đang đứng nói chuyện với Jennifer. Sau khi bắt tay giới thiệu, Sean hỏi Duy,

“Tôi thấy anh quen lắm, hình như chúng mình gặp nhau ở đâu rồi?”

“Tám năm trước, tôi vẫn tới dọn dẹp văn phòng ông hằng đêm,” anh mạnh dạn trả lời.

“A, tôi nhớ ra rồi! Anh sinh viên trẻ vừa đi học vừa đi làm buổi tối,” ông vỗ vai anh.

“Thật tuyệt vời! Andrew, nếu anh không ngại, tôi sẽ dùng chi tiết này trong lời giới thiệu anh với cử tọa. Sean nghĩ sao?” Jennifer niềm nở đề nghị; “Andrew” là tên Mỹ của Duy.

“Nên lắm, Jennifer. Không những thế, Andrew là ‘thuyền nhân’ vượt bao nhiêu khó khăn mới tới được bến bờ tự do ở Hoa kỳ. Rất đáng khen!” Sean gật gù tán đồng.

Duy là diễn giả sau cùng. Sau khi Jennifer giới thiệu anh với hai chi tiết đặc biệt, anh mở đầu với lời xin lỗi là “người Việt nam nói tiếng Anh chưa rành.” Bài thuyết trình hoàn tất suôn sẻ, và khi dứt lời, anh choáng ngợp trong tràng pháo tay của cử tọa. Cuộc họp kết thúc, những người tham dự tụ tập ngoài hành lang, trò chuyện làm quen, và trao đổi danh thiếp. Riêng Duy, anh được nhiều người xúm lại hỏi han chi tiết kỹ thuật liên quan đến hệ thống anh phụ trách, chuyện vượt biên, và thời hạn vi ngày đi học tối làm lao công. Giữa tiếng ồn ào của đám đông, anh nghe giọng một người đàn bà nói tiếng Việt,

“Anh Khang nè, mình chờ gặp anh Andrew để làm quen rồi mời *anh* qua bên [thương xá] Eden ăn trưa với mình cho vui *nghen*.”

“Thằng *chả* gặp may chớ có hay ho gì hơn ai! Nếu Thu thích thì ở lại chờ, anh đi ăn một mình,” câu trả lời của người đàn ông mang đầy tính . . . Việt nam: Gìm người khác xuống để nâng mình lên.

“Anh kỳ quá *hà*! Đợi chốc xiu để gặp người Việt đồng hương mà cũng hờn mát,” tiếng người đàn bà đi xa dần.

Đúng là Duy gặp may! Cái may mắn của anh là kết quả của những năm tháng càn cù nhẫn nại và quyết tâm vượt qua những khó khăn của cuộc đời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 14 tháng Tám, 2024

Không Ai Động Đến Được

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Khác với mọi khi, tối thứ Bảy mà nhà trống vắng chỉ có một mình tôi và Quỳnh Châu. Hai con – Ân lên bảy và Diễm Lệ lên sáu – đến nhà bạn dự tiệc sinh nhật rồi ngủ qua đêm, còn Mạc con đầu lòng thì đi học đại học ở Cambridge, Massachusetts. Thực ra, sinh nhật là của cô bé bạn học Diễm Lệ, nhưng vì anh cô bé học cùng với Ân và mẹ cô bé là bạn Quỳnh Châu, bà mẹ nhân thể mời luôn cả hai anh em để vợ chồng tôi có được một đêm tự do, không bận bịu con cái. Tôi nghi Quỳnh Châu và bà bạn đã to nhỏ với nhau để dàn xếp chuyện này vì trong cuộc sống bận rộn đầu tắt mặt tối ở xứ này, vợ chồng ít khi có thì giờ riêng tư dành cho nhau.

Không có bé út Diễm Lệ kén ăn và khó tính khó nết nhất nhà, chúng tôi chọn nơi ăn tối khá dễ dàng: *steak house* (tiệm ăn mà món đặc biệt là thịt bít-tết) Quỳnh Châu ưng ý nhất. Ăn tối dưới đèn mờ và trong ánh nến lung linh, vẽ vời những ước mơ tương lai cho các con, và nhắc lại kỷ niệm của những ngày tháng yêu nhau xa xưa – điều không mấy khi chúng tôi dám nói lộ liễu trước mặt con cái.

Ăn xong, chúng tôi đi xem xi-nê. Tôi thích xem phim hành động, và Quỳnh Châu thiên về phim tình cảm nhẹ nhàng, nhưng nàng đã đọc báo và chọn xem phim *Desperado* (Tay bạt mạng) do hai tài tử Antonio Banderas người Tây Ban Nha và Salma Hayek người Mỹ gốc Mê Tây Cơ đóng vai chính. Phim hành động, trong đó lồng vào mối tình say đắm của hai nhân vật chính. Chúng tôi. . . *ra về thơ thới hân hoan* (mượn lời của các rạp chiếu bóng Sài Gòn xưa).

Ra khỏi rạp chiếu bóng thấy còn sớm, chúng tôi rủ nhau đi ăn bánh ngọt ở *café* (quán ăn bình dân) mở cửa suốt đêm gần đó. Mỗi người chúng tôi gọi một miếng bánh pho-mát nướng (cheesecake) ăn với dâu tây, Quỳnh Châu uống sữa sô-cô-la nóng, và tôi uống cà-phê. Khách đi ăn khuya rì rầm trò chuyện, và Quỳnh Châu nhắc tôi chương trình ngoài giờ học tuần tới của con: Hai đứa đi học bơi, Diễm Lệ tập thể dục thẩm mỹ, Ân học đàn vĩ cầm và buổi chiều sau giờ học ở lại trường tập chạy đua, v.v. Đột nhiên, nàng dừng lại và nhìn thẳng vào mắt tôi,

“Chồng ơi, hai ba tuần nay em thấy anh lo âu và trăn trở cả đêm. Em cảm lòng không đậu; phải chi anh chia cho em một nửa để *đồng vợ đồng chồng* cùng nhau lo lắng.”

“Số là bạn anh trong mấy tiểu bang quanh đây dự định hùn vốn mở công ty cố vấn về điện toán và kế hoạch điện lực. Họ mướn tài anh, mời anh tham dự, và đồng ý cho anh không phải bỏ vốn mà cũng có phần đồng đều như những người kia,” tôi giải thích.

“Em biết Việt nam mình có câu ‘*phi thương bất phú*,’ không mua bán thì không giàu, trong lúc ở Mỹ nếu không làm chủ mà đi làm công ba cọc ba đồng hoài thì suốt đời chỉ làng nhàng, khó mà giàu được,” nàng nôn nóng góp ý.

“Anh day trở giữa cái bệnh thích *ăn chắc mặc bền, ăn ít no lâu*, của ‘người An nam ta’ và tinh thần ‘có gan làm giàu,’ chấp nhận thương đau nếu thất bại, của người Mỹ. Nhưng anh đã quyết định không dự phần vì hoàn cảnh gia đình mình không cho phép anh mạo hiểm. Lý do là công ty mới mở, sáu tháng đến một năm sau mới có lợi tức; trong thời gian đó anh sẽ làm việc

không có lương. Ngoài ra, theo thống kê thì có đến 80 phần trăm các công ty mới mở sẽ thất bại trong hai năm đầu tiên; nếu gặp xui xẻo công ty sập tiệm, gia đình mình làm sao sống?”

Trước sự ngạc nhiên của tôi, Quỳnh Châu thở phào nhẹ nhõm và reo nhẹ,

“Hú hồn, vậy mà em tưởng chồng lo mất việc ở MDU.” “MDU” là tên gọi tắt của Công ty Tiện ích Montana-Dakota của tôi.

“*Té ra* vì vậy mà em phải ra công đàn trận cho vụ ‘hẹn hò’ hôm nay để hỏi cho ra lẽ,” tôi cười khà khà khiến khách các bàn chung quanh quay lại nhìn.

“Chồng nhớ bà Jane trong họ đạo nhà thờ Ba Ngôi Lutheran dạy chung với em trên trường đại học cộng đồng không? Chồng *bả* có người em làm lớn trong MDU; ông đó nói anh xuýt tí nữa bị ông Bruce tổng giám đốc đuổi. Đúng *dzậy* không?” Nhà thờ Ba ngôi Lutheran năm 1975 đã bảo trợ gia đình tôi.

“Lời đồn đại thường có *ít xít ra nhiều*; để anh kể sự tình cho em nghe.”

Chuyện Quỳnh Châu nghe nói xảy ra tuần trước trong buổi họp do Bruce chủ tọa. Anh sinh cùng năm với tôi, tốt nghiệp kỹ sư cơ khí cùng năm tôi tốt nghiệp kỹ sư điện, và sau khi tốt nghiệp, làm việc cho nhà Sản xuất Điện MDU là nhà điều hành các nhà máy phát điện. Sau đó, anh lần lượt được thăng lên chức trưởng nhà máy điện, giám đốc nhà Sản xuất Điện, phó tổng giám đốc, và cuối cùng tổng giám đốc.

Tôi dự buổi họp cấp giám đốc cao cấp với tư cách người đứng đầu nhóm hoạch định hệ thống phát điện tương lai. Buổi họp bàn về dự án xây thêm một nhà máy phát điện chạy bằng than non (lignite) lớn trị giá gần một tỉ đô la. Dự án được Bruce đề nghị do áp lực của thống đốc tiểu bang North Dakota, bạn thân của anh. Ông thống đốc muốn MDU xây nhà máy để giúp phát triển kỹ nghệ than non của tiểu bang nhà; đó là một trong những điều ông hứa hẹn với cử tri khi ra tranh cử chức vụ thống đốc năm trước. Nhưng theo sự tính toán kỹ càng của tôi, nhà máy không thực hiện được về phương diện kinh tế (economically infeasible) và sẽ rất khó lòng được các ủy ban tiện ích tiểu bang chấp thuận, cấp giấy phép, và cho phép tính tiền khách hàng; MDU phục vụ khách hàng trong bốn tiểu bang.

Giống như mọi công ty tư khác ở Hoa Kỳ, MDU là *at-will employer* (“chủ nhân mặc ý”) có quyền sa thải hay đuổi nhân viên mà không cần lý do. (Tuy nhiên, nếu *cho đi* vì một lý do nào đó thì lý do ấy phải hợp pháp và chính đáng.) Vì vậy, nói hay làm ngược ý *sếp lớn* là điều tối kỵ, mất việc như chơi. Sau khi Bruce trình bày những “điểm lợi” của nhà máy mới, không khí buổi họp căng thẳng, không ai dám phát biểu điều gì, và giám đốc *sếp* của tôi là Gerri và ông phó tổng giám đốc *sếp* của anh nhìn nhau lo lắng.

Nhưng anh kỹ sư *điếc không sợ súng* không thể ngậm miệng, tôi lên tiếng, lần lượt bác bỏ những điểm Bruce nêu lên, và thấy mặt anh dần dần đỏ bừng vì giận. Khi tôi dứt lời, anh mím môi cố dần lòng đến nỗi các đường gân máu nổi hằn trên cổ. Mọi người nín thở chờ đợi điều sẽ xảy ra: Anh sẽ đứng dậy, bước tới cửa phòng, và một tay mở cửa và tay kia ra hiệu cho tôi đi ra. *Show the door* (“chỉ cánh cửa”) là lối đuối khéo của các tay chủ hăng, không cần nói thêm lời nào. Nhưng không. Anh đứng dậy bước tới cuối phòng, rót thêm cà-phê vào chiếc *mug* (cốc vại), trở về chỗ ngồi ở đầu bàn, và lấy lại bình tĩnh,

“Giờ chúng ta bàn tiết mục kế tiếp [của chương trình nghị sự]!”

Nghe xong chuyện, Quỳnh Châu cuống quýt đánh nhẹ vào tay tôi, giọng hờn giận,

“Ông *dông* này thiệt quá quắt! Vậy mà không thèm mở miệng nói với *mụ* vợ dễ thương này một tiếng.”

“Anh biết chắc 100 phần trăm Bruce sẽ không đuổi anh. Đường đường là tổng giám đốc dưới tay gần hai ngàn nhân viên, hắn ta không thể đuổi anh trước mặt bá quan văn võ chỉ vì anh phân tích phải trái lợi hại cho công ty, dù trái ngược với ý hắn. Hơn nữa với đồng lương MDU trả cho anh, hắn ta biết sẽ không bao giờ thuê được tên kỹ sư nào giỏi và làm việc tận tụy bằng anh.”

“Em biết chồng giỏi số một rồi! *Xưa nay em vẫn chịu ngài*. Nhưng em chồng bà Jane nói ông Bruce không đuổi anh vì nể mặt ông Martin là sao? nàg chưa an tâm.

“Bruce là kỹ sư, làm việc rất *réc-lô*. Nếu hắn ta muốn đuổi anh thì mười ông Martin cũng không làm được gì,” tôi cười nhẹ; “*réc-lô*” do tiếng Pháp “*réglé*” là theo đúng quy tắc.

Martin là chủ tịch tổng giám đốc hay CEO (chief executive officer) của công ty mẹ của MDU – MDU Resources Group (MDUR) – và là *sếp* của Bruce. Có một thời, MDUR gồm 66 công ty nhánh lớn nhỏ với gần 30 ngàn nhân viên hoạt động ở cả 50 tiểu bang Hoa kỳ. Tuổi trên ngũ tuần, ông vốn là nhà toán học và ngoài giờ làm việc ở văn phòng, là giáo sư thỉnh giảng dạy toán giải tích cho lớp đêm của trường đại học cộng đồng thành phố; lớp này sửa soạn sinh viên tiếp tục theo học chương trình kỹ sư ở các đại học lớn. Tôi cũng là giáo sư thỉnh giảng tại cùng trường đại học và dạy giải tích mạch điện cho cùng lớp đó. Vì hai môn liên hệ mật thiết với nhau, thỉnh thoảng tôi nói chuyện với ông để phối hợp chương trình giảng dạy. Ông mền tài giải toán của tôi và mỗi khi tìm được cuốn sách toán thú vị, gửi tặng tôi qua hệ thống thư tín nội bộ công ty. Nhân viên thấy vậy bèn kháo nhau tôi là bạn của *sếp lớn*.

* * *

Nhà đầu tư mua cổ phần của một công ty luôn luôn mong muốn công ty đó bành trướng nhanh để giá cổ phần là trị giá vốn đầu tư tăng nhanh; nếu không sẽ đổi sang cổ phần công ty khác. Do đó, để thu hút vốn đầu tư, mọi công ty đều phải cố gắng tăng tiến. Nếu thị trường hoạt động đã bảo hòa hay gia tăng chậm, như trường hợp công ty tiện ích MDU bán điện và hơi đốt, công ty mẹ “phát triển” bằng cách mua thêm hãng mới để sáp nhập vào *empire* (nghĩa thông thường là “đế quốc,” nhưng trong ngôn ngữ kinh doanh chỉ tập đoàn gồm công ty mẹ và những công ty nhánh) của mình.

MDUR định mua Cơ quan Điện lực Bắc California (NCPA), một hãng nhỏ làm chủ đường dây dẫn điện 115 kV (kilovolt, tức là 1,000 volt) chừng 100 dặm Anh chạy trong vùng núi phía bắc California và tải điện “thuê” cho các công ty điện lực. Ở bước đầu, MDUR cử vài chuyên gia tài chánh và luật pháp đến trụ sở NCPA xem xét sổ sách và phương cách hoạt động, và khảo sát sơ khởi này cho thấy dấu hiệu lạc quan.

Martin cho thành lập ủy ban lâm thời gồm 12 giám đốc chuyên môn, mỗi người xem xét một khía cạnh để xác định tính thực hiện được (feasibility) của dự án “phát triển” này. Thông

thường nếu liên quan đến hệ thống điện, Gerri *sếp* tôi sẽ tham dự, nhưng lần này anh nghĩ bệnh ba tháng nên tôi bị cử ngồi vào ủy ban thay cho anh. Trong ba tuần ủy ban họp ráo riết, tôi đòi thêm dữ kiện và chất vấn cặn kẽ về đường dây dẫn điện. Biết Martin ưa chuộng dự án này, 11 thành viên kia đề nghị mua NCPA và hăng hái ký tên vào danh sách ưng thuận. Còn lại anh kỹ sư cứng đầu cứng cổ, tôi không đồng ý và không ký.

Muốn dự án “go,” mọi thành viên ủy ban phải đồng lòng tán thành; nếu không, sẽ khó lòng được hội đồng quản trị chấp thuận. Bị kỳ *đà cản mũi*, Martin cho gọi tôi lên trụ sở MDUR ở phía bắc thành phố và cách nơi tôi làm việc chừng năm dặm Anh. Ông gặp tôi trong phòng hội, thay vì tại văn phòng ông, như thể để tránh tiếng chính thức hội họp. Căn phòng lớn chỉ có ông và tôi; ông lạnh lùng mở đầu,

“Anh có gì muốn nói thì cứ nói.”

“Các giám đốc tài chánh của ông chỉ biết con số trong sổ cái mà mù tịt về tình trạng thực sự của đường dây dẫn điện, tài sản chính của NCPA. Đường dây xây vào cuối thập niên 1930 sau cuộc khủng hoảng kinh tế với nhân công rất rẻ, và người ta dùng lừa để kéo vật liệu lên núi. Ngày nay, hơn 55 năm sau, các trụ điện bằng gỗ thông đã quá thời hạn hữu ích và có thể đổ xuống bất cứ lúc nào. Nếu muốn sửa chữa, ta sẽ phải thuê một đội phi cơ trực thăng rất mất tiền.”

“Anh nói tiếp đi,” ông vẫn không nêu tên NCPA.

“Dây dẫn điện họ dùng là loại dây đồng mạ thép cổ lỗ ngày nay không còn ai dùng. Năm 1975, khi tôi mới vào làm MDU, công ty có một đoạn đường dây chừng 20 dặm Anh dùng loại dây dẫn điện đó mà ông *sếp* tôi ngày nào cũng than van, tranh đấu để thay cho bằng được. Tóm lại, nếu ông muốn mua NCPA, tôi sẽ nghiên cứu nguy cơ đường dây sụp đổ, ước tính chi phí thay thế và bảo trì trong 20 năm tới, và đề nghị con số mà họ sẽ phải trả cho mình để ‘bán’ đường dây.”

Không nói không rằng, Martin đứng dậy mở cửa đi ra. Sau biến cố này, người ta thì thầm với nhau gọi tôi là “*the untouchable guy*” – anh chàng *không ai động đến được*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Tám, 2024

Mất Bò Mới Lo Làm Chuồng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Dễ đến năm, sáu năm nay tôi mới có dịp trở lại nam California. Chiều thứ Sáu, xong việc tôi về nhà Ngân ở Tustin và sẽ ở chơi với bạn đến sáng Chủ Nhật. Ngày đó, hơn một phần tư thế kỷ trước, Ngân học Đại học Khoa học Sài Gòn, đậu Cử nhân Hóa học, và mở trường dạy luyện thi tú tài và thi tuyển vào các trường đại học chuyên khoa. Khác hẳn với tôi khi nào cũng *lật đật như sa vật ống vại*, Ngân dễ tính xuề xòa, ăn nói chậm rãi từ tốn, và *lè phè* ít khi quan tâm tới giờ giấc nên thường bị tôi cản nhắc khi đi chơi chung. Nhưng chúng tôi gần gũi nhau vì Ngân quý bạn hết mình. Ngày Ngân cưới Trinh, tôi đóng bộ đi làm phù rể cho bạn.

Tôi thức khuya nói chuyện xưa với vợ chồng Ngân, sáng thứ Bảy dậy trễ, và ra nhà bếp thấy Ngân đang pha cà-phê và Trinh sửa soạn bữa ăn sáng. Tôi ngạc nhiên nhìn Ngân,

“Năng California và đồ ăn nhanh McDonald’s làm mày lạnh lẽo hơn hay sao mà hôm nay dậy sớm?”

“Đêm qua ‘bà’ Trinh dặn tao dậy sớm lo cho mày, chứ không giờ này ‘ông’ còn *phè cánh nhạn* ngủ đến trưa, *sức mấy* mà ngời ngáp dài ngáp vắn chờ mày dậy!” Ngân cười nhẹ.

“Tính anh Ngân kể rề mà anh chỉ ở đây mỗi ngày hôm nay nên tôi phải giục như giục tà để kịp chuẩn bị đón các anh ấy,” Trinh đỡ lời chồng; “các anh ấy” là mấy người bạn cũ của tôi và Ngân.

Có tiếng lao xao ngoài phòng khách rồi vợ chồng Túc xuất hiện: Vân Hương vào trước ôm chào tôi, và Túc theo sau, khệ nệ xách hai bao *plastic* đầy ắp thức ăn mới mua ngoài tiệm, và cười hề hề,

“Nghe tin mày tới, ‘bà’ Hương ra lệnh cho tao đóng cửa phòng mạch lái xe từ San Diego lên đây. Còn bảo tao ghé tiệm ăn mua phở và bánh cuốn cho mày, chứ ‘vùng kinh tế mới’ North Dakota làm gì có cho mày ăn.” Bạn tôi tốt nghiệp bác sĩ tại Đại học Y khoa Sài Gòn.

Các bạn khác lục tục tới, trong đó có Lập làm quản lý nhật báo *Ngàn Việt*. Ngày đó, Lập học Đại học Luật khoa Sài Gòn, đậu cử nhân luật, và ra hành nghề luật sư. Cả bọn hề nhau bưng thức ăn ra phòng khách vừa ăn vừa *đấu láo* ồn ào như thuở sinh viên. Trinh nhỏ nhẹ nói với tôi,

“Hồi đó ông bà cụ tôi rất khó nên ít khi tôi được đi chơi chung với các anh chị, nhưng có gì vui anh Ngân đều kể cho tôi nghe. Tôi nhớ mãi lời anh khen – mà chê – anh Nhã, người dịch mấy cuốn tiểu thuyết diễm tình của Quỳnh Giao xuất bản bên Đài Loan.”

“Ờ, thằng khỉ *Ba Hoa* có lối ăn nói ngang xương ngạo đời,” Ngân nhớ ra, “Thằng Nhã học khoa học với anh và dịch truyện Quỳnh Giao hay *hết sảy*, nhưng phải tội người thô và mặt mũi đen đúa. Gặp nó, *Ba Hoa* bèn phang ngay,

Mày dịch truyện Quỳnh Giao hay tới trời mà sao người ngòm xấu xí quá vậy?”

Sau khi ăn hết đĩa bánh cuốn và tô phở và uống đến chai bia Heineken thứ hai, Lập nhúm mày chất vấn tôi như thể làm phóng sự điều tra,

“Tao nhớ mày làm việc cho công ty điện lực đầu trên North Dakota kia mà! Mày làm tướng làm tá gì mà được công ty gửi xuống quận Cam và đài thọ tiền máy bay, khách sạn, xe thuê, và ăn uống cả tuần lễ?”

“Đúng là dân nhà báo hay *théc méc*! Vừa rồi thằng tổng giám đốc cũ của tao bị cho về vườn, thằng mới nổi hứng bắt nhân viên làm việc kế hoạch như tao phải đi học một khóa ngắn hạn về phương pháp đánh giá các dự án. Tao chọn khóa học dạy một tuần mùa hè tại Đại học California-Irvine ở Irvine để cuối tuần ở chơi với tụi mày,” tôi miễn cưỡng giải thích.

“Tao nghĩ thấy câu trả lời của mày chứa chuyện gì lỳ kỳ. Có thể nói thêm chi tiết được không?” Lập hồi tở; thằng nhà báo cự luật sư quả “thính mũi.”

“Kể thì được, nhưng nếu mày viết thành bài đăng báo thì cấm nhắc đến tên tao hay tên công ty tao. Chuyện này mà phổ biến ra, giá cổ phần công ty tụt xuống là cái chắc; rồi không khéo tao thất nghiệp xuống đây xin việc ở tòa soạn báo mày.”

* * *

Joe vốn là luật sư, làm việc cho Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) ngay sau khi tốt nghiệp *Juris Doctor* (bằng Luật sư), và dần dần leo lên đến chức giám đốc nha Pháp lý, trông coi mọi khía cạnh pháp lý của công ty. Ông tỏ ra đố kỵ và công khai chê bai bọn kỹ sư bằng cách kể chuyện khôi hài ám chỉ họ là lũ ngu dốt khờ khạo. Nhóm kỹ sư phản pháo bằng chuyện khôi hài nhạo báng lũ luật sư ăn gian như chớp, nói láo như ranh; chẳng hạn như,

Hỏi: Làm sao biết được khi nào luật sư nói láo?

Trả lời: Chỉ việc nhìn môi anh ta. Hễ môi mấp máy là chàng xạo ke.

Giữa lúc MDU lổ lã và gặp khó khăn về tài chánh, tổng giám đốc thôi việc và rời công ty. Hội đồng Quản trị MDU quyết định đưa Joe lên thay thế, thay vì – như các công ty lớn khác thường làm – thuê hãng *headhunter* (“săn đầu”) tìm và giúp tuyển chọn ứng viên có khả năng nhất trong số những giám đốc cao cấp trên toàn quốc. Hội đồng biết Joe thiếu khả năng quản trị nhân viên và kiến thức tài chánh nên ban đầu chỉ cho Joe giữ chức vụ tạm thời *general manager* (tổng quản đốc). Sau một năm thử thách, Joe mới chính thức làm tổng giám đốc.

Joe thân chinh đi thương lượng hợp đồng mua bán điện và hợp đồng chung vốn xây nhà máy phát điện với các công ty trong vùng, một công tác trước do phó tổng giám đốc phụ trách Tổng nha Kỹ thuật Điện phụ trách. *Ghét của nào trời trao của ấy*, Joe cần một chuyên viên kỹ thuật giỏi kinh tế và tài chánh đi theo trợ giúp, và người đó lại là tôi – một kỹ sư chính hiệu. Vì vậy, mối liên hệ giữa tôi và ông rất kỳ lạ, lên xuống bất thường, lúc thân lúc ghét.

Tôi đi máy bay riêng của công ty với Joe, ăn trưa và nói chuyện thời tiết mưa nắng với ông, và trong khi ông họp với các giám đốc quản trị của công ty bạn, ngồi trong phòng bên chạy máy điện toán và cung cấp dữ kiện để giúp ông điều đình ở thể thượng phong. Một hôm, tôi và Joe bay về khuya, ông nhận được tin (qua hệ thống truyền tin của phi cơ) bà cô ông vừa mất và nói trong nước mắt, “Bà là thân nhân bậc trên còn lại cuối cùng của tôi,” và tôi đóng vai cố vấn tâm lý an ủi *sếp lớn*. Tuy nhiên, tình thân biến mất *cái rụp* ngay sau khi chúng tôi bước khỏi cầu thang máy bay. Đường ai nấy đi. Gặp tôi ngoài hành lang trong sở, Joe tảng lờ như không thấy

tôi và không đáp lại lời chào lấy lệ của tôi. Ngoài ra, trong những buổi họp nhân viên ông triệu tập mỗi tam cá nguyệt, hầu như tôi là người duy nhất dám đứng lên chỉ trích ông.

Thí dụ, trong một phiên họp thường niên với Ủy ban Tiềm ích Tiểu bang North Dakota, Joe báo cáo MDU gặp khó khăn tài chính và năm tới sẽ đóng băng (freeze) lương nhân viên, và sáng hôm sau mọi người đọc tin này trên tờ *The Bismarck Tribune*. Một tuần sau, trong buổi họp nhân viên, tôi giơ tay xin phát biểu và nói ông tổng giám đốc đã hành động thiếu ý thức và thiếu lễ độ đối với gần hai ngàn nhân viên của công ty. Quyết định có ảnh hưởng đến đời sống và gia đình chúng tôi, tại sao không nói thẳng cho chúng tôi biết?

Một lần khác, tôi đi họp ở Boston và nhân tiện ghé thăm Mạc con đầu lòng đang học năm thứ hai và ở trong ký túc xá Học viện Kỹ thuật Massachusetts. Tôi thấy trên tường phòng ngủ của Mạc có chỗ cắm Internet, cắm dây nối với máy điện toán là có thể sử dụng Internet. Về nhà hôm trước thì hôm sau dự buổi họp nhân viên. Mang trong đầu câu hỏi chế nhạo của Mạc, “Kỹ sư cao cấp như ba mà không có Internet hay sao?” tôi mạnh dạn giơ tay hỏi Joe,

“Khi nào MDU có Internet để chúng tôi sử dụng điện thư trong công việc hằng ngày?”

“Tôi sẽ cho anh Internet, nếu anh chứng minh được sẽ cần nó,” ông ra mặt kẻ cả.

“Joe, tôi làm kỹ sư cho MDU hơn 20 năm nay. Bộ đề nghị của kỹ sư của công ty không đủ để chứng minh hay sao?” tôi cay đắng trả lời, trong khi các nhân viên khác vỗ tay, và mặt Joe đổi sang màu đỏ ửng.

Một năm sau hệ thống Internet mới được thiết lập ở trụ sở MDU. Trong hơn nửa thế kỷ qua, các công ty cung cấp hơi đốt thiên nhiên ở vùng Trung-Tây như MDU đều xem thành phố Pierre, thủ phủ tiểu bang South Dakota, là thị trường mồi mọc nhưng vô cùng khó ăn. Dân chúng Pierre sưởi ấm và nấu ăn bằng *propane* do các đại lý bán lẻ chở giao tận nhà. *Propane* là một chất khí khi bị nén dưới áp suất cao trở thành lỏng và được trữ trong bình chứa rất chắc chắn. Khi được xả ra, *propane* bốc hơi và có thể đốt để sưởi ấm hay nấu ăn. Thành phố Pierre đã từng cấp môn bài cho một số công ty cung cấp hơi đốt ở South Dakota và bắc Nebraska, nhưng không công ty nào nhào vô kiếm ăn vì họ tin là không thực hiện được về phương diện kinh tế (economically infeasible).



Joe không tin điều đó và ra lệnh cho George, phó tổng giám đốc nghiên cứu thị trường, tìm cách chứng minh nếu cung cấp hơi đốt cho Pierre, MDU sẽ có lời. Vào làm việc cho công ty đầu thập niên 1960, George vốn là nhân viên bán dụng cụ như tủ lạnh, máy giặt, và lò bếp rồi dần dần leo lên nấc thang quản trị nhờ giao tế khéo léo và tuân hành lệnh cấp trên. Ông ra lệnh cho Bill, giám đốc nghiên cứu thị trường và là một kỹ sư cơ khí có thực tài, khảo sát tính thực hiện được của dự án, nhưng phải đạt tới kết luận *sếp lớn* mong muốn.

Bill ước tính MDU sẽ phải bỏ vốn ra hơn \$75 triệu. Để phỏng chừng những dữ kiện cần thiết dùng trong việc tính toán, anh dựng ra một số bố cảnh (scenario), mỗi bố cảnh tượng trưng một nhóm giả thiết về điều kiện kinh tế, tài chánh, và chính trị trong tương lai. Với mỗi bố cảnh, anh ước tính mức thu nhập, chi phí, và lời lỗ ở mỗi năm trong suốt “đời sống” (life) của dự án rồi tính trị giá hiện tại của những số tiền lời hay lỗ ấy. Nếu có lời thì dự án thực hiện được (feasible). Bố cảnh hợp lý nào cũng đưa tới kết quả lỗ lã. Cuối cùng, dưới áp lực của George, anh xoay xở tạo ra một bố cảnh huề vốn để George trình lên *sếp* Joe. Ông tổng giám đốc mừng rỡ đề nghị dự án lên hội đồng quản trị, và hội đồng chấp thuận.

Trong năm kế tiếp, công ty mượn thêm nhân viên, lập cơ sở ở Pierre, và gọi thầu xây cất ống dẫn hơi đốt từ nguồn sản xuất, hệ thống ống dẫn phân phối trong thành phố, ống nhánh dẫn vào nhà khách hàng, v.v. Khi hoàn tất, MDU tổ chức lễ khánh thành *xóm tự* với sự hiện diện của chính trị gia tiểu bang South Dakota và thành phố Pierre để mừng “lần đầu tiên từ ngày thành lập năm 1880, Pierre được cung cấp hơi đốt thiên nhiên.”

Thực tế phũ phàng ập tới khi nhân viên đến từng nhà dân chúng mời ghi danh làm khách hàng, nhưng bị từ chối. *Propane* đã hạ giá. Dùng *propane* rẻ hơn dùng hơi đốt thiên nhiên của MDU đến hơn 20 phần trăm, chưa kể phí tổn gần đồng hồ đo hơi đốt và chuyển đổi hệ thống sưởi và nấu ăn trong nhà. Trong bố cảnh huề vốn, Bill đã dùng giá *propane* là con số mà *sếp* George quả quyết “thấp hết cỡ rồi, bọn kia không thể nào hạ thấp hơn.” Nhân viên công ty than, “Bọn đại lý *propane* trước kia lái xe Cadillac, bây giờ bấm bụng đi xe Chevrolet!”

Cùng được hãng sản xuất xe hơi lớn nhất thế giới General Motors chế tạo, Cadillac là kiểu xe sang trọng nhất, và Chevrolet là loại xe bình dân. Vài tháng sau, George không còn đến văn phòng làm việc, người ta đồn bị đuổi vì khai gian *expense report* (bản tường trình công tác phí). Bill bị sa thải – không có lý do – và nhảy sang làm việc cho cơ quan chính phủ tiểu bang. Joe chưa bị động tới, vì một phần hội đồng quản trị thấy mình cũng có phần nào trách nhiệm, và một phần không muốn vụ mất vốn \$75 triệu lan truyền ra báo chí và giới đầu tư. Khi vừa đủ điều kiện tuổi để về hưu, Joe được *cho đi*, không kèn không trống.

Ngay sau khi nhậm chức, tổng giám đốc mới gửi *memo* đến các nha sở trung ương ra lệnh mọi nhân viên có nhiệm vụ liên quan đến hoạch định kế hoạch, kỹ thuật cũng như tài chánh, đều phải đi học khóa dạy khảo sát tính thực hiện được của những dự án tương lai. Rõ là *mất bò mới lo làm chuồng*!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 4 tháng Chín, 2024

Câu Chửi Văn Hoa

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đầu tháng Chín, mùa hè chưa đi qua hết, nhưng thời tiết North Dakota đã chớm vào thu. Buổi chiều đi làm về, tôi mở cửa vào nhà và ra nhà bếp tìm Quỳnh Châu. Nàng đưa má cho tôi hôn, nhưng không vui như mọi ngày. Tôi nhìn quanh, không thấy hai con – Ân lên tám và Diễm Lệ lên bảy – thường chơi trong phòng khách đợi tôi về. Biết ý, Quỳnh Châu nói,

“Diễm Lệ đi học thể dục thẩm mỹ, lát nữa về với bạn. Còn Ân bị phạt ngồi trên phòng đợi ba về xử.”

“Sao vậy?” tôi ngạc nhiên vì Ân vốn hiền lành và hầu như không bao giờ gây chuyện rắc rối.

“Anh lên gác hỏi con thì biết,” giọng nàng thoáng một chút hờn giận.

Ân ngồi ủ rũ trước bàn học, mặt buồn thiu. Thấy tôi vào, bé đứng dậy, nhưng không tới ôm chào tôi như mọi khi. Tôi lên tiếng trước,

“Sao má giận Ân?”

“Ân không biết chắc, ba!” nước mắt lưng tròng, Ân ảm ức kể, “Hôm nay sau giờ học, Ân ở lại trường tập chạy đua. Trong phòng thay áo quần, tụi bạn thấy Ân mặc áo lót trắng ngắn tay giống như của ba, cười Ân là ông già về hưu, và biểu Ân chống gậy ra công viên ngồi băng ghế cho chim ăn. Lúc má tới đón, Ân nói cuối tuần má đưa Ân đi mua *wife beater* để mặc cho bạn đừng cười. Ân làm gì sai?”

“Ân không làm gì sai cả. Lỗi là tại ba chưa dạy Ân chữ tiếng Việt đó.”



Trong Anh ngữ dùng thường ngày, “wife beater shirt” (nghĩa đen là “áo thằng đánh vợ”) chỉ cái áo thun ba lỗ hay áo lót hở nách, có khi hở dài xuống giữa bụng. Tên gọi thô bạo này bắt đầu từ năm 1947, khi một người đàn ông Detroit, Michigan đánh vợ đến chết, và báo chí đăng hình anh ta mang chiếc áo lót hở nách nhuộm với chữ “Wife Beater” in ngang trên hình. Từ đó, cái tên trở thành thông dụng và đồng nghĩa với chiếc áo lót. Tôi giải thích cho Ân,

“Má chỉ không muốn Ân nói ‘wife beater,’ một chữ có nghĩa rất xấu. Chồng đánh vợ là thảm cảnh đau thương thường tình của nhiều gia đình người Việt ở Việt nam cũng như ở Mỹ.”

“Vậy Ân phải làm sao?” chú bé không hiểu.

“Ân xuống dưới nhà xin lỗi và xin má tối nay cho Ân đi với ba ra [tiệm bách hóa] Target mua ‘áo lót hở nách’ mặc cho bạn khỏi *chọc quê*.”

Tối hôm đó, khi chúng tôi trò chuyện bằng quơ trước khi ngủ, Quỳnh Châu nắm tay tôi,

“Em thương cu Ân quá; bị phạt mà lẳng lặng lên phòng, không cãi một tiếng. Diễm Lệ mà bị phạt như vậy sẽ cảm rằm điếc lỗ tai luôn.”

“Trong ba đứa nhà mình, bé út khôn lanh nhất,” tôi cười nhẹ, “Hồi tối anh đưa Ân đi mua áo lót, con nhỏ xin đi theo rồi nói ngon nói ngọt một hồi cũng ké được cái áo tắm để đi học bơi. Còn *dự* được anh cho mua thêm mấy gói kẹo chua ngọt để đem lên trường phát cho tụi con gái.”

“Chồng xấu thì thôi, sao không kêu *mụ vợ* dễ thương đi theo?” nàng huých nhẹ vào tay tôi rồi dường như chợt nhớ ra, “Sao bữa nay *ông dông* chuyên *bán kẹo kéo* rộng rãi như vậy? Chắc ở sở có chuyện gì vui?” “Bán kẹo kéo” là tiếng lóng dùng để chỉ người keo kiệt.

“Em còn nhớ thằng cha Bill *sếp* cũ của anh không? Hôm nay anh vui hai chuyện: Hắn ta về hưu, anh sẽ không còn thấy cái bản mặt hăm tài của *hắn*. Và nhân nói chuyện *hắn*, mấy thằng bạn anh tìm ra câu chửi thật độc đáo.”

* * *

Sáng thứ Hai giữa tháng Chín năm 1975, tôi đến trụ sở Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) nhận việc và bắt đầu sáu tháng tập sự dưới quyền Bill, giám đốc sở Truyền Điện. Anh bạn Charlie kỹ sư MDU tôi quen trước khi được nhận vào làm đã cho biết kỹ sư tập sự nào cũng phải qua tay Bill vì ông là giám đốc thâm niên nhất – và tự cho mình là giám đốc giỏi nhất – trong Tổng nha Kỹ thuật Điện thuộc quyền phó tổng giám đốc Wally. Charlie báo trước là Bill rất khó tính, không bao giờ cười, không bao giờ khen ngợi ai, và thích ra oai trách mắng nhân viên không tiếc lời; ngoài ra,

“Nếu Bill biểu anh nghiên cứu hay tính toán dự án, anh cần *photocopy* giữ bản sao trước khi trình lên cho ông ta.”

“Tại sao vậy?”

“Vì Bill sẽ không trả lại cho anh và cũng không bình phẩm. Anh làm đúng và thành công, ông ta nhận hết công trạng; nhưng nếu anh sơ suất hay dự án có vấn đề, ông ta sẽ đưa ra trút hết trách nhiệm cho anh.”

Tôi ra công học hỏi nghề nghiệp mới, rần sức thích ứng với mùa đông Bắc Mỹ, và thỉnh thoảng được Bill giao tính toán vài bài toán kỹ thuật khá đơn giản. Khi tôi trình lên, ông lấy cất giữ và không nói năng gì cả. Có lần tôi hỏi, ông trả lời lửng lơ, “Chờ xem kết quả có đúng với thực tế hay không.” Đầu tháng Ba năm sau, khi thời kỳ tập sự gần kết thúc, tôi chuẩn bị chuyển sang làm việc cho nha Điều hành Hệ thống Điện. Bất ngờ, ông cho gọi tôi vào văn phòng giao dự án mới vì biết tôi từng làm luận án về sóng điện từ, nhưng có vẻ nghi ngờ, không tin tôi làm nổi. Ông nói trước đó đã gọi cho vài hãng cố vấn kỹ thuật bên ngoài, nhưng họ chịu thua.

Đầu mùa hè tới, MDU sẽ xây một đường dây tải điện cao thế 115 kV (kilovolt, tức là 1,000 volt) chừng 15 dặm Anh chạy dọc bờ thành phố. Đường dây đi đã được ủy ban tiện ích tiểu bang chấp thuận, và công ty đã mua đất và đặt mua trụ điện, dân dẫn điện, và các vật liệu cần thiết khác. Vấn đề là một quãng đường dây sẽ chạy dọc theo bờ rào của trại Dân quân (National Guard) North Dakota, trại trang bị trụ *ăng-ten* phát tuyến để truyền tín hiệu khẩn cấp trong trường hợp hỏa tiễn địch tấn công, thiên tai xảy đến, v.v. Lục quân Hoa Kỳ (hỗ trợ kỹ thuật cho

Dân quân) gửi tới kết quả tính bằng máy điện toán cho thấy đường dây có thể làm nhiễu loạn tín hiệu *ăng-ten* và có thể phải dời đi. Tôi tự tin,

“Bài toán này dễ. Ông cho tôi hai tuần, tôi sẽ tìm ra giải đáp.”

Tôi ra sức tính “đua” với máy điện toán của Lục quân và trước khi rời sở Truyền Điện, hoàn tất phúc trình đề nghị cách giải quyết giản dị: Để tránh nhiễu loạn, thay vì dùng dân dẫn điện cỡ 267 MCM (một đơn vị cũ dùng đo cỡ dây) như đã dự trù, công ty cần dùng cỡ dây lớn hơn – 477 MCM trở lên. Không cần phải dời đường dây!

Hai tháng sau, gần như quên bằng dự án trước, tôi được lệnh theo phái đoàn MDU đi họp với các viên chức của Dân quân North Dakota, Lục quân Hoa kỳ, và chính phủ liên bang Hoa kỳ. Tôi được giới thiệu với Pramana người Mỹ gốc Nam Dương là chuyên gia sóng điện từ được Lục quân phái từ Tây Đức sang. Anh vồn vã bắt tay tôi, “Chúng mình vốn là láng giềng!” và xác nhận phép tính của tôi phù hợp với kết quả tính bằng máy điện toán của anh. Buổi họp tiến hành tốt đẹp, hai bên đồng ý với đề nghị của tôi, và luật sư soạn thảo bản giao ước tại chỗ. Để chấp thuận sơ khởi bản giao ước, tôi và Pramana ký tắt sau tên của hai người ký kết chính là phó tổng giám đốc MDU Wally và vị *adjutant general* là tướng chỉ huy Dân quân. Tôi nhớ lời khuyên của Charlie và xin bản *photocopy* của bản giao ước.

Giữa mùa thu, sau khi đường dây hoạt động, Pramana trở lại North Dakota với dụng cụ đo lường để nghiệm lại kết quả tính toán của tôi. Chúng tôi viết chung bài khảo cứu gửi đăng trên *IEEE Transactions* là tạp chí kỹ thuật xuất bản định kỳ của IEEE (Hội Kỹ sư Điện và Điện tử thế giới) với tên tôi đứng trước, tức là tác giả chính. Bài khảo cứu được chọn đăng với sự khen ngợi của hội đồng tuyển chọn vì lần đầu tiên đặt nền móng cho phương pháp khảo sát nhiễu loạn sóng điện từ gây ra do dây tải điện cao thế. Đây cũng là lần đầu tiên trong hơn nửa thế kỷ hoạt động, MDU có nhân viên viết bài đăng trên tạp chí có uy tín khắp thế giới này.

Tôi học sử dụng máy điện toán, học thảo chương FORTRAN (ngôn ngữ điện toán thông dụng cho các áp dụng khoa học và kỹ thuật), viết chương trình điện toán để giải các bài toán về hệ thống điện lớn, và lập kho chứa dữ kiện về những đường dây tải điện của MDU. Với vai trò đứng đầu nhóm hoạch định hệ thống dây tải điện tương lai, tôi thành ra đối thủ đáng ghét của Bill: *Nói có sách, mách có chứng*, tôi là người chứng minh những điều ông nói căn cứ theo “phán đoán kỹ thuật” (“engineering judgement,” lời của ông) ít khi đúng.

Vào lúc MDU rục rịch cho Bill kiêm nhiệm chức phụ tá phó tổng giám đốc để chuẩn bị thay thế Wally khi ông này về hưu, tôi cần chi tiết về đường dây 115 kV và sang sở Truyền Điện lục hồ sơ tìm. Tôi rất đỗi ngạc nhiên khi khám phá ra công ty đã xây đường dây bằng dây dẫn điện cỡ 267 MCM, không phải 477 MCM như đã thỏa thuận với Dân quân North Dakota. Hỏi ra cả sở Truyền Điện không ai “nhớ” hay “biết” về bản giao ước. Thủ phạm vụ bội ước chắc hẳn là Bill. Ông đã vi phạm luật pháp và làm hại sự an toàn của công chúng. Tôi và ông *sếp* mang *photocopy* của bản giao ước trình với Wally. Tôi không thay đổi được gì ngoài việc gây thêm thù oán – Bill không còn là người kế vị Wally.

Nhờ nỗ lực nghiên cứu và phát triển của tôi, lần đầu tiên MDU thiết lập chương trình hoạch định hệ thống dây tải điện và ấn hành phúc trình hằng năm. Vì tầm quan trọng của dự án, mỗi năm ngay sau Tết dương lịch, Wally triệu tập các giám đốc dưới quyền để duyệt lại kết quả khảo sát trước khi chính thức công bố. Trong ba ngày liền, tôi thuyết trình kết quả, và Wally và các giám đốc thay nhau chất vấn và phê bình. Trong khi phần lớn những người kia góp ý kiến xây dựng, Bill chăm chú bới móc những sơ suất nhỏ nhất nhất để thẳng tay mạt sát tôi bằng lời lẽ cay độc. Thí dụ để khảo sát nhiều *scenario* (bố cảnh) khác nhau, tôi dùng các chữ cái A, B, C, v.v. để phân biệt. Một hôm thấy “*Scenario I*” trên giản đồ ghi kết quả, ông lớn tiếng mắng,

“Tại sao anh dùng chữ ‘I’ để máy điện toán in ra trông giống như số ‘1’? Anh phung phí ‘giờ máy điện toán’ [computer time] và còn làm chúng tôi mất thì giờ quý báu để giải mã [decode] lỗi lầm của anh.”

“Bill, vậy tôi phải làm sao?” tôi cố gắng trấn tĩnh khi không thấy ai bênh vực mình.

“*Skip the ‘I’* (bỏ qua chữ ‘I’)!” ông trả lời chắc nịch.

Từ đó, tôi luôn luôn bỏ qua chữ “I” và khi gửi *memo* tường trình kết quả, giải thích dài dòng, *Quý vị thấy Scenario “H” rồi đến “J” ngay, chữ “I” đã bị cố tình bỏ qua. Một vài người trong chúng ta không phân biệt được “I” và số “1” trên giản đồ in bằng máy điện toán.*

Những buổi họp đầu năm, đáng lẽ là những giờ phút đáng hãnh diện và tự hào, trở thành cực hình đau đớn. Trước cuộc họp, tôi viết sẵn tờ đơn xin thôi việc để trong ngăn kéo. Cuối mỗi ngày họp, tinh thần suy sụp, tôi trở về bàn giấy ôm đầu gục mặt xuống bàn. Một hôm, sức chịu đựng đã đến mực tận cùng, tôi ngẩng đầu lên mím môi quyết định, lấy tờ đơn ra, và cầm bút định ký. Charlie đột nhiên xuất hiện bên cạnh và can ngăn,

“Đừng, đừng *Ba Hoa*! Anh không thể chịu thua sự hèn hạ của Bill.”

Hôm nay tôi vui vì Bill về hưu. Hồi sáng MDU tổ chức tiếp tân để nhân viên có cơ hội đến từ giã, Wally trao tấm chi phiếu tiền hưu trí tháng đầu tiên, và anh giám đốc thay thế Bill trao tặng quà lưu niệm là cái đồng hồ quả lắc treo tường cứ mỗi 15 phút lại đánh nhạc nhắc giờ. Bill đã chọn cái đồng hồ – để dùng khi nghỉ hưu – trong số các món quà công ty đề nghị.

Thay vì dự tiếp tân, Charlie rủ tôi ra *café* (quán ăn bình dân) gần sở uống cà-phê ăn bánh ngọt cùng với vài bạn kỹ sư khác; ở đây, khách gọi cà-phê uống không giới hạn. Charlie cười nhạo nhỏ,

“Dự tiếp tân để được uống ly cà-phê và ăn lát bánh ngọt *chùa* mà phải bắt tay Bill và nhìn bộ mặt khó thương của ông ta thật chẳng bõ công.”

“Nếu có ai gọi Bill là *asshole*,” tôi dừng lại một giây và nhìn các bạn trước khi nói tiếp, “Thì thật ra đó là lời khen! Vì ông ta tệ lậu hơn nhiều.”

“*Asshole*” nghĩa đen là hậu môn hay lỗ đ... , nhưng trong lối nói thô tục chỉ một kẻ ngu xuẩn, bất tài, hay đáng ghê tởm. Đó là câu chửi nặng nhất của người Mỹ. Nay nhờ tôi, mấy người bạn có *câu chửi văn hoa* hơn: “*That guy is a Bill!*” – Thằng cha ấy giống hệt như Bill!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 18 tháng Chín, 2024

Sai Con Toán, Bán Con Trâu

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ một hãng điện lực nhỏ thành lập năm 1924 phục vụ vài thị trấn thôn dã dọc theo ranh giới Montana - North Dakota, Công ty Tiềm ích Montana-Dakota (MDU) bành trướng về hướng tây phía Montana và hướng đông phía North Dakota và South Dakota bằng cách mua lại các hãng cung cấp điện và hơi đốt thiên nhiên cho những thành phố trong vùng.

Đầu thập niên 1970, MDU cung cấp điện và hơi đốt cho hơn 270 thành phố ở Montana, North Dakota, South Dakota, và Wyoming, rải rác trong một khu vực rộng lớn bao phủ tới 5.5 phần trăm lục địa Hoa kỳ. Số thành phố phục vụ rất lớn, nhưng hầu hết ở vùng thôn quê, có nơi chỉ vài trăm dân, nên lượng điện và hơi đốt bán được hằng năm kém xa những công ty ở thành phố lớn như Chicago hay New York. Do đó, MDU chú trọng về thực hành hơn lý thuyết, nhân viên kỹ thuật ở các ty địa phương chú trọng đến công tác cung cấp điện và hơi đốt cho khách hàng, kỹ sư tham mưu ở trung ương thiết kế và trông coi các công trình xây cất, và khi gặp khó khăn kỹ thuật, công ty thuê hãng cố vấn bên ngoài giải quyết.

Sự khủng hoảng năng lượng đầu thập niên 1970 đã thúc đẩy các nhà đầu tư Hoa kỳ gia tăng nỗ lực khai thác mỏ dầu Bakken khổng lồ ở tây bắc North Dakota khám phá từ thập niên 1950, nhưng dầu khó lấy lên. Đồng thời, các công ty điện lực trong vùng thi nhau xây cất nhà máy phát điện chạy than non (lignite) đầy dẫy ở North Dakota để xuất cảng điện sang tiểu bang khác. Để theo kịp sự tiến triển của kỹ nghệ điện lực, MDU bắt đầu tích lũy kiến thức kỹ thuật *in-house* ("trong nhà") bằng cách thuê Dennis, kỹ sư MDU có bằng cao học đầu tiên, làm việc cho nha Điều hành Hệ thống Điện ("ĐHHTĐ"). Anh có nhiệm vụ thiết trí và sử dụng một số chương trình điện toán dùng cho hệ thống điện.

Số Trời dun rủi khiến năm 1975, MDU nhận tôi, chàng kỹ sư tỵ nạn bụng đầy lý thuyết kỹ thuật và toán học mà kinh nghiệm về điện lực chẳng có bao nhiêu, vào làm. Sau sáu tháng tập sự ở sở Truyền Điện, tôi chọn làm cho nha ĐHHTĐ với Dennis. May mắn cho MDU là ông sếp Howard vốn là kỹ sư xây cất trạm biến điện hơn 30 năm nên mù tịt không biết tôi có thể làm được gì. Ông để tôi tự do học hỏi, phối hợp công việc với Dennis và một đồng nghiệp khác là Gerri, và chọn làm công tác nào thấy hữu ích. Mặt khác, ông nhiệt thành chấp thuận những dự án tôi đề nghị và hết lòng giúp đỡ tôi săn tìm dữ kiện kỹ thuật cần thiết.

Tôi hằng say học sử dụng máy điện toán, học thảo chương FORTRAN (ngôn ngữ điện toán thông dụng cho các áp dụng khoa học và kỹ thuật), viết chương trình điện toán để giải các bài toán về hệ thống điện lớn, và lập kho chứa dữ kiện đường dây tải điện của MDU. Một cựu giảng viên đại học quen làm việc một mình một núi, tôi ra công nghiên cứu và thâm thập khả năng chuyên môn trong một lãnh vực MDU chưa từng đặt chân tới – thực hiện chương trình hoạch định hệ thống dây tải điện và hằng năm ấn hành phúc trình trình bày kế hoạch dài hạn cho 10 năm tới.

Tôi chia hệ thống dây tải điện thành nhiều vùng, lần lượt khảo sát từng vùng một, và đến ty địa phương trong mỗi vùng họp với quản đốc kỹ thuật và các kỹ sư của ty. Tôi trình bày kế hoạch đang thành hình, tìm hiểu những điều họ quan tâm, và khi khảo sát, thông báo kết quả sơ khởi để họ theo dõi. Cách thức truyền đạt này – chưa ai thực hiện ở MDU – không những bắc nhịp cầu nối giai đoạn hoạch định của tôi và giai đoạn điều hành về sau của nhân viên địa phương, mà còn giúp tôi bù đắp khuyết điểm lớn nhất là thiếu *field experience* (kinh nghiệm đương trường, “đương trường” là ngay tại chỗ xảy ra sự việc).

Nhờ sự hợp tác đó, tôi gặp Dave (gọi gọn của tên David), một kỹ sư điện trẻ, nhỏ hơn tôi khoảng mười tuổi tại Ty Dickinson cách xa trụ sở trung ương khoảng 100 dặm Anh về hướng tây. Anh thường đưa ra những câu hỏi khiến tôi phải suy luận ngoài phạm vi kết quả bằng số của máy điện toán để trả lời. Dù mới làm việc cho MDU vài năm nay, anh tỏ ra là một kỹ sư thông tuệ có khả năng thấy xa nhìn rộng.

* * *

Năm 1981, Howard về hưu, Gerri lên thay làm giám đốc nha ĐHHTĐ và tiếp tục để tôi tự do khai phát tới các lãnh vực mới như trước. Nhờ đó tôi lại trở thành chuyên gia về kiểu mẫu toán học tiên đoán mức dùng điện của khách hàng và chương trình hoạch định hệ thống phát điện tương lai. Trong thời gian này, tôi trở lại trường, học lớp tối trường Kinh doanh Đại học North Dakota, mỗi tuần hai buổi tối, và sau gần hai năm, đậu bằng Cao học Quản trị Xí nghiệp (MBA).

Ngày đầu năm năm 1985, công ty chuyển qua cơ cấu tổ chức mới: lập công ty mẹ lấy tên là MDU Resources Group (MDUR) và bành trướng bằng cách mua các hãng khác để sáp nhập vào *empire* của mình. “Empire” trong ngôn ngữ kinh doanh chỉ tập đoàn gồm công ty mẹ và những công ty nhánh. Có một thời, MDUR có 66 công ty nhánh lớn nhỏ hoạt động ở cả 50 tiểu bang Hoa kỳ. Công ty tiện ích MDU của tôi trở thành một phân bộ của MDU và cấu trúc nội bộ không bị ảnh hưởng do sự thành lập công ty mẹ.

Dave được thăng chức, thuyên chuyển qua hầu hết các ty địa phương lớn của MDU, và cuối thập niên 1980, về trụ sở trung ương cầm đầu trung tâm Phối trí Điện năng của nha ĐHHTĐ dưới quyền Gerri. Nhờ vậy, tôi gặp Dave hằng ngày. Vừa mến tài anh vừa muốn quảng bá chương trình MBA của Đại học North Dakota, tôi khuyến khích anh ghi tên học MBA và tặng anh các sách học tôi đã dùng. Anh ghi danh học MBA, nhưng mỗi lần chỉ học một môn nên cần năm năm mới hoàn tất.

Môn học MBA tôi thấy hữu ích cho nghề nghiệp nhất là *strategic planning* (hoạch định có kế sách). Suốt cả lục cá nguyệt, giáo sư không ngừng nhấn mạnh, khi đánh giá một dự án tương lai, nhà quản trị xí nghiệp phải xem xét dự án trong càng nhiều *scenario* (bối cảnh) khác nhau càng tốt. Thí dụ, khi hoạch định hệ thống phát điện tương lai, tôi xét tới ít nhất là ba bối cảnh khác nhau: (1) bối cảnh “có lẽ đúng” (probable) dựa theo điều kiện kinh tế và tài chánh hiện tại, (2) bối cảnh “dùng điện thấp” giả sử mức tiêu thụ điện của khách hàng xuống thấp vì kinh tế suy thoái, và (3) bối cảnh “dùng điện cao” giả sử mức tiêu thụ điện của khách hàng lên cao nhờ kinh tế phát triển mạnh mẽ. Để quyết định, ta không thể nhắm mắt tin vào kết quả tính toán mà

phải cân nhắc kết quả đó với xác suất (probability) có thể xảy ra và mức độ mạo hiểm (risk) phải liệu của bố cảnh. Như một canh bạc, nhưng cần nắm chắc phần thắng.

* * *

Tôi nghe phong thanh Dave được un đúc thành một nhà lãnh đạo MDU. Chức vụ trưởng Trung tâm Phối trí Điện năng, giống như những chức vụ trước ở các ty địa phương, chỉ tạm thời cốt để anh thu lượm kiến thức trọn vẹn về mọi hoạt động của công ty. Tuy giữ chức vụ kỹ thuật, anh thường dính líu tới những dự án quản trị nhân viên. Thí dụ, có lần anh được chỉ định đứng đầu khiến ủy ban đặc nhiệm phụ trách “*re-engineering*” (“tái bố trí”) trụ sở trung ương.

Trong hoàn cảnh kinh tế suy thoái bấy giờ, các công ty Hoa kỳ tìm mọi cách hợp lý và hợp pháp để cắt giảm nhân công. Họ chế ra danh từ “*re-engineering*” mơ hồ và đối trá để chỉ cách thức sau đây: Thành viên của ủy ban đặc nhiệm chất vấn cận kề từng nhân viên, tính sát nút thời gian cần thiết để hoàn tất các công việc trong bản kê khai nhiệm vụ của người đó, và cố gắng chứng minh người đó có nhiều thì giờ ngồi không và đáng bị cho thôi việc. Ủy ban làm việc (đúng ra là “tra tấn” nhân viên, khiến một số bất mãn tự ý thôi làm) suốt một năm rồi đề nghị sa thải hơn một chục người. Người ta xầm xì đồn các *sếp* lớn tập Dave làm *hatchet man* để chuẩn bị làm chủ hăng. “Hatchet” là cái rìu nhỏ, và “hatchet man” (kẻ cầm rìu) là tiếng lóng chỉ người bị sai sử làm chuyện ác đức như đuổi người hay cắt bớt lương.

Trong khi tôi nằm lì ở chức vụ kỹ thuật tại nha ĐHHTĐ, Dave được thăng chức phó tổng giám đốc, chuyển đến làm tổng giám đốc một công ty nhánh của MDUR ở Seattle, Washington, và cuối cùng về lại Bismarck, North Dakota làm chủ tịch tổng giám đốc hay CEO (chief executive officer) của công ty mẹ, cai quản gần 30 ngàn nhân viên.

Đầu năm 2012, tôi về hưu. MDU tổ chức tiếp tân để nhân viên có cơ hội từ giã, và Dave đến dự và nhắc nhở những ngày anh làm việc với tôi mấy mươi năm trước. Tin tưởng tài năng và kinh nghiệm của anh sẽ đưa cổ phần MDUR càng ngày càng tăng giá, tôi giữ phần lớn quỹ hưu, tiền để dành để sống đến cuối đời trong những ngày hưu trí, dưới dạng cổ phần công ty.

Hai năm sau, tôi tình cờ gặp lại người bạn học cùng lớp MBA tên Doug (gọi gọn của tên Douglas) đi bộ tập thể dục trong thương xá. Anh trạc tuổi Dave và làm tổng thủ quỹ của MDUR dưới quyền Dave với nhiệm vụ đi vay tiền hay phát hành cổ phần mới khi cần vốn đầu tư vào dự án mới. Tôi cười cười hỏi,

“Ê Doug, giờ làm việc mà sao anh lại đi lang bang giống kẻ thất nghiệp như tôi?”

“Tôi bị ‘họ’ thúc bách về hưu một năm nay rồi,” anh chưa chút trả lời; “họ” ở đây còn ai khác hơn Dave?

“Sao vậy? Tôi tưởng anh và Dave là bồ tèo làm việc ăn ý với nhau,” tôi ngạc nhiên.

“Tôi cũng tưởng vậy. Tại cái nhà máy Tỉnh chế Dakota Prairie lọc *diesel* mà ra!”

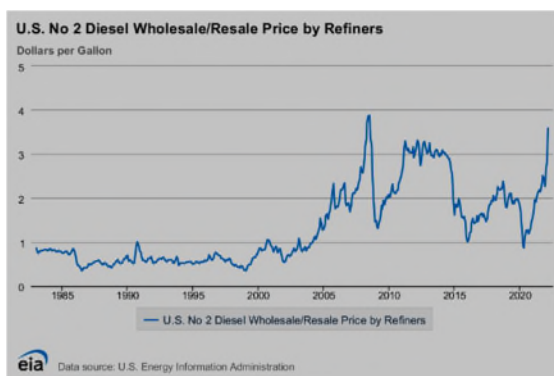
Nhà máy Tỉnh chế Dakota Prairie là dự án chung vốn đầu tư \$600 triệu của MDUR và một công ty khác, mỗi *partner* bỏ vốn ra \$300 triệu. Đó là nhà máy lọc dầu đầu tiên được xây cất ở Hoa kỳ sau năm 1976. Nằm gần Dickinson, North Dakota, nhà máy sẽ hoạt động đầu năm 2015 và

có khả năng sản xuất 20 ngàn thùng *diesel* mỗi ngày bằng cách lọc dầu thô do xe vận tải chở tới từ mỏ dầu Bakken ở tây bắc North Dakota. Doug giải thích,

“Cuộc nghiên cứu tính thực hiện được [feasibility study] cho thấy nhà máy rất đáng đầu tư: Nhu cầu dùng *diesel* rất lớn, và giá *diesel* đang lên cao trên thị trường. Theo dữ kiện của chính phủ liên bang, từ năm 2011 đến 2014, giá *diesel* luôn luôn nằm trên mức \$3 một gallon. Chuyên viên tài chánh dự phóng giá *diesel* giữ mức \$3.25 một gallon và sẽ tăng theo tỉ lệ lạm phát. Dave sung sướng với kết quả tính toán, và tất cả giám đốc đều ký tên đồng ý và đề nghị đầu tư vào nhà máy.”

“Và anh là người duy nhất không a dua theo?” tôi đoán chừng.

“Dave cũng như tôi đều biết rằng ta không thể đánh liều quyết định dựa trên kết quả của một bối cảnh duy nhất, ‘giá *diesel* \$3.25.’ Tôi đòi phải khảo sát thêm bối cảnh giá *diesel* giảm xuống còn \$2 và \$1 một gallon, và bị Dave cho là bất tuân thượng lệnh rồi đẩy về hưu.”



“Phép toán” của Dave trật đường rầy, trái ngược với nguyên tắc căn bản dạy ở trường kinh doanh. Không cần biết lý do tại sao anh làm như thế, tôi gọi văn phòng cố vấn tài chánh trông nom quỹ hưu và ra lệnh bán hết cổ phần MDUR của tôi một khi thấy được giá. Tôi trở tay kịp thời vì, giống như một bối cảnh mà Doug yêu cầu khảo sát, sau khi nhà máy hoạt động, giá *diesel* tụt xuống còn khoảng \$1 một gallon. Năm đầu tiên MDUR lỗ nặng, cổ phần bắt đầu sụt giá, và công ty rao bán phần hùn trong nhà máy lọc dầu.

Trên thương trường, khi muốn mua một cơ sở kinh doanh, người mua sẽ xem xét kỹ lưỡng sổ sách và phương cách điều hành của cơ sở đó. Không cần biết người bán đã bỏ ra bao nhiêu vốn đầu tư, người mua ước tính mức thu nhập, chi phí, và lời lỗ ở mỗi năm trong suốt “đời sống” (life) của cơ sở rồi tính giá trị hiện tại của những số tiền lời hay lỗ ấy. Nếu có lời thì tổng số là số tiền người mua phải trả. Ngược lại, nếu lỗ thì tổng số là số tiền người bán phải cắn răng các cho người mua. Giữa năm 2016, một công ty dầu hỏa mua phần hùn và được MDUR trả \$70 triệu.

Người Việt có thành ngữ “*sai con toán, bán con trâu.*” “Con trâu” trị giá sơ sơ có . . . \$370 triệu nên năm sau, Dave bị cho về hưu ở tuổi 60, từ giả công việc CEO trả lương và quyền lợi hơn \$6 triệu một năm.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 9 tháng Mười, 2024

Vuốt Râu Hùm

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Bismarck, North Dakota là cái nôi của đời tôi ở xứ Mỹ. Nơi đây, gia đình tôi được đón nhận và tận tình giúp đỡ với tấm lòng nhân ái và nhất là được đối xử bình đẳng như mọi người Mỹ khác. Suốt thời gian đi tìm việc và rồi làm việc cho Công ty Tiềm ích Montana-Dakota (MDU), tôi không bị ai đòi phải xuất trình bằng cấp hay giấy tờ chứng minh, trong khi hầu hết các bạn người Việt ở Mỹ đều băn khoăn hỏi, “Làm sao bằng kỹ sư của mày được chấp nhận?” hay, “Mày thi lấy bằng tương đương như thế nào?”

Cuối tháng Tám năm 1975, tôi gặp Charlie kỹ sư điện của MDU khi đưa hai em Lâm và Trọng đi ghi danh học trường trung học Bismarck. Charlie đến trường đón vợ là Judy giáo sư Anh văn của trường trong lúc nàng đang hỏi chuyện tôi, và vợ chồng anh trở thành hai người bạn đầu tiên của tôi ở Bismarck. Giữa tháng Chín, tôi được MDU nhận vào làm, tôi và Charlie làm việc gần nhau ở tầng bốn của trụ sở, và chúng tôi thường cùng xuống câu lạc bộ ở tầng hai nghỉ giải lao. Một hôm tôi nghe anh và vài người bạn khác thảo luận về một bài toán điện, và mặc dù tiếng Anh chưa đủ giỏi để hiểu rõ câu chuyện nhiều người đồng loạt đối đáp, tôi ngửa tay ghi giải đáp bài toán trên tờ giấy lau miệng và đưa ra khiến họ ồ lên ngạc nhiên.

Hai ngày sau, Charlie và các bạn thuộc lứa kỹ sư điện tốt nghiệp bốn, năm năm trước ngỏ ý nhờ “ông giáo sư” dạy họ luyện thi PE tức là Professional Engineer (Kỹ sư Chuyên nghiệp). Ở Hoa kỳ, bằng kỹ sư được gọi là *bachelor* như những bằng cử nhân khác; thí dụ, bằng kỹ sư điện là Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Điện. Tốt nghiệp kỹ sư, làm việc trong ngành ít nhất là bốn năm, và hội đủ một số điều kiện khác, người ta thi PE do hội đồng ghi danh kỹ sư của tiểu bang khảo thí. PE không phải là một văn bằng; nó chỉ chứng nhận đương sự “ghi danh với tiểu bang với tư cách Kỹ sư Chuyên nghiệp” và thường không chỉ riêng ngành kỹ thuật nào. PE được cấp con dấu để đóng vào các văn kiện cần ký và có quyền dùng danh hiệu PE sau tên mình; thí dụ, “*Ba Hoa Nguyen, PE.*”

Tôi hân hoan nhận lời dạy và nhờ cô thư ký Charlotte giữ trước phòng hội của tầng bốn mỗi chiều thứ Năm để dùng cho lớp luyện thi. Tôi soạn bài kỹ và hết lòng chỉ dẫn, các bạn cố gắng học hỏi, và lớp học thành công mỹ mãn – các bạn tôi đậu PE 100 phần trăm. Tôi mừng cho bạn, nhưng nhận ra mình cũng cần có “bằng” PE lặn lưng vì trên người hiện không có một mảnh giấy bằng Anh ngữ nào cho thấy học lực và khả năng của mình.

Hỏi thủ tục thi PE, tôi được cho biết trước hết phải đậu EIT tức là Engineer-in-Training (Kỹ sư Tập Việc), một kỳ thi trắc nghiệm (*abc khoanh*) về kiến thức khoa học và kỹ thuật căn bản mà Charlie và các bạn anh thi trước khi tốt nghiệp kỹ sư. Tôi nộp đơn xin thi EIT và đậu dễ dàng. Nhưng khi xin thi PE thì gặp trở ngại vì luật tiểu bang đòi hỏi thí sinh phải tốt nghiệp tại một đại học “được thừa nhận” (*accredited*), nghĩa là được Hội đồng Thừa nhận Ngành Kỹ sư và Kỹ thuật (ABET) Hoa kỳ chứng thực có đầy đủ khả năng và phương tiện đào tạo kỹ sư. Trường Cao đẳng Điện học Sài Gòn không nằm trong danh sách ABET thừa nhận.

Hội đồng Ghi Danh Kỹ sư North Dakota đòi tôi đến điều trần để xét đơn xin thi. Ông *sếp* tôi ở MDU yêu cầu luật sư của nha Pháp lý MDU theo hỗ trợ về mặt luật pháp. Sau các thủ tục cần thiết, ông chủ tịch hội đồng mở đầu,

“Ông Nguyễn, ông là kỹ sư tốt nghiệp tại Việt nam đầu tiên xin thi PE trên toàn cõi Hoa kỳ – chúng tôi đã kiểm chứng với hội đồng ghi danh của các tiểu bang khác – và do đó chưa có tiền lệ nên chúng tôi cần ông cung cấp lý do tại sao điều khoản ‘được ABET thừa nhận’ phải được miễn trừ.”

“Trường kỹ sư tôi tốt nghiệp rập khuôn theo trường Cao đẳng Điện học Paris (hay ESE Paris) là một trong mười *grandes écoles* [‘trường lớn’] thượng đẳng của Pháp,” tôi đã soạn sẵn câu trả lời, “Trường tôi được xem ngang hàng với ESE Paris về phương diện đào tạo kỹ sư điện, nhưng lại trội hơn ở điểm chọn lọc sinh viên gắt gao hơn nhiều. Niên khóa 1974-75 trước đây, trường mở cuộc thi tuyển 50 sinh viên cho hai ban Điện và Điện tử mà có đến hơn 19 ngàn thí sinh. Một tỉ lệ tuyển chọn khắt khe đến khó tin!”

“Ở Việt nam, ông Nguyễn là một nhà giáo dục kỹ thuật, không những là kỹ sư mà là thầy của kỹ sư,” vị luật sư MDU nói thêm, “Ngay tại MDU, ông cũng dạy bạn đồng sự thi PE, và tất cả học viên đều đậu ngay lần đầu. Ông không cần đặc ân của hội đồng mà chỉ xin có cơ hội chứng tỏ khả năng của mình.”

Hội đồng chấp thuận cho tôi thi PE. Sau đó, tôi dạy lớp luyện thi PE thứ hai, vừa học thi vừa giúp bạn. Không như EIT, thi PE phải giải nguyên cả bài toán và viết lời giải hẳn hoi. Kỳ thi gồm hai buổi sáng và chiều, mỗi buổi bốn tiếng đồng hồ trong đó thí sinh phải làm bốn bài toán được quyền lựa chọn trong tập đề thi bao gồm nhiều ngành kỹ thuật khác nhau như điện, cơ khí, công chánh, canh nông, v.v. Thí sinh được tự do sử dụng sách vở và tài liệu mang theo – *open book*!

Tôi vào phòng thi với chiếc xách tay lớn đựng đầy sách giáo khoa và cuốn . . . tự điển Anh-Việt cỡ lớn. Bắt đầu mỗi buổi thi, tôi để ra chừng 15 phút lướt qua tất cả các đề thi, chọn bốn bài toán dễ nhất, và tuân tự làm bài. Với các bài toán cho bằng hệ thống Anh (inch, feet, mile, pound, v.v.), tôi đổi giả thiết sang hệ thống mét (cm, m, km, kg, v.v.), giải toán bằng các công thức đã học ở Việt nam, và sau cùng đổi kết quả trở lại hệ thống Anh để trả lời. Mỗi buổi, tôi làm bài không tới hai tiếng đồng hồ và nộp bài ra sớm.

Sáu tuần sau, hội đồng ghi danh gửi thư thông báo kết quả cho tôi về địa chỉ sở. Ngoài việc báo tin tôi đậu PE, ông chủ tịch nhiệt liệt khen ngợi,

Thay mặt Hội đồng Ghi Danh, tôi thành thực ngợi khen ông đã đạt được điểm số cao nhất trong lịch sử thi PE của North Dakota.

Tôi khoái chí cầm lá thư khoe với ông *sếp*. Ông khoái chí cầm lá thư chạy đi khoe với ông phó tổng giám đốc và các giám đốc cao cấp khác. Vì việc ghi danh PE được xem là hữu ích cho công ty, MDU hoàn trả lệ phí nộp đơn thi và niên liễm ghi danh hằng năm. Theo lời Charlie xúi bẩy, tôi thừa thắng xông lên xin ghi danh PE ở Montana, South Dakota, và Wyoming là ba tiểu bang khác trong khu vực phục vụ của công ty, và được hoàn trả chi phí. Một khi là PE của một tiểu bang, người ta có thể ghi danh PE ở các tiểu bang khác do một thủ tục gọi là “*reciprocity*” (hỗ tương).

Ghi danh PE phải được gia hạn hằng năm hay mỗi hai năm, tùy tiểu bang. Khi xin gia hạn, PE phải tính và kê ra số “đơn vị tiếp tục học hỏi” (CEU) chứng tỏ mình tiếp tục học hỏi và phát triển nghề nghiệp. Thường thường, tiểu bang đòi hỏi tối thiểu 15 CEU mỗi năm; mỗi CEU là một giờ học (hay nghe giảng) về kỹ thuật, khoa học, quản trị, hay nguyên tắc xử thế (ethics); và nếu PE là người dạy (hay thuyết trình) thì mỗi giờ dạy tính ba CEU.

Nhiều kỹ sư điện ở vùng Trung-Tây Hoa kỳ thỏa mãn điều kiện đòi hỏi này bằng cách dự Hội nghị Minnesota về Hệ thống Điện (gọi là MIPSYCON) tổ chức hằng năm vào trung tuần tháng Mười Một tại Saint Paul, Minnesota do chi hội Twin Cities (Thành phố Sinh Đôi) của hội IEEE (Hội Kỹ sư Điện và Điện tử thế giới) phối hợp với Đại học Minnesota tổ chức. Hai thành phố “sinh đôi” nằm hai bên bờ sông Mississippi là Minneapolis, thành phố lớn nhất trong vùng, và Saint Paul, thủ phủ của Minnesota. Trong ba ngày hội nghị, các diễn giả trình bày những nghiên cứu mới về sự điều hành hệ thống điện, và MIPSYCON có thêm đôi ba khóa học ngắn hạn cho người muốn học.

Tôi thường bận rộn và có thừa thãi CEU nên ít khi dự MIPSYCON, nhưng tháng Mười Một năm 1998 phải dự để trình bày bài khảo cứu về phương pháp thừa nhận (accredit) công suất nhà máy phát điện mà tôi soạn chung với bạn là Allen làm giám đốc nha Sản xuất MDU. Hội nghị được tổ chức vào tuần lễ sau ngày thứ Ba tổng tuyển cử của Hoa kỳ. MDU gửi 15 kỹ sư đi dự; họ phải chia thành năm nhóm di chuyển bằng phương tiện riêng rẽ để nếu vạn nhất tai nạn máy bay hay xe cộ xảy ra, công ty sẽ không nhất thời mất đi nhiều khả năng kỹ thuật. Tôi và hai bạn Charlie và Allen đi cùng một nhóm, và sau buổi họp MIPSYCON cuối cùng, ra phố Saint Paul ăn cơm Việt nam rồi ra phi trường bay về bằng chuyến bay cuối ngày khởi hành khoảng mười giờ đêm.

Chuyến bay trễ ít khách của hãng Hàng không Delta dùng loại phi cơ Bombardier có 50 chỗ ngồi do Ba Tây chế tạo. Phi cơ nhỏ, và mỗi hàng ghế hành khách có bốn ghế nằm hai bên lối đi, mỗi bên hai ghế. Khoang chứa đồ trên đầu hành khách hẹp và chỉ đủ chỗ cho những thứ như *măng-tô* (“manteau” tiếng Pháp là áo khoác dài mặc ngoài về mùa đông), cặp da, và ví tay phụ nữ. Hành lý xách tay lớn hơn phải để lại trên *jetway* (cây cầu nhỏ che kín được di chuyển tới sát cửa phi cơ làm lối ra vào) rồi được nhân viên hãng máy bay lấy đem giữ dưới bụng phi cơ, và hành khách sẽ nhận lại khi tới nơi và ra cửa.

Tôi và hai bạn ngồi cùng một hàng ghế. Hai người đàn ông ở hàng ghế trước nói chuyện lớn tiếng và trịnh trọng, dường như muốn mọi người biết mình đang làm việc công và vừa trải qua một ngày dài vất vả. Họ rời Bismarck bằng chuyến bay sớm khởi hành lúc năm giờ sáng, bay đến Hoa Thịnh Đốn, họp với những nhân vật quan trọng nào đó, vội vã ra phi trường bay về, và cuối cùng lên chuyến bay này.

Hai người đó thực sự là kẻ tai to mặt lớn. Người trạc tuổi tôi to lớn như hộ pháp, mặt béo phệ xấu xí, và nói năng rồn rảng là Jack, phó thống đốc North Dakota. Trẻ hơn Jack dăm bảy tuổi và đáng người mảnh khảnh là Drew, bộ trưởng bộ tư pháp tiểu bang. Cả hai sắp được thăng chức dễ dàng hơn bình thường. Thống đốc tiểu bang hiện nhiệm đang ở giữa nhiệm kỳ bốn năm và trong kỳ bầu cử tuần trước có một ghế thượng nghị sĩ khuyết, ra ứng cử và đắc cử. Tháng tới

ông sẽ từ chức thống đốc để làm thượng nghị sĩ, và theo hiến pháp tiểu bang, Jack sẽ kế vị. Để điền bổ chức vụ phó thống đốc, Jack đề cử Drew, và điều này đã được nghị viện tiểu bang biểu quyết chấp thuận.

Phi cơ vừa dừng lại trước phi trạm, Jack vội vàng tháo dây nịt an toàn đứng dậy. Ông vươn vai sải dài tay để giãn gân cốt khiến hành khách ở hai hàng ghế chung quanh phải ngồi yên, không thể di chuyển. Đoạn, ông bước ra mở tung các khoang chứa đồ trên đầu, lục lạo tìm áo *măng-tô*, xòe rộng cánh tay mang áo vào như ở chỗ không người, và đứng chần vờ choán cả lối đi. Cửa phi cơ vừa mở, ông liền kéo tay Drew đi trước mọi người – không để chậm một giây.

Tôi không thể cầm lòng bèn đưa ngón tay gí nhẹ vào lưng Jack và chỉ vào một bà lão và một thiếu phụ trung niên ngồi ở hàng ghế trước, “Thưa quý ông, tôi nghĩ đàn ông lịch sự phải nhường cho hai bà kia đi trước.” Lỡ bộ, ông quay lại nhìn tôi với đôi mắt khinh thị và hiên ngang bước đi. Mười phút sau, tôi và bạn ra khỏi phi cơ. Thấy Jack và Drew đứng ở *jetway* chờ lấy hành lý xách tay, tôi không buông tha,

“Mẹ các ông không dạy các ông nhường bước cho phụ nữ và người lớn tuổi hay sao? Chen lấn rồi các ông cũng chờ như mọi người – có về sớm được phút nào đâu?”

Trên đường xuống khu nhận hành lý ký gửi, Allen hỏi tôi,

“Anh có biết hai ông hồi nãy là ai không mà nói mạnh miệng như vậy?”

“*Ba Hoa* là con ma xó,” Charlie xen vào, “Ai mà hấn ta không biết. Hai ông kẹ kia bị mắng là đáng lắm, chỉ có anh và tôi rụt cổ không dám lên tiếng mà thôi.”

“Không chừng họ cho lính tới bắt anh bỏ tù đó,” Allen nhìn tôi cười hì hì.

Tôi *vuốt râu hùm*, nhưng sợ không bị bắt bỏ tù như bạn tôi đùa. Ở xứ sở tự do này, “hùm dữ” cũng không động tới được chàng ngông nói chuyện . . . *tâm phải*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 tháng Giêng, 2025

Cuộc Tình Ba Chữ “Hát”

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Gần ba năm trôi qua từ ngày mẹ và ba đưa con lớn – anh Quang, tôi, và Sang – từ làng quê Quảng Bình di cư vào Nam rồi di chuyển theo cha sống ở một số địa điểm khác nhau ở miền Trung, đến một ngày giữa mùa hè 1957 gia đình từ Quy Nhơn trở lại Huế với thêm hai đứa nhỏ nhất: Triết và cô con gái duy nhất là Bình. Mẹ quyết định sống lâu dài ở Huế để các con yên ổn học hành và thuê một căn nhà mặt tiền nhìn ra sông Đông Ba (còn gọi là sông Đào) trên đường Huỳnh Thúc Kháng (trước gọi là ngã Hàng Bè) chạy từ cầu Gia Hội dọc theo bờ sông Đông Ba đến Bao Vinh.

Từ hướng cầu Gia Hội đi xuống, nhà tôi nằm chừng 300 thước trước con đường ngắn từ bờ sông vào cửa Mang Cá (đúng ra là cửa Mang Cá Nhỏ hay Kẽ Trại). Đường *kiệt* (ngõ hẻm) bên hông nhà dẫn vào xóm Mang Cá bên trong, đầu *kiệt* (sát đường) suốt ngày vang tiếng cười đùa của trẻ con, trong đó có tôi cũng em Bình trên lưng chơi với bạn. Khúc sông trước nhà có bốn năm vừa tre nửa. Mỗi vừa chiếm một bến sông, bè lơ ô (hay nứa) nổi trên mặt nước trải rộng tới nửa mặt sông. Bọn trẻ con bước trên bè lơ ô để *đi tắm* sông; người Huế nói “đi tắm” là đi bơi. Mùa hè, chiều nào tôi cũng ra sông đùa giỡn với bạn – chơi tạt nước, bơi thi, lặn (sâu dưới nước) thi, và bơi sang bờ bên kia leo lên cành cây cao nhô ra ngoài mặt nước lao mình xuống.

Cha đóng đồn xa biên biệt, nhưng anh em tôi chẳng đứa nào nhớ đến cha vì xưa nay một tay mẹ quán xuyến hết trong ngoài. Vai trò đàn ông khi cần lo việc học hành của con, thuốc men khi con đau ốm, hay khép con vào kỷ luật thì mẹ có người em chú bác là cậu Há. Cậu lớn hơn mẹ mười tuổi, đã nghỉ làm việc, và đưa gia đình dọn về xóm Đình phía sau ngôi đình thần gần cầu Thanh Long. Từ nhà, tôi đi bộ đến nhà cậu mất khoảng sáu, bảy phút đồng hồ.

Mỗi khi tôi làm gì sai quấy – rất thường xảy ra, mẹ cho “điều lên để cậu Há xử tội” vì, “*Thằng Bé* [tên ở nhà của tôi] là đứa luông tuông lóc lách, không ai nói được *hắn*; chỉ cậu mới trị nổi.” Cậu lấy cây roi mây dài để một bên rồi bắt tôi nằm sấp trên sàn nhà. Tôi được cho phép giải thích tại sao “làm bậy,” và cậu lần lượt bác bỏ từng điểm một trong mớ “lý sự cùn” của tôi và cuối cùng cho tôi đứng dậy, “Lần sau *mi* đừng *mần* [làm] *rứa* nữa! Không sợ mẹ *mi* khóc hay *răng*?” Cậu không đánh đòn, nhưng nắm trúng thóp của *thằng Bé* là sợ mẹ khóc.

Mẹ yêu cầu cậu Há cho em út cậu là Phu xuống ở nhà tôi để trông chừng và dạy anh em tôi học. Em họ của mẹ thì phải gọi bằng “cậu,” nhưng tôi nhất định gọi bằng “chú.” Mẹ sửa mãi, nhưng tôi giả điếc không nghe. Anh Quang hỏi,

“*Răng* mẹ nói *mi* không nghe? ‘Cậu’ mà kêu bằng ‘chú’ – lạ đời *rứa*?”

“Cậu *chi* mà cậu! Cậu *mậu* cường, cậu *ăn* cơm tháng cậu *lường* cậu *đi*,” tôi lặp lại câu đồng dao của trẻ con Huế để bài bác tiếng gọi “cậu.”

Rồi anh Quang cũng bắt chước gọi “chú Phu.” Ngoài cậu Há, tất cả đàn ông em họ mẹ đều được chúng tôi gọi bằng “chú,” và vợ “chú” là “thím.”

Trong họ Hoàng của mẹ, tính vai vế cùng hàng thì mẹ lớn nhất; kế mẹ là cậu Há, cậu lớn tuổi nhất; và hai người được bà con khắp họ nể nang nhất. Các chú khi gặp tình duyên trắc trở đều đến than thở, vắn kể, hay nhờ cậy mẹ và cậu. Trong đó có Hoài con đầu lòng của *ông mụ*, hai vị trưởng thượng mẹ và cậu gọi là “chú thím.” Chú cao lớn trắng trẻo đẹp trai, nói năng nhỏ nhẹ, thi đậu vào trường Cao đẳng Công chánh Sài gòn, và đang học kỹ sư tại trường này. Mẹ thường hãnh diện,

“Con gái Huế đưa *mô* gặp thằng Hoài mà không *mê tí thò lò?*”

Thế nhưng người hùng của mẹ lại lụy một cô gái Huế. Mùa hè trước năm tốt nghiệp, Hoài về Huế và cả tháng trời, hằng đêm từ nhà chú trên Nam Giao đạp xe xuống nhà tôi và khóc lóc với mẹ và cậu Há: Chú đem lòng *thương* cô bạn cùng xóm là Xuân Hậu từ thuở học trung học, nhưng cô sinh viên trường Đại học Sư phạm Huế không những không *thương* lại mà còn mắng chú, “*Đồ cù lẩn*. Đừng theo làm phiền *tui*, *tui ưng* người khác rồi.” Chú khóc với mẹ,

“Chị ơi, em không lấy được Hậu thì suốt đời sẽ không lấy ai hết.”

“Cái ‘*đồ*’ con *nớ* bằng vàng hay *răng* mà *mi* quỵ lụy tới mức *nớ?*” cậu Há nổi giận mắng chú, “*Mi* học xong rồi về Huế đeo tấm bằng kỹ sư trước ngực và đứng *ở lố* [ở trường] giữa cầu Trường Tiền, học trò [trường nữ trung học] Đồng Khánh cũng chạy theo cả bầy. *Tội chi* chết lên chết xuống vì *hắn?*”

Hoài năn nỉ ỉ ôi với mẹ và cậu Há để hai người lên Nam Giao nói với *ông mụ* đem cau trầu rượu đi hỏi Xuân Hậu cho chú. *Ông* tốt nghiệp *agent technique* (cán sự công chánh) trường Cao đẳng Công chánh Đông dương Hà nội đầu thập niên 1940, nay giữ chức vụ cao trong khu Công chánh Trung phần, và được mọi người trong thành phố kính nể. *Ông mụ* mà đi hỏi thì cha mẹ Xuân Hậu sẽ nhận lời, và dĩ nhiên cô con gái Huế sẽ tuân lệnh *cha mẹ đặt đâu con ngồi đó*. Chú cầu khẩn mãi khiến mẹ và cậu xiêu lòng, và chú được như ý.

Đám hỏi của Hoài và Xuân Hậu được cử hành trước khi chú trở lại Sài gòn học. Qua lời bàn luận châm biếm của mẹ và cậu Há, tôi nghe phong thanh nàng học ra trường rồi được bổ vào Phan Thiết dạy. Nàng đã có *bồ*, hình như thất thân với người đó, và rồi bị bỏ rơi nên không còn lựa chọn nào khác.

Hè năm sau Hoài tốt nghiệp kỹ sư công chánh (“KSCC”), *ông mụ* đi cưới Xuân Hậu cho chú. Đám cưới rất lớn, đoàn rước dâu có đủ cờ quạt lọng tàn theo nghi lễ vua chúa xưa, và cỗ bàn rất linh đình. Sau đó, vợ chồng chú đưa nhau vào Sài gòn sống ở Dakao, và tám tháng sau thím sinh ra Hiên; cậu con trai đầu lòng sinh thiếu tháng. Thím không liên lạc hay thăm viếng họ hàng bên chồng, phương chi mẹ và cậu Há là hai người đã khiến thím phải làm vợ chú.

* * *

Ở trường Cao đẳng Công chánh Sài gòn, Hoài học theo quy chế cũ và sau khi đậu Tú tài II chỉ mất ba năm để lấy bằng KSCC. Ban đầu, chú thi vào lớp trung đẳng (ban cán sự) đệ nhất niên và học hai năm rồi thi tốt nghiệp cán sự công chánh. Hội đủ hai điều kiện là có bằng Tú tài II và điểm tốt nghiệp cán sự cao hơn 14/20, chú học lớp cao đẳng (ban kỹ sư) một năm rồi thi tốt

nghiệp KSCC. Năm 1961 là năm cuối cùng các KSCC thuộc quy chế cũ như chú tốt nghiệp. Từ năm 1958, trường chuyển qua quy chế mới, theo đó sinh viên thi nhập học ban cao đẳng, học một mạch bốn năm, và thi tốt nghiệp KSCC. Năm 1962 là năm đầu tiên các KSCC thuộc quy chế mới tốt nghiệp.

Hoài được bổ dụng làm việc tại bộ Công chánh nhưng được phủ Tổng thống đặc biệt chú ý. Tổng thống quê ở huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình, một lòng tin cậy người đồng hương, và nhiệt tình trọng dụng nhân tài Quảng Bình như chú. Đầu năm 1962, dinh Độc lập bị bỏ bom, một góc dinh bị phá sập, và chú được bổ nhiệm làm quản đốc công trường Tái thiết Dinh Độc lập. Đó là một chức vụ lớn làm việc trên quyền kiến trúc sư Nguyễn Văn Thúc, người nhận giải thưởng Khôi nguyên La Mã về kiến trúc. Chú được tổng thống yêu mến, tin nhiệm, và có lần ngỏ ý cho chú đồng hóa vào quân đội với cấp bậc trung tá Công binh, nhưng chú lễ phép từ chối. Tháng Mười Một năm 1963, tổng thống bị lật đổ, các tướng lãnh đảo chánh bắt chú nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức, và chú ra trường mang lon chuẩn úy.

Tôi gặp lại Hoài đầu thập niên 1970, khi mẹ định xây thêm tầng lầu sau nối liền vào căn nhà cư xá Bắc Hải và cho gọi chú đến “tính *bê-tông*,” tức là tính toán và thiết kế họa đồ để xin giấy phép xây cất. Lúc đó chú mang cấp bậc trung úy, hằng ngày chạy chiếc Lambretta đi làm ở cục Công binh trong bộ Tổng Tham mưu. Công việc xong xuôi, nhưng chú vẫn thường xuyên đến tâm sự với mẹ và hay bị mẹ mĩa mai về chuyện vợ con; mẹ hỏi mớ,

“Mợ nớ đi mớ mà cậu tới một mình? Hay mợ đi chơi với bồ, bỏ cậu ở nhà giữ con?”

“Chị ơi, vợ chồng có lúc này lúc khác, giống như trời có lúc mưa lúc nắng vậy thôi,” chú cười buồn, nhưng không than thở một lời.

* * *

Đầu thập niên 1990, tôi có dịp đi nam California, tình cờ gặp lại Hoài trong hội chợ Tết do hội Sinh viên Người Việt ở Nam California tổ chức ở Santa Ana, và đến nhà chú trong khu dân cư an tĩnh gần thương xá Phước Lộc Thọ ở Westminster. Chú cho ba người em ở đậu: Long em kế, Tiên em gái út, và Lân em chú bác. Cả ba người đều đã một thời có gia đình và nay vui đời độc thân nơi xứ người như chú.

Hoài kể năm 1975, Việt Cộng vào, chú bị đi tù “cải tạo” và vì là sĩ quan Công binh làm văn phòng, chỉ bị tù sơ sớ có . . . ba năm. Được thả, chú về Sài gòn sống lang thang, không thể về nhà cũ vì Xuân Hậu đã làm giấy ly dị; Hiên con trai hai người sống với thím. Chú xoay xở tìm đường vượt biên. Lần thứ nhất, thất bại quay về. Lần thứ hai, chú bị Việt Cộng bắt lại và giam ở khám Chí Hòa hơn một năm. Được thả ra, chú lại vượt biên. Lần này thành công sang nam California, chú làm kỹ sư cho sở Thủy cục và Điện lực Thành phố Los Angeles.

Lần kế tiếp tôi ghé lại nam California, Hoài đưa tôi đi ăn và đi nghe nhạc và trút tâm sự như ngày nào tâm tình với mẹ. Những buổi tối đi *bay bướm*, chú đến phòng dạy khiêu vũ kết bạn với các nữ học viên cần *partner* để tập dượt. Nhiều cô sồn sồn độc thân đi học khiêu vũ cốt để tìm đối tượng hôn nhân nhận ra chàng kỹ sư trên ngũ tuần đẹp người, nhảy giỏi, và hào phóng là mục tiêu sáng giá. Nhưng sau những mục nhảy đầm, mời đi ăn, rủ đi phòng trà, v.v., chú

không đưa cô nào về nhà hay hứa hẹn điều gì có thể buộc chân con tim chỉ chứa hình ảnh một người đàn bà – Xuân Hậu.

Giữa thập niên 1990, được tin Xuân Hậu và Hiên được gia đình thím bảo lãnh sang San Francisco, Hoài vô cùng mừng rỡ, xin nghỉ phép lái xe từ Westminster lên phi trường Quốc tế San Francisco chờ gặp cố nhân. Xuống máy bay, vừa thấy mặt chú là thím mắng xối xả, “Anh là *ma trêu quỷ ám*, phá hại đời *tui* bên Việt nam chưa đã hay sao mà qua đây còn tính tới phá nữa?” Nước mắt lưng tròng, chú yên lặng đứng ra xa nhìn mẹ con thím cho đến khi họ khuất dạng.

Từ đó, cứ mỗi hai tuần, ngày thứ Bảy, bất kể mưa bão hay giá lạnh, Hoài lại đi tìm hình bóng thương yêu ngày cũ. Chú lái xe tám tiếng đồng hồ từ nhà lên San Francisco, đứng dưới đường thờ thần nhìn lên cửa sổ căn *apartment* của mẹ con Xuân Hậu trên lầu bốn, đi lui đi tới đến hết buổi chiều, và lẳng lặng lên xe lái về nhà, lòng tràn ngập niềm vui.

Ngồi trên chiếc Toyota Avalon mới toanh của Hoài, kiểu xe được xem là sang trọng trong giới tỵ nạn người Việt ở nam California bấy giờ, tôi để ý đến bảng số xe đặc biệt – HHH 999 – và hỏi chú. Chú cười hãnh diện,

“Ba chữ ‘Hát’ là Hoài, Hậu, và Hiên. Còn ba số ‘Chín’ là con số hên nhất cho *tui*.”

“Yêu như chú mới gọi là tình yêu tốt đỉnh. Cháu xin bái phục,” tôi *fini l’eau dire* (“hết nước nói,” nói theo kiểu tiếng Tây bồi).

Một buổi tối mùa xuân 2002, đang khiêu vũ ở phòng dạy khiêu vũ, Hoài đột nhiên bị liệt tim ngã gục trên sàn và từ giã cõi đời, nhanh chóng và nhẹ nhàng. Tôi bay xuống nam California dự đám tang chú và trông thấy Hiên lần đầu. Nó từ San Francisco xuống chịu tang và, theo di chúc của chú, thừa hưởng tất cả tài sản chú để lại. Từ sắc diện đến lối cư xử, chữ “Hát” thứ ba không hề phảng phất một nét gì hay đẹp của cha nó. Ngay sau đám tang, nó ra hạn cho bà cô và hai ông chú ở trong nhà (bây giờ của nó) dọn đi trong vòng hai tuần lễ; nhân viên địa ốc sẽ đến lo việc bán nhà.

Hoài qua đời mang theo mối tình thiên thu không hề phai nhạt theo thời gian. Thế gian này dễ có mấy người?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 25 tháng Chín, 2024

PHỤ LỤC: Bài thơ "Qua Trời Phố Nhớ" của Tràm Cà Mau

Trích điện thư gửi Nguyễn Ngọc Hoa – Ngày 8 tháng Hai, 2025:

. . . Tôi được biết anh H kỹ sư và chị H giáo sư khá nhiều. Biết chị H từ khi chị học đệ ngũ, đệ lục. Chị nhí nhảnh vui tươi và rất nghịch ngợm. Nhan sắc thanh thoát, đẹp. Còn anh H thì tôi quen biết từ hồi ở Đại Học Xá Minh Mạng. Trắng trẻo, đẹp trai. Nhảy đầm giỏi.

Câu chuyện anh viết, đúng là anh H thương yêu thấm thiết, sâu đậm, mù quáng và “thất tình” với vợ. Còn chị H thì để trái tim cho một kẻ không ra gì, cũng tha thiết, mù quáng. Cho nên lơ là hắt hủi với hạnh phúc gia đình, mà đáng ra nên trân trọng đắp xây. Anh H thì khi nào cũng buồn bã, bi quan, yếm thế, than thở.

Khi tôi ở San Francisco, nhiều đêm anh H ghé nhà tôi rất muộn, giữa đêm khuya lạnh lẽo, sương mù mịt mù trên trời đất. Tôi biết anh từ miền Nam lái xe lên San Francisco để đi bộ ngang qua lại nhà chị H, nhìn vô cửa sổ trên lầu, cầu may thấy bóng chị H in qua cửa kính trên cao. Rồi khuya đến nhà bạn hay nhà trọ ngủ lại. Hôm sau lái xe về Orange County. Đi đường gần tám giờ. Nhiều bạn bè biết chuyện, thường khuyên và trách anh nặng lời, nhưng tôi thì nghĩ rằng tình yêu là mù quáng, không ai đúng ai sai. Trời cũng không khuyên nổi. Chỉ khuyên anh nhẹ lời.

Thấy tội anh quá. Tôi cảm xúc, có làm bài thơ sau đây. Để tả cái cảnh San Francisco sương bay mịt mù và lòng anh nặng trĩu. . . .

QUA TRỜI PHỐ NHỚ

(Viết tặng HCH)

*Trời xuống thấp, tình xưa chùng cay đắng,
bóng em đâu? nhức nhối khoảng tim buồn
bốn mươi năm vẫn lòng ta hoang vắng,
còn yêu người tràn thác đổ mây tuôn.
đêm phố chật, hồn ta mệnh mỏng rộng,
trí miên man, dư nỗi nhớ điên cuồng
người hắt hủi sao ta còn trông ngóng?
ấm êm nào, ngày xưa vắng dư hương . . .
đốt kỷ niệm soi hồn người trong mộng,
mỏi mòn chờ, sương trắng mái tà dương
giữa trần gian, hai khung đời chiếu bóng
giận hờn chi, năm tháng lạnh chần giường!
ta đứng lặng, nghe dòng đời ngưng đọng,
ôm vai trần giá buốt thấm hơi sương . . .
mải đuổi bắt, vết thương hằn kiếp sống
biết sao nguôi, trong vũng nhớ tình trường.*

Tràm Cà Mau

Sợi Dây Chuyện Tượng Phật

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Một buổi sáng trời mưa lất phất, mẹ và ba anh em tôi – *thằng Gái* (tên ở nhà của Quang) lên mười, *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi) lên sáu, và Sang lên ba – gạt nước mắt từ giã ông nội và rời làng quê Quảng Bình. Nội nhất định không rời quê cha đất tổ và ở lại để “giữ gìn mồ mả tổ tiên.” Mẹ ẵm Sang, *thằng Gái* xách chiếc giỏ mẹ dùng đi chợ trong đựng thức ăn, và tôi tay không lẽo đẽo theo sau. Cái rương nhỏ đựng áo quần đã được anh Đồng anh họ tôi mang đi trước. Đây là lần duy nhất trong đời tôi phải đi bộ lâu và xa đến như thế. Chỉ sau một tiếng đồng hồ, đôi chân tôi mỏi nhừ, bàn chân phải hồi trước bị thương trở nên nhức nhối, và tôi khập khiễng bước chậm lại. Lưng cồng Sang, tay xách giỏ đồ ăn để *thằng Gái* rảnh tay dìu tôi, mặt đỏ gay, và mồ hôi lấm tấm trên trán, mẹ mệt lả – tôi biết – nhưng vẫn luôn miệng khuyến khích tôi,

“Gần tới rồi con, rán lên kéo trể tàu.”

Dưới ánh nắng chói chang, tôi cắn răng chịu đau và kéo lê thân hình bước tới. Con đường tới tàu “há mồm” di cư vào Nam sao mà dài bất tận. Lên tàu tôi mệt đừ nằm lả ra ngủ một lèo đến sáng hôm sau, khi tàu cập bến Đà Nẵng. Dân di cư được đón tiếp bởi nhiều người thành thị ăn mặc khác hẳn với người làng tôi và nói tiếng địa phương *chô choa* (“chu cha”) nghe như tiếng ngoại quốc. Mọi người lên xe *Giem-Xê* (GMC, đọc theo tiếng Pháp) vận tải nhà binh về trại tạm cư là ngôi trường học có một số phòng rộng. Mỗi gia đình được cấp phát mền chiếu để ngủ và gạo và nước mắm để nấu ăn. Đêm đầu, lần đầu tiên ngủ trên sàn nhà, tôi “lạ giường” và “lạ nhà” thao thức cả buổi tối, cố nằm yên, và nửa đêm mở mắt thấy mẹ nằm ôm Sang vào lòng khóc thút thít.

Gia đình người làng Hoàn Lão huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình nằm ở chiếu bên cạnh gồm ông cụ trạc tuổi nội, thiếu phụ khoảng tuổi mẹ là con gái cụ, và đứa cháu gái cụ tên Dương xuýt soát tuổi *thằng Gái*. Dương làm quen dạy tôi chơi đánh thẻ, trò chơi con gái dùng mười chiếc đĩa gọi là thẻ và trái banh nhỏ để thả bắt. *Thằng Gái* làm lý nhìn chúng tôi chơi và kín đáo theo dõi một thanh niên tên Viện ngủ ở chiếu kế tiếp. Anh không có thân nhân, ăn mặc khá tươm tất, và ân cần thăm hỏi mọi người, nhưng nói tiếng khó nghe, không giống tiếng tỉnh tôi.

Ông cụ Hoàn Lão nhớ nhà nhớ quê nhớ bà con thân thuộc nên khóc lóc, trách con gái đã khiến cụ lìa bỏ quê hương làng nước đi tha phương cầu thực nơi đất khách quê người, và chửi rủa anh con rể đi lính xa bỏ bê vợ con khiến cụ phải gánh chịu khổ sở. Thiếu phụ hết khuyên giải lại năn nỉ cụ nhưng vô hiệu, trong lúc Viện to nhỏ bên tai cụ ra vẻ ý hợp tâm đầu.

Một buổi tối nhân lúc ông cụ Hoàn Lão khóc lớn tiếng, Viện kéo cụ ra giữa phòng và đứng ra hô hào mọi người trở về quê cũ “hưởng độc lập, tự do, và hạnh phúc” và nhất là “đừng nghe lời Mỹ - Diệm cho ăn bánh vẽ.” Anh nói thao thao khiến cho ai nấy đều hoang mang, và ông cụ hối thúc con gái sửa soạn hồi hương. Anh giục giã,

“Bà con mau mau rời khỏi đây. Ra ngoài kia sẽ có ‘nhân dân’ đón tiếp đưa về quê quán; bà con ở đâu về lại nơi đó.”

Giữa lúc ấy, *thằng Gái* mạnh dạn bước ra chỉ mặt Viện,

“Bà con đừng nghe lời *thằng ni*. *Hắn* là cán bộ *Vệ* chứ không phải người di cư mình. Bà con coi đây.”

“*Vệ*” là do cách đọc “VM” tức là Việt Minh. Anh tôi tới chiều của Viện mở tung chiếc ba lô chứa truyền đơn mang cờ đỏ sao vàng. Vài thanh niên xúm lại xem xét, và khi họ quay lại định hỏi tội thì Viện đã cao bay xa chạy. Biến cố này khiến mẹ quyết định rời trại tạm cư và hôm sau, giao tôi và Sang cho *thằng Gái* trông nom để mẹ đi kiếm nơi tá túc. Buổi chiều, mẹ trở về trên chiếc xe *đốt-cát* (Dodge 4x4, đọc theo tiếng Pháp) nhà binh do *dượng Tụng* cầm lái. *O Nậm* vợ *dượng Tụng* là em họ của cha và theo *dượng* rời làng đã lâu. *Dượng* làm trung sĩ Công binh đóng đồn ở Đà Nẵng, *o dượng* và hai cô con gái nhỏ ở trong trại gia binh, và chúng tôi sẽ ở nhờ nhà *o dượng* trong lúc đợi tin cha.

Khi chia tay, *Dương* mở sợi dây chuyền tượng Phật đeo trên cổ đưa tặng *thằng Gái*, “Mai mốt lớn *mi* muốn lấy *tau*, *tau* ưng liền.” Anh cầm sợi dây chuyền nhìn mẹ, mẹ khẽ lắc đầu; anh lúng túng trả lại,

“*Tau* đi học tên là Quang, *mi* biết không?”

“Nhớ rồi. *Tau* chờ *mi* tới hết năm 20 tuổi; gái Hoàn Lão nói là nhớ đời,” *Dương* mím môi.

* * *

Gánh vác trách nhiệm người đàn ông của gia đình, Quang giúp mẹ quyết định việc học hành của các em cũng như nơi ăn chốn ở cho cả nhà, trong khi cha như người khách lạ, lâu lâu xuất hiện nã tiền mẹ và gây sóng gió rồi đi. Khi gia đình về Huế, thấy mình học trễ, anh quyết định *băng* (học nhảy) đệ thất (lớp 6) lên thẳng đệ lục (lớp 7). Sau đó, cuối năm đệ tứ (lớp 9) anh bị ốm gần hai tháng liền nên khi so sánh với tôi, anh than là mất căn bản và học hành chật vật. Nhưng Ngọc Liên, bạn học cùng lớp đệ tam (lớp 10) và đệ nhị (lớp 11) với anh ở trường Bán Công Huế, lại tiết lộ,

“Anh học giỏi nhất trường! Từ thầy hiệu trưởng tới mấy giáo sư, ai cũng khen anh thông minh, hiểu rộng, và giỏi ứng biến. Anh nhỏ tuổi nhất lớp, *bé hột tiêu*, nên được thầy kêu là *Le Petit Poucet*.”

Le Petit Poucet (tiếng Pháp là “Ngón tay cái nhỏ”) là một chú bé nhỏ người mà tinh tế, thông minh, và tài trí trong truyện cổ tích cổ điển *Le Petit Poucet* (bản tiếng Việt dịch thành *Chú Bé Tí Hon*) của Charles Perrault (1628 - 1703). Cái danh hiệu ấy thực hợp với Quang. Khi mới nghe lần đầu, tôi ngạc nhiên,

“Anh học giỏi *rứa* mà có thèm nói cho ai biết *mô*!”

“Chị nghe anh khen *Bà Hoa* hoài, nhưng chị nghĩ hai anh em học giỏi như nhau. Mỗi người một cách,” Ngọc Liên khéo léo trả lời.

“Nói *rứa* là Liên chưa biết thằng *Ba Hoa ni*. Mới ngó ngoài mặt tưởng *hẩn* ngu ngu, mà ngó kỹ thì *hẩn* ngu thiệt – ngu hơn ông Einstein!” anh cười lớn.

Mẹ nói Ngọc Liên tuổi Mùi, lớn hơn Quang một tuổi, và là con nhà trâm anh thế phiệt. Từ trên Kim Long, mỗi chiều Chủ Nhật đạp xe xuống nhà tôi thăm viếng, chị nói chuyện với mẹ nhiều hơn với anh tôi. Vẻ đẹp thủy mị, cử chỉ dịu dàng, và tính nết đoan trang của chị đã chinh phục lòng mẹ; mẹ nói với cả nhà,

“Tau chấm con *ni* rồi. Được cả người cả nết, công dung ngôn hạnh vẹn toàn!”

Mùa hè tôi thi đậu Trung học Đệ nhất cấp, mẹ cho tôi theo cậu Há đi Quảng Trị thăm bạn cậu là ông Hải làm sĩ quan như cha. Cậu là em chú bác của mẹ; mỗi khi tôi làm điều gì lầm lỗi, mẹ cho “điều lên để cậu xử tội,” và tôi trở thành đứa cháu gần gũi với cậu nhất. Không dè tôi lại gặp lại Dương, cô gái Hoàn Lão ở trại tạm cư; ông Hải là cha chị. Chị cho biết vài ngày sau khi chúng tôi rời trại, ông đến tìm mẹ con chị, ba năm sau ông ngoại chị bị bệnh mất, và nay chị có thêm hai cô em gái nhỏ.

Nhờ tính dạn dĩ của Dương, chúng tôi nối lại tình bạn xưa rất nhanh. Dưới mắt Dương, tôi vẫn là *thằng Bé* tám năm trước; chị dẫn tôi ra chợ Quảng Trị ăn bún bò Huế và kể chuyện học hành và bạn bè ở trường trung học Nguyễn Hoàng, hết hè chị sẽ lên đệ nhị; tôi vốn nhút nhát nên chỉ nghe và ừ hử cho qua chuyện. Chị không hỏi về Quang, nhưng trước khi tôi theo cậu Há ra bến xe về lại Huế, chị đưa cho tôi cái hộp nhỏ đựng nữ trang,

“*Bé* đưa *cấy ni* [cái này] cho Quang giùm mình và nói mình vẫn chờ *eng* [anh].”

Tôi giật nảy người xua tay nhất định không nhận, nhưng chị nhét vội vào túi áo tôi rồi bước nhanh vào nhà. Trên xe trên đường về, để khỏi bị cậu Há hạch hỏi, tôi giả vờ nhắm mắt ngủ và nặn óc suy nghĩ làm sao cất giấu sợi dây chuyền mà không bị khám phá ra. Tôi biết chắc nếu đưa nó và chuyển lời chị cho Quang, tôi sẽ không được yên thân với anh rất lâu.

* * *

Mùa hè 1963, Quang đậu Tú tài II hay Tú tài Toàn phần. Mẹ mở buổi tiệc đãi bà con họ hàng mừng anh thi đậu. Tiệc xong, khách khứa về hết, chỉ còn cậu Há; mẹ gọi anh ngồi vào bàn,

“Con là chim đầu đàn trong gia đình và người đầu tiên trong họ đậu bằng Toàn phần. *Chừ* phải lo chuyện tương lai.”

“Chị nhờ *tau* viết thư bàn với cha *mi* và hỏi ý kiến vài người khác. Ai cũng nói Huế *chừ* thiếu nhà thuốc Tây, *mi* nên học dược là ngành có thu nhập cao để phụ giúp mẹ *mi* nuôi nấng *em tam* [em út]. Điều kiện nhập học trường Đại học Dược khoa Sài Gòn tương đối dễ dàng: chỉ cần có một dược phòng nhận làm *stage* [tiếng Pháp là tập sự] trong lúc học. Chú con Liên là dược sĩ có nhà thuốc trên đường Lê Lợi Sài Gòn và sẵn sàng nhận *mi*,” cậu Há tiếp lời mẹ.

“Cám ơn mẹ và cậu đã khổ công lo cho con. Nhưng chín năm qua, từ ngày bước chân lên tàu di cư vô Nam, con đã nuôi mộng trở về giải phóng quê hương và trả thù cho nội đã bị tụi *hẩn* dã man đầu tổ và sát hại để cướp đoạt tài sản ruộng vườn. Nợ nước, thù nhà; làm *răng* con yên phận sống đời dân sự bình thường?” Quang đưa ra tờ lệnh gọi nhập ngũ, “Con đã được

trường Võ bị Quốc gia thu nhận và đã hoàn tất thủ tục khám sức khỏe. Thứ Hai con trình diện Tiểu khu Thừa Thiên, và họ sẽ cung cấp phương tiện di chuyển lên Đà Lạt để vào trường võ bị.”

Cuối hè năm 1970, chàng cựu sinh viên sĩ quan Võ bị Quốc gia khóa 20 mang cấp bậc đại úy chỉ huy toán thám báo gồm năm “thằng đệ tử” chuyên hoạt động trong lòng địch ở vùng Cao nguyên đã được hơn hai năm. Toán thám báo có nhiệm vụ dò tìm căn cứ đóng quân, kho hậu cần, và đường chuyển quân của Cộng quân để báo cáo về đại quân là Sư đoàn XX Bộ binh. Người ta nói xác suất tử vong mỗi năm của người lính thám báo cao hơn 50 phần trăm. Quang đã sống sót qua hết năm thứ hai. Rốt cuộc tin dữ đến: Sau khi hoàn thành sứ mạng, trên đường về, toán thám báo bất ngờ bị địch phát giác và sát hại.

Tiến đưa anh lần cuối vào một buổi sáng đầu thu lạnh của núi rừng Ban Mê Thuột, Ngọc Liên chỉ dẫu tôi rũ người khóc sụt sùi trên vai mẹ. Ra đi để lại ba đứa con thơ dại, anh mãi là người anh hùng của trong lòng chị. Và suốt đời tôi.

* * *

Mùa hè đỏ lửa 1972, sau khi Thủy quân Lục chiến Việt nam Cộng hòa tái chiếm Cổ thành Quảng Trị và tình hình miền Trung tạm yên ổn trở lại, cậu Há từ Đà Nẵng vào Sài Gòn thăm bạn bè. Lúc này tôi đã tốt nghiệp kỹ sư và dạy học ở Sài Gòn. Tôi đến thăm cậu ở nhà bạn cậu trên đường Yên Đỗ. Cậu cháu gặp nhau mừng rỡ và kể cho nhau đủ thứ chuyện mới cũ trong gần chín năm không gặp. Đợi đến lúc tôi gần ra về, cậu long trọng nắm tay tôi, giọng xúc động,

“Cậu báo tin cho *mi* tin buồn là con Dương mất rồi.”

“Thật sao cậu? Mất lúc nào, làm sao?” tôi la lên thất thanh khi bất ngờ nghe tin người bạn cũ đã ra đi.

“Thằng Hải mới cho cậu biết vợ con *hắn* bốn mạng bị Việt Cộng pháo kích chết trên đường di tản từ Quảng Trị vô Huế. Đoạn đường *nó* bị kêu là ‘Đại lộ Kinh hoàng’ vì tụi Việt Cộng man rợ nhả tâm nã hàng trăm trận mưa pháo lên đầu dân lành vô tội. Người mình chết vô số. Chỉ vì họ chạy trốn tụi *hắn*. Cậu thành thực chia buồn với *mi*. Con Dương không còn sống để đợi *mi* như lời ước hẹn.”

Thì ra lúc rời nhà ông Hải ở Quảng Trị, cậu Há trông thấy Dương đưa cho tôi sợi dây chuyền, nhưng nghe tiếng được tiếng mất nên tưởng lầm chị tặng tôi và hứa sẽ chờ tôi. Có lẽ vì vậy mà cậu cất công vào Sài Gòn báo tin buồn cho tôi. Tôi lặng người, nhưng không cải chánh. Chị và Quang đều đã khuất, cậu nghĩ lầm cũng không hề gì.

Từ đó, tôi luôn luôn đeo sợi dây chuyền tượng Phật của Dương. Và không nói cho ai biết tại sao.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 23 tháng Mười, 2024

Chim Chích Lạc Vào Rừng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sáu giờ rưỡi sáng ngày 17 tháng Tám năm 1975, chiếc xe buýt lớn chở vợ chồng tôi và bốn đứa em cùng với một số người tỵ nạn khác lăn bánh ra khỏi cổng trại tỵ nạn Trại Pendleton ở nam California. Xe chạy lên phi trường Quốc tế Los Angeles và ngừng lại trước một phi trạm cho gia đình tôi xuống. Người Mỹ đầu tiên chúng tôi gặp ngoài trại là một cặp vợ chồng lớn tuổi hiền hậu. Là người tình nguyện của chi hội Hồng thập tự Los Angeles, họ chào đón và hướng dẫn chúng tôi đến quầy vé hãng Hàng không Northwest để *check-in* (ghi tên lấy thẻ lên tàu) cho chặng bay đầu tiên tới Denver, Colorado.

Tôi mang tập vé máy bay trình ở quầy vé, nhân viên phụ trách không nhìn lên hỏi trống lỗng, “Smoking or non?” Tôi bối rối, “hút thuốc hay không” nghĩa là làm sao? Tôi yêu cầu lặp lại câu hỏi. Vẫn là, “Smoking or non?” Hay anh ta bảo tôi không được hút thuốc? Vô lý, tôi không thấy bảng cấm, và nhiều người chung quanh đang hút thuốc tỉnh bơ mà ai nói gì đâu. Tuy vậy, tôi tiếc rẻ dụi điếu thuốc lá mới hút một phần ba vào chiếc gạt tàn trên quầy. Đó là điếu thuốc đầu tiên tôi thưởng thức trong gần một trăm ngày, mới được khai ra từ bao thuốc mới toanh mấy người bạn trong trại chung nhau mua tặng làm quà chia tay. Anh nhân viên bấy giờ mới ngẩng đầu lên, trả lại tập vé kèm theo xấp thẻ lên tàu,

“Cám ơn. Chúc ông thượng lộ bình an.”

Hơn một tiếng đồng hồ sau, lên máy bay tôi mới hiểu ra. Khác với Air Vietnam bên nhà, ở đây chỗ hành khách ngồi trên phi cơ chia làm hai khu – khu hút thuốc và khu không hút thuốc. Anh quầy vé hỏi chúng tôi muốn ngồi ở khu nào và khi thấy tôi hút thuốc, tự ý chỉ định chúng tôi vào khu hút thuốc.

Phi cơ lên tới cao độ bình phi, viễn ảnh của cuộc sống mới trên miền đất tự do khiến tôi phần khởi tự thưởng cho mình điếu thuốc lá thứ hai và gọi hai lon bia Budweiser, một lon cho tôi và một lon cho Sang em trai kế. Quỳnh Châu và các em khác được uống nước ngọt miễn phí. Nhăm nhĩ những ngụm bia đầu tiên trong hơn ba tháng và thấy lâng lâng với hơi men, tôi không quên đó là lon bia đắt giá nhất đời: Mỗi lon phải trả \$1, một phần mười tài sản hiện tại của tôi. Khi xuất trại, Cơ quan Di trú và Tỵ nạn Lutheran, tổ chức thiện nguyện giúp tìm bảo trợ và dàn xếp việc định cư, cấp cho mỗi người \$10 làm lộ phí; giờ đây tôi và Sang mỗi đứa còn \$9.

Xuống phi trường Denver, chúng tôi được một thanh niên trạc tuổi tôi đón và đưa sang quầy vé hãng Hàng không Frontier để *check-in* cho chặng cuối tới Bismarck, North Dakota. Anh tự giới thiệu là Ron (gọi gọn của tên Ronald), người tình nguyện của chi hội Hồng thập tự Denver. Hình như anh phải bỏ một buổi làm để ra phi trường giúp chúng tôi. Trong gần ba tiếng đồng hồ trước khi máy bay cất cánh, tôi và Ron nhìn nhau ngượng ngịu. Anh ít lời, và tôi lễ phép bày tỏ lòng biết ơn bằng những lời lẽ khách sáo như “Chúng tôi đã phí phạm thì giờ của anh,” “làm phiền anh,” “gây ‘bất tiện’ cho anh,” v.v. Người Mỹ tốt bụng này không thể nào hiểu được cái đái bồi lắt léo của tiếng Việt nên nói thẳng thắn,

“Nếu ông không muốn tôi có mặt ở đây, tôi có thể để gia đình ông đi một mình.”
“Không, không phải vậy . . .” tôi lắp bắp; lại thêm một chuyện “ngôn ngữ bất đồng”!

Họ đạo nhà thờ Ba Ngôi Lutheran bảo trợ chúng tôi ra đón chúng tôi ở phi trường Bismarck. Các em tôi đi về nhà trên xe hai nhóm thanh niên trẻ, và tôi và Quỳnh Châu đi với vị đại diện nhà thờ là ông Ryland Gardner. Trong mấy tuần qua tôi đã tiếp xúc với ông bằng thư và thường xuyên hơn bằng điện thoại viễn liên gọi từ phòng điện thoại công cộng. Dùng vô tội vạ lối gọi *collect* của Hệ thống Điện thoại Bell ở Bắc Mỹ rất giản tiện cho người gọi đi, nhưng rất *đau* túi tiền của người “được” gọi, tôi chỉ cần quay số “không” (*zero*) tới tổng đài và nói tên người và số điện thoại muốn gọi tới. Nhân viên tổng đài gọi số đó và khi khổ chủ đồng ý trả tiền cú điện thoại *collect* (làm sao từ chối cho được!), nối cho hai bên nói chuyện.

Chúng tôi về đến nhà, đèn đuốc bật lên sáng trưng, chiếc bánh lớn ghi dòng chữ “Welcome to Your New Home (Chào mừng các bạn về nhà mới)” cùng các thức uống bày sẵn sàng trên chiếc bàn lớn giữa phòng ăn, và tiệc tiếp tân dành cho chúng tôi bắt đầu. Tiệc tàn, khách thu dọn sạch sẽ mọi thứ rồi hối hả ra về. Ông Gardner về sau cùng và hẹn mười giờ sáng hôm sau đưa tôi đi ký hợp đồng thuê nhà và làm các thủ tục giấy tờ khác. Tôi nhìn đồng hồ: mới chín giờ rưỡi tối; chắc hẳn dân tỉnh nhỏ có thói quen đi ngủ sớm để mai đi làm.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm, nấn ná pha cà-phê uống, và mở *ti-vi* xem tin tức. Bảy giờ 45, ông Gardner bấm chuông; tôi mời ông vào và hỏi ông dùng cà-phê sáng chưa. Ông cảm ơn và nói,
“Chắc mình không đủ thì giờ; anh sẵn sàng chưa?”
“Bác nói mười giờ, còn sớm mà,” tôi ngạc nhiên.
“Bây giờ là chín giờ 45,” ông giơ tay đưa đồng hồ ra.

Thì ra giờ Bismarck đi trước giờ California hai tiếng đồng hồ. Chuyện này, tôi mù tịt.

* * *

Giữa tháng Chín, tôi nhận việc tại trụ sở trung ương Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) và khởi đầu sáu tháng tập sự ở sở Truyền Điện. Sở có nhiệm vụ thiết kế, trông coi xây cất, và bảo trì các đường dây tải điện cao thế, một lãnh vực hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Ông cán sự già Ed (gọi gọn của tên Edward) được cất cử giúp tôi làm quen với công việc mới. Ông sinh ở Hy Lạp và theo cha mẹ di cư sang Hoa kỳ năm lên mười. Tốt nghiệp trung học, ông học làm thợ đường dây một năm ở trường dạy nghề rồi được MDU nhận vào làm việc. Ban ngày leo cột điện, ban đêm ông cặm cùi học chương trình cán sự điện hàm thụ và sau đó chuyển về trụ sở trung ương.

Tháng đầu tiên, tôi vật lộn với hai tập sách khó *nhá* nhất. Một tập là *Tiêu chuẩn Truyền Điện* trình bày phương pháp mẫu mực để thiết trí trụ điện và đường dây tải điện, và đo đạc và vẽ trắc đồ đường dây đối với mặt đất. Tập thứ hai là *Phương cách Kế toán* liệt kê các trương mục dùng để phân loại và chiết tính giá thành của các dự án xây cất. Hai tập sách chứa toàn danh từ chuyên môn lạ; tôi ôm sách chạy quanh nhờ Ed và mấy bạn kỹ sư giải thích. Để tìm hiểu đặc tính kỹ thuật của các thiết bị điện, tôi nhờ Ed lục kiếm mục lục hàng hóa do nhà chế tạo cung

cấp; ông vui vẻ tuân theo cũng như kiên nhẫn chỉ dẫn cho tôi các cách thức làm việc, dường như thông cảm nỗi khó khăn của kẻ di dân mới.

Qua tháng thứ tư, thời tiết mùa đông khắc nghiệt ập tới, tôi phải theo Ed ra ngoài trời đo đạc và khảo sát địa thế, và thu góp dữ kiện về đường đi của các đường dây tải điện cao thế. Tôi chỉ có mặt để chứng kiến và học việc; việc mang máy móc, đo đạc, và làm việc thực sự thì do Ed và hai người thợ đảm trách. Nhưng tôi phải lội tuyết có khi cao tới đầu gối ngoài đồng trống, chịu rét căm căm, và tối về bị cảm lạnh phải uống cả nắm *aspirin* để ngủ yên và chuẩn bị ngày hôm sau “chiến đấu” tiếp.

Giờ trưa nghỉ, bốn người chúng tôi vào ăn trưa ở quán The Little Cottage (Túp lều nhỏ), một *café* nằm ở rìa thành phố. “Café” là quán ăn bán cả đồ ăn lẫn thức uống và có thực đơn giới hạn với món ăn tương đối đơn giản và giá phải chăng. (Người Mỹ gọi quán cà-phê là “coffeehouse.”) Đây là quán ăn tôi nếm mùi đầu tiên ở Hoa kỳ; tôi cũng xem thực đơn, nhưng không biết món nào là món nào nên gọi thức ăn bằng cách chỉ tay vào Ed, “Tôi ăn giống như ông này.” Tôi ngạc nhiên khi thấy bà bồi bàn lớn tuổi đưa ra bình cà-phê nóng và khi khách uống hết, đưa ra bình khác; khách uống *thả giàn*. Cuối bữa ăn, Ed trả tiền cho cả bọn và sau đó về sở điền *expense report* (phiếu ghi công tác phí) để được hoàn trả; tôi không phải làm gì cả.

Sau thời kỳ tập sự, tôi chuyển sang làm việc chính thức ở nha Điều hành Hệ thống Điện. Lúc này, tôi và Quỳnh Châu bắt đầu được nhờ đi làm thông dịch viên cho đồng hương không rành Anh ngữ trong cộng đồng người Việt Bismarck nhỏ bé, và nhờ đó tôi quen thân với Dân người Huế hào phóng và hiếu khách. Một sáng thứ Bảy, tôi đưa anh và bạn anh là Phúc đi mua bảo hiểm cho hai chiếc xe cũ hai anh vừa mua. Xong việc, Dân nhất định mời tôi “đi tiệm” ăn trưa để đền ơn. Tôi đưa hai anh đến The Little Cottage, quán ăn duy nhất tôi đã tới.

Trưa thứ Bảy, quán đông khách, chúng tôi đứng sắp hàng chờ bàn trống. Dân vốn quen với lối khách tự ý ngồi vào bàn của tiệm ăn Việt nam, không ngừng chỉ trỏ, “Anh *Ba Hoa* tề [kia], bàn tề [kia] rộng mà chỉ có một người ngồi, *răng* [sao] anh không nói với họ để mình ngồi chung?” Tôi cảm thấy làm như thế sẽ có điều gì không ổn nên cố lần lữa,

“Chịu khó chờ một chút đi anh. Trước sau *chi* cũng đến mình.”

“Hay anh sợ bóng sợ vía mấy thằng Mỹ?” Dân hết kiên nhẫn, “Mình tới ngồi chung bàn, ăn trả tiền đàng hoàng chớ có ăn cắp ăn trộm *chi* của ai mà sợ? Anh nhát gan vừa vừa thôi *chớ!*”

Bị nói khích, tôi đến trước bàn chỉ có một ông Mỹ già trông có vẻ hiền lành và lễ phép hỏi,

“Chúng tôi có thể ngồi chung với ông ở bàn này hay không?”

“Không được, tôi chưa ăn xong,” ông ta giận dữ ném chiếc khăn ăn lên mặt bàn, “Tại sao anh đến sau mà không chịu đợi người khác ăn xong?”

Tôi nhận ra mình vừa toan làm một điều *không giống ai* nên vội vàng xin lỗi và rút lui vào hàng đứng chờ. Hai tuần sau, tôi lại đưa Dân và Phúc đến hãng bán xe cũ khiếu nại về chuyện hợp đồng mua bán xe không ghi đúng theo lời cam kết của người bán xe; nhân viên bán xe cũ là một loại người bị xem thiếu thành thật nhất ở Hoa kỳ. Xong việc, hai anh lại đòi tôi đưa đi ăn *fast*

food (tiệm đồ ăn nấu và bán cho khách ăn vội) cho biết . . . mùi đời. Tuy chưa đi ăn *fast food* lần nào, tôi cũng hằng hái đưa hai anh đến tiệm Burger King gần đó. Năm ngoái, khi còn ở Việt nam, tôi đã nghe cô bạn đồng nghiệp Diễm Sương tả tiệm ăn này.

Diễm Sương người Huế đậu Cao học Sinh Hóa tại Đại học Missouri-Columbia ở Columbia, Missouri và đầu niên khóa 1974-1975, về trường Đại học Kỹ thuật thuộc viện Đại học Bách khoa Thủ Đức dạy cùng với tôi. Một sáng Chủ Nhật đi ăn sáng chung với tôi và vài người bạn đồng sự Đại học Kỹ thuật ở tiệm phở Tàu Bay trên đường Lý Thái Tổ, nàng bình phẩm,

“Thấy tô xe lửa của tiệm *ni*, tôi nhớ tới tiệm Burger King bán *fast food* nổi tiếng bên Mỹ. Công ty *nó* rất lớn, có chi nhánh khắp cả nước, và chỉ đứng sau McDonald’s. Burger King có một loại xăng-úych [sandwich] kêu là *king burger* thiệt ngon và to, ăn hoài không hết.” “Tô xe lửa” là tô cỡ lớn nhất của tiệm phở Tàu Bay.

Thật dễ nhớ, tiệm Burger King có món *king burger* vừa ngon vừa rẻ. Tôi hiên ngang dẫn hai ông bạn nhà quê . . . gần bằng tôi vào tiệm Burger King. Bảng thực đơn in bằng chữ lớn xanh đỏ trên tường ghi những món lạ hoắc, nhưng tôi mạnh dạn bước lại quầy và đồng dặc, “Cho tôi một cái *king burger*.” Cô bán hàng không hiểu. Khi tôi lặp lại đến lần thứ ba, cô biết chắc tôi không nói đùa và trả lời tiệm không có món đó. Mất mặt với bạn, tôi gân cổ cãi và đòi *king burger* cho bằng được. Cô kêu quản lý ra, ông ta nghĩ tôi không biết tiếng Anh, vừa giải thích vừa lấy tay ra dấu, và cuối cùng chỉ vào hình vẽ chiếc xăng-úych *Whopper* trên bảng thực đơn, “Chắc hẳn đó là cái *king burger* ông muốn.”

Tôi *quê một cục*! Nhưng *quê* thì *quê*, tôi nhận ra “king burger” của Diễm Sương chính là cái xăng-úych thịt băm (burger) cỡ bự (king size) mà mới đây, Burger King gán cho cái tên thương mại *Whopper* nghe thật *kêu* để người tiêu thụ chú ý và cạnh tranh với McDonald’s.

Bước đầu ở xứ người, tôi là nhà quê lên tỉnh, *bỡ ngỡ như chim chích lạc vào rừng*. Nhưng ai cười hở mười cái răng, tôi chẳng có gì để hổ thẹn.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 13 tháng Mười Một, 2024

Chuyện Một Con Sông

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mạc con trai đầu lòng lên bốn ngày chúng tôi mua và dọn vào ngôi nhà cổ hai tầng ở góc đường có căn phòng khách rộng chiếm hơn một nửa diện tích tầng trệt. Chiếc lò sưởi bằng gạch nung lõm sâu vào giữa bức tường trong cùng của phòng khách, và kệ sách hai bên lò sưởi cũng được xây hẳn vào trong tường. Ngày đầu dọn vào nhà, thấy kệ chứa đầy sách, tôi giật mình gọi Quỳnh Châu đến xem,

“Từ lúc mình coi nhà đến lúc ký hợp đồng mua, không ai nói tới những cuốn sách này. Không lý chủ trước quên đem đi?”

“Thứ Hai chồng vào sở gọi điện thoại cho văn phòng địa ốc hỏi xem sao. Đồ người ta, mình lấy ầu sao được,” nàng cũng ngạc nhiên không kém tôi.

Phải đợi đến thứ Hai vào sở tôi mới gọi được vì hôm đó là thứ Bảy và nhà mới dọn vào chưa gắp điện thoại. Bộ *Encyclopædia Britannica* (tiếng La-tinh nghĩa là Bách khoa Toàn thư Anh) đồ sộ xếp ngay ngắn trên kệ sách bên trái; đó là bộ tự điển bách khoa về kiến thức tổng quát bằng Anh ngữ xuất bản từ năm 1768. Mặc dù ấn hành tại Hoa kỳ từ năm 1901, *Britannica* vẫn giữ lối viết chính tả của Anh; thí dụ “colour” (thay vì color là màu), “centre” (thay vì center là trung tâm), và “encyclopaedia” (thay vì encyclopedia là tự điển bách khoa). Bộ *Britannica* này là ấn bản thứ 15 (năm 1974) gồm 32 cuốn với ba phần: 12 cuốn *Micropædia* (Vi mô) gồm những mục từ ngắn gọn, 17 cuốn *Macropædia* (Vĩ mô) gồm những mục từ được khai triển sâu rộng, và một cuốn *Propædia* (Toát yếu) chỉ dẫn cơ cấu của bộ tự điển.



Lần đầu tiên được mó tới bộ *Britannica*, tôi hân hoan cầm từng cuốn ngẫm ngía. Quỳnh Châu và Mạc thay nhau rút cầu âu mấy cuốn tạp chí *National Geographic* (Địa lý Quốc gia) từ kệ sách bên phải để xem hình; để có đến hơn 200 cuốn xếp dựng đứng theo thứ tự thời gian ấn hành. Một tổ chức văn hóa và khoa học bất vụ lợi lớn nhất thế giới, hội National Geographic ở Hoa kỳ làm chủ, quản trị, và xuất bản nguyệt san này từ năm 1888. Tờ báo nổi tiếng in cẩn thận trông như cuốn sách, hình chụp đẹp hết chỗ chê, và nhất là những bài viết độc đáo về phong cảnh, lịch sử, và những góc xa xôi nhất của trái đất. Ngày trước, trong hai năm học trung học ở Ban Mê Thuột, tôi được anh bạn Mỹ phục vụ trong đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế học tiếng Việt với tôi tặng hơn một chục cuốn *National Geographic*, và sau đó về Sài gòn thỉnh thoảng “nhớ” tờ báo chạy lên American Bookstore trên đường Nguyễn Huệ xem cạp.

Giờ nghỉ giải lao ở sở chiều thứ Hai, thay vì gọi điện thoại, tôi đi bộ đến văn phòng địa ốc cách nơi tôi làm việc bốn khu phố. Bà thư ký của văn phòng là người trong họ đạo nhà thờ Ba Ngôi Lutheran bảo trợ gia đình tôi cười niềm nở,

“Tôi biết thế nào anh cũng đến. Vì bộ *Britannica* và lô tạp chí *National Geographic*.”

“Đúng vậy. Nếu chủ trước chưa kịp mang đi, chúng tôi sẵn lòng giúp để *vật hoàn cổ chủ*,” tôi sốt sắng đề nghị.

“Ông Schultz chủ trước là giáo sư đại học hồi hưu, không có bà con thân thích, và sống một mình trong ngôi nhà đó đến khi không thể tự lo mọi việc cho mình. Sau khi bán nhà cho anh, ông ta muốn đem tất cả quần áo, vật dụng, và đồ đạc trong nhà tặng cơ quan từ thiện và nhờ văn phòng chúng tôi làm giúp,” bà cười nửa miệng, “*Ba Hoa*, nhân tôi nói anh và Châu là một cặp vợ chồng tử tế và dễ thương nhất mà tôi được biết, ông ta biểu tôi để sách lại tặng anh chị và Ryland [tên Mỹ của Mạc]. Nếu anh chị không muốn giữ, tôi sẽ cho người đến lấy mang đi ngay.”

“Dĩ nhiên chúng tôi muốn giữ. Ông Schultz dọn đi đâu?” tôi tính gửi cho ông tấm thiệp cảm ơn.

“Vào viện dưỡng lão, nhưng ông ta không nói ở thành phố hay tiểu bang nào.”

Hai bộ sách của ông Schultz hầu như thay đổi sinh hoạt tinh thần của gia đình tôi. *Britannica*, nguồn kiến thức đông tây kim cổ, luôn luôn có sẵn “ở đầu ngón tay” để trả lời các câu hỏi của tôi là kẻ hay thắc mắc và muốn tìm hiểu sự việc đến nơi đến chốn. Nhờ nó, vài năm sau, tôi đủ tự tin để nhận lời viết bài thường xuyên cho tạp chí *Xxxx Việt* ấn hành ở Toronto, Gia Nã Đại. Mạc đam ra lơ là với những món đồ chơi ưa thích và sau giờ học ở trường, ôm một cuốn *National Geographic* vừa xem vừa nhờ Quỳnh Châu cất nghĩa những chỗ khó. Nàng giảng giải bằng tiếng Việt, cậu bé vừa học địa lý thế giới vừa học thêm tiếng Việt.

Để cập nhật hóa bộ *Britannica*, hằng năm tôi đặt mua cuốn *Book of the Year* (Niên giám) trình bày những sự việc xảy ra năm trước. Tuy nhiên, cách duy nhất để có được tạp chí *National Geographic* là làm hội viên hội National Geographic nên tôi nộp đơn, đóng niên liễm, và trở thành hội viên dài hạn và hằng tháng nhận được tạp chí gửi đến tận nhà.

* * *

Mùa thu 1998, tôi được tin Duy – anh bạn trẻ gặp ở Hoa Thịnh Đốn hai năm trước – được nhận vào làm giám đốc kỹ thuật truyền tin của hội National Geographic. Anh là con đầu lòng của một gia đình Công giáo vốn thuộc địa phận Vĩnh tỉnh Nghệ An, năm 1954 theo gia đình di cư vào Nam sống ở làng Bình Giã thuộc quận Đức Thạnh tỉnh Phước Tuy, và thời niên thiếu tu học tại tiểu chủng viện Thánh Phao-lô thuộc địa phận Xuân Lộc. Năm 1983, anh vượt biên sang trại tỵ nạn Galang ở Nam Dương, được nhận vào Hoa kỳ, và định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Ban ngày đi học ban đêm đi làm, anh tốt nghiệp kỹ sư điện toán rồi làm việc cho hãng Thompson Ramo Wooldridge (gọi tắt là TRM), một công ty lớn bao gồm nhiều kỹ nghệ khác nhau.

Tôi gặp và quen Duy qua sự giới thiệu của Tảo bạn học cùng lớp kỹ sư với tôi; Tảo là bạn đồng sự với Duy ở TRM. Lúc ấy, TRM là một trong chín công ty trúng thầu bộ Năng lượng để nghiên cứu và thiết lập kho chứa nhiên liệu phóng xạ phế thải trong lòng núi Yucca ở tiểu bang Nevada.

Kho chứa sẽ lưu trữ an toàn những thanh nhiên liệu đã được dùng tận nhưng còn chứa chất phóng xạ do các cơ sở nguyên tử (như nhà máy phát điện nguyên tử chẳng hạn) thải ra. Duy là trưởng toán kỹ thuật TRM phụ trách thiết kế hệ thống truyền tin nối kết kho chứa với văn phòng bộ Năng lượng ở Hoa Thịnh Đốn và trụ sở của chín hãng thầu rải rác khắp Hoa kỳ.

Cuối thập niên 1990, trong khi việc làm của Duy ở TRM có mòi bị lung lay vì chính phủ Hoa kỳ rục rịch hủy bỏ dự án kho chứa Yucca, giới kỹ nghệ và thương mại cũng như chính quyền khắp thế giới lo lắng về vấn đề “năm 2000,” hay gọi gọn là “Y2K” (Year 2000). Từ khi máy điện toán được sáng chế đầu thập niên 1950, để giản tiện, khi thảo chương chương trình điện toán, người ta diễn tả năm bằng hai con số cuối cùng. Thí dụ, ngày 10 tháng Chín năm 1948 được máy điện toán ghi thành 09/10/48 (theo lối Mỹ, tháng đứng trước ngày). Vấn đề là khi năm 2000 tới, máy điện toán sẽ hiểu năm “00” là 2000 hay 1900? Và năm “48” là 1948 hay 2048?

Do đó, mọi tổ chức ồ ạt thuê thêm chuyên viên để sửa đổi các chương trình điện toán đang sử dụng để biểu diễn năm bằng cả bốn con số như “2000” hay “1948” để không bị nhầm lẫn. Khi được hội National Geographic “tuyển mộ” sang làm việc, Duy nháy *liền cái rụp*. Hai năm sau, thực hiện dự án Y2K thành công, anh được thăng chức phó tổng giám đốc kỹ thuật truyền tin. Sáu năm sau, anh trở thành phó tổng giám đốc “cấp cao” (senior vice president) và là người Á châu đầu tiên leo lên tới chức vụ này khiến tôi và các bạn hãnh diện vì anh là người Việt tỵ nạn như chúng tôi. Nhưng rồi dòng đời trôi qua, tôi không có dịp gặp lại và không còn nghĩ tới anh. Cho đến khi “*chuyện một con sông*” xảy ra.

* * *

Từ năm 1989, hằng năm hội National Geographic tổ chức cuộc thi kiến thức địa lý ở Hoa Thịnh Đốn gọi là National Geographic Bee dành cho học sinh từ lớp 4 đến lớp 8 trên toàn quốc. Cuộc thi lần thứ 19 vào tháng Năm năm 2007 có điều đặc biệt: Câu hỏi cuối cùng khó nhất và quyết định giải quán quân là câu hỏi về địa lý Việt nam:

Thành phố nào là kinh thành của Việt nam trong hơn một thế kỷ và được con sông cùng tên tách làm đôi?

Một nữ sinh lớp 8 học trường nhà (cha mẹ dạy lấy) ở Redmond, Washington đoạt giải và lãnh phần thưởng là học bổng \$25,000 để sau này học đại học và một chân hội viên trọn đời. Câu trả lời của em là:

Huế và sông Huế.

Đang trở lại đại học học cao học điện ảnh tại Đại học Nam California ở Los Angeles, California, Mạc nhiệt tình theo dõi cuộc thi. Vốn lâu thông địa lý và sử ký của quê hương ba má và lại là độc giả trung thành của *National Geographic* hơn một phần tư thế kỷ qua, Mạc nhận thấy câu hỏi cũng như câu trả lời đều không ổn và gọi điện thoại báo cho tôi biết. Huế là kinh thành cũ thì đúng, nhưng con sông phải là sông Hương – lẽ nào là “sông Huế”? Lập tức, tôi huy động một số bạn bè, trong số đó có Tảo, ra công tìm hiểu tên “sông Hương” (hay Hương giang) có từ lúc nào mà nay bị gán cho cái tên “sông Huế.”

Theo các sách cổ, trước khi có tên sông Hương, con sông mang nhiều tên khác nhau. Sách *Dư địa Chí* do Nguyễn Trãi biên soạn năm 1435 ghi là sông Linh. Sách *Ô châu Cận lục* do Dương Văn An nhuận sắc năm 1555 viết là sông cái Kim Trà (Kim Trà đại giang). Sách *Phủ biên Tạp lục* của Lê Quý Đôn gọi là sông Hương Trà (Hương Trà nguyên). Nhiều tài liệu khác cho biết sông Hương đã từng mang tên sông Lô Dung, sông Dinh, sông Yên Lục, và sông Huế. Phải, có một thời là sông Huế!



Hương giang nghĩa là sông có mùi thơm. Sở dĩ có tên này vì con sông chảy qua một vùng đất hai bên bờ mọc giống cỏ thạch xương bồ có mùi thơm, và nước sông quanh đó dần dần có mùi thơm. Không ai biết tên Hương giang bắt đầu từ lúc nào, nhưng điều chắc chắn là khi cho đúc bộ Cửu đỉnh bằng đồng đặt trước sân Thế Miếu trong hoàng thành vào năm 1836, vua Minh Mạng cho khắc nổi hình sông Hương lên Nhân đỉnh với hai chữ Hán “Hương giang.”

Chúng tôi đoán chừng cả giám khảo ra câu hỏi lẫn thí sinh đoạt giải đều dùng tài liệu chép theo sách cổ do giáo sĩ tây phương sang Việt nam truyền đạo viết vào một thời điểm nào đó trước năm 1836. Tuy nhiên, câu hỏi hoàn toàn sai vì National Geographic Bee là cuộc thi kiến thức địa lý – không phải kiến thức lịch sử – nên phải dùng tên sông hiện hành (đã có ít nhất là 171 năm), chứ không thể dùng cái tên *hồi xưa hồi xưa*. Tôi và Mạc bèn mở “chiến dịch” yêu cầu hội National Geographic cải chính để điều sai lầm không vĩnh viễn nằm trong sách địa lý thế giới. Hai cha con soạn một số thư mẫu, gửi đến bạn bè, và yêu cầu họ chép lại và gửi đến ông chủ tịch hội đồng quản trị hội National Geographic và bà tổng giám đốc hội kiêm chủ bút tạp chí *National Geographic*. Mạc khuyên tôi tiếp xúc với Duy và yêu cầu anh làm hậu thuẫn trong nội bộ hội National Geographic, nhưng tôi ngại có thể “động tới nời cơm” của anh nên từ chối.

Trên một trăm lá thư được gửi đi. Hai tuần sau, mỗi người gửi thư đi nhận được thư trả lời của bà phó tổng giám đốc phụ trách giao thiệp với quần chúng của hội National Geographic. Thư chỉ có một đoạn ngắn gọn,

Cám ơn quý vị đã quan tâm tới cuộc thi National Geographic Bee. Các giáo sư của chúng tôi nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu đã dùng.

Chỉ có vậy! Không nhận sai, mà cũng không cho mình đúng. Một tháng sau, tôi cùng với ba người bạn thân quyết định “đánh” trận cuối cùng. Chúng tôi soạn một lá thư mới; gửi bảo đảm đến các nhân viên của hội đồng quản trị, tổng giám đốc, và các phó tổng giám đốc (trong đó có Duy) của hội National Geographic; và thách thức,

Chúng tôi mời quý vị cho người ra khu thương xá Eden ở Falls Church, Virginia là trung tâm thương mại và văn hóa của người Việt ở vùng Hoa Thịnh Đốn và hỏi ý kiến bất cứ người Việt nào ở đó. Chỉ cần có một người gọi sông Hương là “sông Huế” như quý vị đã

truyền bá khắp thế giới, chúng tôi sẽ đăng quảng cáo có trả tiền trên tờ Washington Post nhận sai và xin lỗi.

Hội National Geographic im bật. Sau đó, tôi hủy bỏ chân hội viên và không còn đọc tạp chí *National Geographic*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 27 tháng Mười Một, 2024

Hình Như Duyên Tiền Định

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đời học sinh trung học của tôi khởi sự tại trường Nguyễn Tri Phương ở hữu ngạn sông Hương, mặc dầu lúc ấy nhà tôi ở tả ngạn, trên đường Huỳnh Thúc Kháng (trước gọi là ngã Hàng Bè), gần cửa Mang Cá, và gần trường Hàm Nghi trong Thành Nội hơn. Mẹ biểu anh Quang nộp đơn cho tôi thi vào đệ thất (lớp 6) Nguyễn Tri Phương vì,

“Trường *nớ* gần nhà *o* Nậm dưỡng Tụng bên xóm Chuối, mùa mưa lụt gởi *hắn* ở luôn bên nhà *o* dưỡng cho *hắn* khỏi lội nước lụt đi học – *tội lắm!*” *O* Nậm là em họ của cha, và dưỡng làm trung sĩ Công binh ở Đà Nẵng vừa về hưu dọn nhà về Huế.

Chiên học lớp nhất (lớp 5) cùng với tôi ở trường tiểu học Thanh Long gần cầu Thanh Long, học giỏi và cuối năm được phần thưởng, và cũng nộp đơn thi vào Nguyễn Tri Phương nên chúng tôi hay gặp nhau nói chuyện thi cử. Nó và anh trai tên Cẩn sống với ông ngoại, nhà là cửa tiệm bán thuốc bắc nhỏ gần cầu Đông Ba, và Cẩn học trên chúng tôi một lớp. Nguyễn Tri Phương chỉ lấy đủ bốn lớp đệ thất hay 240 học sinh mà nghe đâu có hơn 1,200 người nộp đơn. Tôi nói,

“Không dễ ăn *mô*! Muốn đậu, mỗi thằng mình phải đề đầu hơn chín trăm rưỡi thằng khác.”

“Cần nhất là đừng *nói trước bước không qua*. Chừ mình phải nói ‘đánh hồng,’ *chớ* đừng nói ‘đậu rồi!’” nó khuyên tôi.

“Vì *răng rứa?*” tôi ngạc nhiên.

“‘Đánh hồng’ nói lái thành ‘đóng hãnh,’ nghĩa là mang hãnh diện vào người, hay thi đậu vẻ vang. Còn ‘đậu rồi’ là ‘đội rầu,’ nghĩa là buồn vì thi rớt. *Mi* hiểu chưa?”

Tôi và Chiên đều “đóng hãnh.” Tôi đứng đầu bảng, nó đậu cao, và chúng tôi được xếp vào một lớp đệ thất mà hầu hết học sinh nếu không phải con cháu gia đình tai mắt ở quận Hữu Ngạn thì con em giáo sư của trường. Vài đứa đi học bằng công xa chính phủ mang bảng số VA hay VB với tài xế đưa rước. Trong lớp chỉ tôi và Chiên làm bạn với nhau; không ai thèm ngó ngang tới hai thằng học trò “trường nhà quê *mô* dưới Bao Vinh” nghèo mà chơi trèo.

Ngày đi học của tôi bắt đầu từ năm giờ sáng. Chị ở tên Cúc đánh thức tôi dậy ăn sáng và sửa soạn đi học. Giúp việc cho gia đình tôi khoảng hai năm nay, chị chừng 16, 17 tuổi, xinh xắn và hoạt bát, và tận tình săn sóc anh em tôi. Người cùng làng với mẹ ngoài Quảng Bình, chị mồ côi cha mẹ sớm và ở Huế sống với anh trai và chị dâu. Hai người này nghèo nên cho chị tới ở cho gia đình tôi, vừa có cơm ăn áo mặc vừa có tiền công đem về giúp anh chị. Mẹ xem chị như con cháu trong nhà và hứa khi gặp người đằng hoàng tử tế sẽ gả chị lấy chồng.

Tôi rời khỏi nhà với chiếc cặp da “to bằng người *hắn*” (lời của mẹ) đựng đầy sách vở, và chiếc *mũ phốt* (“feutre” tiếng Pháp là dạ hay nỉ) vành tròn làm bằng nỉ dày và trên chóp nấn lõm vào bốn phía theo kiểu mũ hướng đạo, quà cậu Há cho khi tôi đậu vào đệ thất. Cậu là em chú bác của mẹ và giúp mẹ trong việc học hành của các con và thuốc men khi các con đau ốm. Mẹ cho tôi hai đồng và dặn đi đường Huỳnh Thúc Kháng dọc theo bờ sông Đào (sông Đông Ba), hết

đường tới bến xe đò giữa cầu Gia Hội và chợ Đông Ba, đi bằng qua bến xe xuống bến đò đi đò qua sông Hương (mỗi chuyến đò trả một đồng), và đi bộ một quãng ngắn tới trường. Như vậy, vừa được nghỉ chân vừa thu ngắn đường đi hơn một nửa.

Tôi ghé qua nhà Chiên rủ nó đi học. Nó không có tiền đi đò nên chúng tôi đi dọc bờ sông, rẽ qua đường Trần Hưng Đạo, đi qua cầu Trường Tiền, và sau đó mới tới trường. Hai thằng vừa đi vừa nói chuyện tầm phào và kịp tới trường đứng sắp hàng ngoài sân để chào cờ và “suy tôn Ngô Tổng thống” trước giờ học. Giờ nghỉ, với hai đồng bạc trong túi, tôi rủ nó ra ngoài khuôn viên trường mua kẹo kéo hay cà-rem cây ăn. Tan học về, không sợ bị trễ học, chúng tôi vừa đi vừa giỡn, thường đi theo đường Gia Long (trước gọi là ngã Giữa) có đông người qua lại, và đôi khi vào nhà sách *đọc chùng* (đọc lén hay *coi cộp*) mấy bộ truyện Tàu, trong số đó có bộ *Chung Vô Diệm* bốn cuốn tôi mơ ước mà không có tiền mua.

Một hôm, Chiên nghịch ngợm giật phắt cái *mũ phớt* trên đầu tôi liệng xuống đất. Tôi đổ cáu, “*Mi* lượm *mũ* lên cho *tau*. Không thì *tau* không thềm chơi với *mi* nữa.” “Không lượm. *Mi* *mần* [làm] *chi* *tau*?” nó cười cười. “*Nhớ ghen*. *Mi* liệng của *tau* thì *tau* để cho *hắn* mất luôn,” tôi giận lấy mím môi bước đi.

“Để đó cho *họ* lấy! *Mũ* *chi* của *tau* mà *tau* sợ,” nó vẫn cười và đi theo tôi.

Khi nhận ra hậu quả của lòng tự ái vô lối của mình, chúng tôi quay lại thì chiếc *mũ* đã bị người ta lượm mất. Tôi nghiến răng chỉ mặt Chiên, “*Mi* phải đền *mũ* cho *tau*,” rồi cắm cúi đi một mạch về nhà. Mẹ không rầy mà biểu anh Quang lấy *mũ* cũ của anh cho tôi dùng. Từ hơn một năm nay, anh không đội *mũ* vì sợ hư đầu tóc chải *bi-dăng-tin* (“brilliantine” tiếng Pháp là dầu láng xức tóc) láng mượt. Hôm sau, tôi không ghé rủ Chiên đi học như thường lệ và đi đò qua sông để khỏi đi cùng đường với nó; chuyển về cũng vậy. Ở trường tôi ngồi học bài hay chơi một mình, không thềm nhìn nó, mặc dù nhiều lần nó mon men đến làm quen.

Hai tuần sau, Chiên đến nhà tôi, vào nhà là bật khóc tức tưởi, và trên tay cầm cái *mũ phở* – tên gọi chung những chiếc *mũ* nhàu nhò cũ kỹ thường thấy các ông đẩy xe phở bán rong đội. Mẹ đi vắng, nhà chỉ có Cúc là người lớn. Chiên tưởng chị là chị tôi bèn mở máy kể lể những câu nói đã chuẩn bị trước. Đại khái nó nói đã có lỗi lớn vì làm mất *mũ* tôi, nhưng không thể nào có tiền mua lại chiếc *mũ* đó nên xin chị cho đền bằng chiếc *mũ* này. Nó khóc kể đang sống như trẻ mồ côi, cha mẹ ra Bắc tập kết năm 1954 và bỏ anh em nó lại cho *ông mẹ* (ông bà) ngoại nuôi. Rồi *mẹ*, người yêu thương nó nhất, cũng sớm qua đời.

Tôi mủi lòng và hết giận Chiên. Cúc dường như cảm thấy nó là kẻ đồng điệu nên cũng thút thít khóc theo. Chị cầm chiếc *mũ phở* trả lại nó kèm theo lời an ủi, “Số phận em như *rứa*, buồn cũng không thay đổi được *chi* hết,” và mở kim băng gài túi áo lấy ra hai đồng bạc giấu kỹ dưới đáy túi, “Cho em mua kẹo ăn.”

Khi tôi học được gần nửa niên khóa, o Nậm dựng Tụng dọn nhà lên Bến Ngự xa trường Nguyễn Tri Phương, và mẹ nhờ cậu Há xin cho tôi chuyển trường sang Hàm Nghi để đi học gần hơn. Nơi đây, học sinh phần lớn nghèo, hiền lành, ham học, và dễ làm quen. Bạn tôi có đứa ở

Bao Vinh xa hơn nhà tôi; có đũa ở dưới làng quê xa hơn nữa, đi học phải qua đò và đạp xe cả chục cây số mỗi vòng đi về; và có đũa nhà quá xa, phải lên Huế ở trọ nhà bà con.

Tôi gặp lại Chiên khi chúng tôi cùng lên đệ tam (lớp 10) trường Quốc Học. Chiên học đệ tam B1 học quốc văn với giáo sư Hoàng Ngọc và xem ông là thần tượng, và tôi học đệ tam B3 học quốc văn với giáo sư khác. (Ban B là ban Khoa học Toán.) Hoàng Ngọc tốt nghiệp ban Việt-Hán Đại học Sư phạm Sài gòn và, theo lời anh Quang, có “gốc lớn” nên ra trường được bổ ngay về Huế dạy Quốc Học. Ông lập dị, để tóc dài, và mặc quần ống túm trông rất “cao bồi.” Dạy quốc văn, nhưng ông ghi danh học triết ở Đại học Văn khoa Huế nên mượn tiếng để thuyết giảng Karl Marx và Friedrich Engels và tuyên truyền cho Việt Cộng. Anh Quang nói,

“Bên mình chưa rớ tới thằng Việt Cộng nằm vùng *nớ* vì sợ ‘gốc lớn’ của *hắn* và đợi đến khi *bắt được tay day được cánh* [bắt quả tang tại trận] mới tóm cổ.”

Cần anh của Chiên thi đậu vào trường Cao đẳng Điện học Sài gòn năm 1964, trước tôi một năm. Năm 1966, Hoàng Ngọc *nhảy núi*, và Chiên lúc ấy là sinh viên năm thứ hai trường Đại học Khoa học Huế cũng biến mất theo ông. Tết Mậu Thân (1968), Cần lộ diện là Việt Cộng nằm vùng và bị bắt giữ; lúc ấy anh học đệ tứ niên kỹ sư điện và ở trong cư xá Quảng Đức trên đường Công Lý. Anh bị đưa ra toà án quân sự, kết án năm năm tù, và giam ngoài Côn Sơn.

* * *

Tháng Mười Một năm 1997, tôi có dịp ghé thăm nam California và gặp bạn là Lập làm quản lý nhật báo *Ngàn Việt*. Lập có thiệp mời dự buổi hội ngộ hằng năm của hội Ái hữu Quốc Học - Đồng Khánh Nam California, đưa cho tôi, và giục tôi dự vì anh vốn là dân Chu văn An Sài gòn, không quen biết với dân Quốc Học hay Đồng Khánh Huế. Tôi đi dự mà không hy vọng gặp người quen vì tôi chỉ học Quốc Học năm đệ tam (sau đó vào Ban Mê Thuật) và nghe nói hội gồm nhiều vị trưởng thượng là giáo sư và cựu học sinh đã thành danh.

Khi chương trình văn nghệ gần kết thúc, tôi chợt thấy một người đàn ông trạc tuổi tôi ngồi cách xa hai bàn nhìn tôi chăm chăm. Trông anh quen quen, nhưng tôi không nhớ ra là ai nên tới gần nhìn bảng tên dán trên ngực áo anh. Ô, không ngờ đó là Chiên, thằng bạn cũ! Chúng tôi ra ngoài phòng hội và sau vài khoảnh khắc bờ ngõ, kể nhau nghe chuyện đời 34 năm qua. Đôi mắt buồn rười rượi, bạn tôi hối tiếc,

“Sau khi liệng bỏ một phần ba đời son trẻ xuống cái hố cúrt Cộng sản, năm 1975, *tau* mang thân tàn ma dại từ trên *rú* [rừng] về Huế. Chín năm đói khát, bệnh hoạn, thiếu thốn, và ngày đêm trốn chui trốn nhủi sợ bị quân Việt nam Cộng hòa càn quét và B-52 Mỹ dội bom. Ngoài vài tháng đầu được dùng làm công cụ tuyên truyền, tung hô là ‘phần tử giác ngộ’ và ‘thành phần yêu nước’ chống ‘Mỹ Ngụy,’ *tau* không được giao công tác *chi hết*.”

“Bọn Cộng sản có bao giờ tin ‘thành phần trí thức tiểu tư sản’ như mày,” tôi gật gù.

“Vì không có công với ‘Cách mạng’ và không muốn ton hót bỏ đít bọn cán ngố vô học ngu xuẩn, *tau* *mắn* cu-li sống qua ngày tới cuối năm 1987 thì vượt biên qua đây.”

“Anh Cần mày sao?”

“Sau năm năm tù, anh *tau* được trả tự do và sống ẩn khuất ở Sài gòn. Việt Cộng vô, anh nhào ra hoan hô ‘Cách mạng’ và kể công trạng, nhưng chẳng ma *mô* thèm nghe. Rồi anh viết

hồi ký thêu dệt ‘những hồi ức chân thực và đầy khí phách về đời sống tù nhân Côn Đảo,’ in thành sách, và đem tặng nhiều người. Nhờ đó được *tại hẩn* thí cho chức bí thư đảng ủy phường ở quận Gò Vấp, một thứ chức quyền dành cho cán bộ *i tờ rít* hạng bét ngoài Bắc vô. *Chừ* anh vẫn chưa chịu mở mắt!”

Tôi nhớ ra mình chưa biết gì về gia đình Chiên,

“Vợ con mày ra sao, qua đây được với mày không?”

“Chốc xiu nữa *mi* sẽ biết,” Chiên giơ tay nhìn đồng hồ, “*Mụ* [bà] *nớ* và thằng con sắp tới đón *tau*.”

Vợ Chiên, người đàn bà duyên dáng trạc ngũ tuần, bước xuống xe chăm chú nhìn tôi và đợi nó giới thiệu. Nhưng nó cười cười làm ra vẻ bí mật để chúng tôi lục ký ức mà nhận nhau. Tôi bỗng a lên, “Chị Cúc! Chị Cúc!” và nhảy tới ôm chào chị,

“*Té ra* chị là bà xã bạn tôi. Làm sao chị gặp nó, giỏi quá vậy?”

“Duyên nợ Trời cho, *Ba Hoa* ơi. Chú nhớ là trước khi nhà mình dọn vô Ban Mê Thuật, *mự* [thím] tìm được người để gả chị. *Eng* [anh] *nớ* là trung sĩ quân y làm trong đồn Mang Cá. Tết Mậu Thân, chị có mang thằng *nớ tề* [đó kìa],” chị đưa tay chỉ chàng thanh niên ngồi trong xe, “Đương đêm, Việt Cộng vô nhà bắt *eng* đem đi thủ tiêu *mất đất*. Ông nội *hẩn*, *hẩn* ác *cách chi*!” chị cười nhẹ nhàng; “*mự*” chị nói là mẹ.

“Thiệt tội quá!” tôi xúc động.

“Rồi chị đẻ con và *mần* nghề may vá nuôi *hẩn*. Năm 1976, không biết trời xui đất khiến làm *răng* mà chị gặp lại Chiên. Chiên mừng húm. Chị khai liền là không phải là chị ruột chú mà là kẻ ăn người ở được *mự* và mấy chú thương mà thôi. Nhưng Chiên không quản chi mà lại *ưng* chị. Hai đứa xáp vô thành vợ chồng và cố sức làm lụng dành dụm tiền đi vượt biên.”

“*Mụ ni* là thiên thần cứu giải thằng bạn vô tích sự của *mi*,” Chiên cười tận mang tai.

Do tôi mất chiếc *mũ phớt*, Cúc và Chiên gặp nhau rồi về sau nên duyên vợ chồng. Chuyện xảy ra như trong câu ca dao, “*Phải duyên tiền định bút rời được đâu*.”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 11 tháng Mười Hai, 2024

Người Thối Ống Đu Đủ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong mấy năm học trường Hàm Nghi trong Thành Nội Huế, ở nhà tôi chịu tiếng là đứa bủn xỉn. Mẹ nói, “Thằng *nớ*, không ai xeo của *hắn* được một trạ.” Thỉnh thoảng anh Quang theo tôi năn nỉ mượn tiền đi uống cà-phê ở quán Lạc Sơn với bạn, hứa sẽ trả lại gấp đôi, và khi tôi nhất định không cho mượn, được dịp cười nhạo,

“*Mi là thằng kẹo kéo bần tiện để rớt trong quần.*”

Kẹo kéo bán rong màu trắng làm bằng mật mía hoặc đường nấu đặc quánh thành ống bọc đậu phụng rang chín. Kẹo kéo rất dẻo và dễ kéo dài thành thanh nhỏ nên “kẹo kéo” chỉ tính hà tiện keo kiệt. Giai thoại “để rớt trong quần” thường được mẹ kể khi nói chuyện đàn bà sinh *con rạ* dễ dàng hơn sinh *con so*, con đầu lòng. Ngày ở ngoài làng quê Quảng Bình, mỗi lần sinh con, mẹ về nhà bà ngoại *nằm nơi*, ba tháng mười ngày con cứng cáp mới về lại nhà ông nội. Lúc sinh tôi, mẹ đau bụng đẻ lúc đầu hôm, gần sáng bề bọc nước ối mẹ biểu chị ở diu lên nhà ngoại không tới nửa cây số. Gần tới nơi, nhà ngoại còn ở bên kia đường, tôi bỗng lọt lòng chui ra khóc oe oe; mẹ phải đứng tại chỗ trong khi chị ở chạy vào nhà kêu bà mụ ra đỡ đẻ.

Một đứa học trò nhỏ như tôi họa hoằn mới có chút tiền người lớn cho trong những dịp thi đậu, Tết nhất, v.v. mà lại bị chê là keo kiệt – một nghịch lý khó tin! Cũng tại tôi mê đọc truyện Tàu như *Chung Vô Diễm*, *Phong Kiếm Xuân Thu*, và *Tây Hôn Diễm Nghĩa* do Tín Đức Thư xã ấn hành và phần lớn do Tô Chấn dịch, nhưng không thể xin tiền mẹ để mua nên phải chắt chiu dành dụm từng đồng. Mỗi lần được nghỉ “hai giờ sau” (hai giờ cuối cùng của ngày học bốn tiếng) về sớm, tôi rủ thằng bạn thân nhất là Phúc đi về bằng lối ra cửa Thượng Tứ, ghé nhà sách Thượng Tứ, và say sưa *coi chừng* (*coi cộp* hay đọc lên).



Trong các bộ truyện Tàu, tôi thích *Chung Vô Diễm* nhất. Chung Vô Diễm là tiên nữ bị đọa xuống trần thành một thiếu nữ diện mạo xấu xa, nhưng văn võ song toàn và pháp thuật cao cường. Nàng trở thành hoàng hậu của Tề Tuyên vương và giúp vua trị vì thiên hạ. Bộ truyện gồm bốn cuốn, mỗi cuốn đề giá chín đồng. Tôi dự định sẽ tiêu thêm ba, bốn đồng để mua bìa đóng sách lại vì bìa truyện Tàu in trên giấy mỏng dễ hư. Bốn mươi đồng mua truyện, tôi ao ước có bấy nhiêu! Tuy nhiên, ước mơ ấy không bao giờ thành sự thật: Mỗi khi tôi để dành đủ tiền, như có Trời xui khiến, một chuyện quan trọng và cần thiết hơn xảy đến khiến tôi phải dốc ống.

* * *

Tôi học đệ thất (lớp 6) trường Nguyễn Tri Phương gần nửa niên khóa mới chuyển trường sang Hàm Nghi. Đứa bạn đầu tiên ở trường mới là Phúc; nó cao và ốm, lớn hơn tôi khoảng hai, ba tuổi, và nhút nhát. Tôi mở lời làm quen trước,

“*Tau* từ bên Nguyễn Tri Phương qua, không quen ai trong lớp.”

“Mới đầu *tau* cũng *rứa*; trước lạ sau quen,” giọng nói nhỏ nhẹ và từ tốn của nó khiến tôi hết ngại ngùng.

“*Mi* học tiểu học chỗ *mô*?”

“*Tau* học ngoài làng La Chữ rồi vô Huế học đệ thất,” nó bẽn lễn thú nhận.

La Chữ thuộc xã Hương Chữ quận Hương Trà và cách Huế hơn mười cây số. Tôi hỏi thêm,

“Ở Huế *mi* ở *mô*?”

“*Tau* ở với chú thím; chú *tau* làm cai trường trường Bình Minh và được cấp nhà ở ở phía sau trường.” Trường trung học tư thực Bình Minh nằm ngay chân cầu Thanh Long và gần nhà tôi.

“*Mi* hay về làng không?”

“Chừng đôi ba tuần hay tới ngày nghỉ lễ, chú đạp xe đưa *tau* về thăm *mạ*. Mai mốt *mi* về làng *tau* chơi; gặp *mi* chắc *mạ* mừng lắm,” nó mời như đã quen tôi từ lâu.

Buổi sáng tôi ghé nhà chú thím Phúc rủ nó đi học. Tan trường hai đứa về cùng đường. Buổi chiều nó mang sách vở xuống nhà tôi học Pháp văn vì nhà tôi có đủ thứ tự điển như *Tự điển Pháp-Việt* của Đào Đăng Vỹ, *Tự điển Pháp-Việt* của Đào văn Tập, và tự điển tiếng Pháp *Le Petit Larousse*. Cuối tuần tôi lên nhà chú thím nó chơi. Nó mồ côi cha từ thuở bé, nhà nghèo, và ngoài tiền mua sách vở đầu năm học, không bao giờ thấy tiêu một đồng bạc nào.

Nam sinh trường công đi học phải mặc đồng phục – quần xanh đậm, áo sơ-mi trắng – mà học trò nhỏ và ham học như tôi và Phúc hãnh diện mặc. Rồi bỗng có lệnh trên nha Học chánh xuống bắt mỗi sáng thứ Hai học sinh phải mặc quần trắng, áo sơ mi trắng để chào cờ và “suy tôn Ngô Tổng thống.” Người ta nói nha ban lệnh này cốt để làm tổng thống vui lòng vì “Cụ” rất chuộng trang phục màu trắng. Cuối tuần đó, Phúc phải về làng để,

“Nói *mạ tau* bán thúng thóc giống lấy tiền may đồng phục trắng.”

Từ đó chúng tôi còn phải mặc áo quần trắng để đi dự *mít-tinh*, tức là biểu tình, ở công trường Phu Văn Lâu, mỗi khi có lễ lạt. Trong số gần một chục ngày lễ trong năm, hai ngày lễ lớn nhất là Song Thất, ngày bảy tháng Bảy, ngày *Cụ* Ngô về nước chấp chánh; và Quốc khánh, ngày 26 tháng Mười, ngày khai sinh nền cộng hòa.

Đối với tôi, cực hình lớn nhất là những lần “đi đón *Cụ*” hằng năm vào ngày mồng bốn tháng Giêng dương lịch, khi trời mùa đông Huế mưa phùn gió lạnh. Ngày mồng ba, *Cụ* Ngô ăn sinh nhật mình ở Sài gòn, mồng bốn bay ra Huế thăm “*Cụ* Cố” (bà mẹ), và mồng năm mừng sinh nhật bà. Ngày mồng bốn, tôi phải rời khỏi nhà trước sáu giờ sáng trong bộ đồng phục trắng (không được mặc áo len bên ngoài) và đến trường tập họp điểm danh lúc tám giờ sáng. Học sinh Hàm Nghi đi hàng một ra cửa Thượng Tứ, qua cầu Trường Tiền, và đứng ở địa điểm được

chỉ định trên đường Tự Đức mà đoạn cuối chạy qua cầu Trường Tiền và đường Lê Thái Tổ chạy dọc theo bờ sông Hương. Đoàn xe *Cụ* từ phi trường Phú Bài sẽ đi qua hai đường này về Phú Cam là nơi *Cụ Cố* ở.

Học sinh chúng tôi đứng hai bên đường, cầm cây cờ nhỏ bằng giấy, và dài cổ ngóng đợi đến hai, ba giờ chiều – vừa đói vừa lạnh run – mới thấy đoàn *mô-tô* cảnh sát mặc đồ trắng, đội kết trắng, và mang *găng* trắng dài tới khuỷu tay hộ tống hai chiếc xe đen bịt bùng chạy vút qua. Đường như *Cụ* Ngô không hay biết có mấy ngàn học sinh đứng hai bên đường run lập cập phất cờ hoan hô *Cụ*. Buổi tối, tôi lên cơn sốt; mẹ lo lắng biểu anh Quang mời cậu Há đến thăm bệnh. Cậu là em chú bác của mẹ và giúp mẹ lo thuốc men khi các con đau ốm. Mẹ giận dữ chửi,

“Tổ cha thằng Hay trên nha Học chánh bày chuyện bợ đỡ điều dóm *Cụ* Ngô bắt con *tau* đứng ngoài mưa lạnh rồi đau nằm xuống như *ri*.”

“Thằng *nớ* ngày trước học Khải Định sau *tui* ba lớp, nổi tiếng học giỏi nhưng hữu tài vô hạnh và chuyên nịnh bợ giáo sư người Pháp. Sau được học bổng qua Pháp du học, về Huế *mần to* [làm lớn] nhờ nịnh nọt cấp trên,” cậu Há xen vào.

Mùa xuân năm tôi học đệ ngũ (lớp 8), nam sinh Huế được lệnh mỗi chiều thứ Năm tập trung ở sân vận động Tự Do với quần dài trắng, áo *may-ô* trắng hở nách, giày *ba-ta* trắng, và vớ trắng để tập thể thao. Phúc lo lắng ra mặt về bộ đồng phục mới,

“Cuối tuần *tau* về làng nói *mạ tau* bán bớt heo. Lứa heo *ni* còn nhỏ quá, bán một con thì không đủ tiền may đồ, mà bán hai con thì *mạ* cụt vốn, mai mốt không đủ tiền trả nợ.”

“Nói *mạ mi* bán một con thôi. *Tau* mới được cậu thưởng bốn chục đồng mà không biết làm *chi*. Cho *tau* phụ với *mạ mi* *nghen*,” không thể cầm lòng không giúp bạn, tôi nói trở về nguồn gốc và mục đích món tiền.

“Không được *mô*. Mặt mũi *mô* mà *tau* lấy tiền của *mi*?” nó dụi dằm phản đối.

“*Rứa* mới kêu là bạn bè! *Mi* không lấy *tau* không chơi với *mi* nữa,” tôi nói chắc nịch.

Ở sân vận động Tự Do, học sinh của cả ba trường Quốc Học, Hàm Nghi, và Nguyễn Tri Phương tập đi diễn hành, chân bước rập khuôn đều nhau, và ngay hàng thẳng lối; vừa đi vừa hát bài “Khỏe Vì Nước” của Hùng Lĩnh (1922 - 1986),

Khỏe vì nước kiến thiết quốc gia.

Đoàn thanh niên ta góp tài ba,

tạo nguồn dân sinh mới,

hùng mạnh trong nam giới

hợp lực xây hưng thịnh chung nước Nam . . .

Tiếp theo, trong phần thể dục thể thao diễn, chúng tôi nằm trên bãi cỏ thành hàng thẳng tắp rồi đồng loạt đưa tay đưa chân lên cao. Ông Hay ngồi trên khán đài quan sát cùng với các vị hiệu trưởng, cầm loa đốc thúc, và sau hơn ba tiếng đồng hồ, kết thúc buổi tập với lời mắng mỏ bọn học trò thân hình nhể nhại mồ hôi dưới nắng chiều chói chang,

“Học sinh là rường cột quốc gia *chi* các anh! Có mấy động tác thể thao mà tuần *ni* qua tuần *tê* [khác], tập hoài không ra trò trống *chi* cả.”

Ông Hay bắt học sinh Huế tập để biểu diễn cho *Cụ* Ngô ra coi vào buổi lễ phát phần thưởng cuối năm học cho học sinh toàn tỉnh Thừa Thiên. Chúng tôi tập được năm tuần thì được lệnh ngưng; lễ phát phần thưởng bị hủy bỏ vì *Cụ* bận không ra được. Báo hại *mạ* thăng bạn tôi mất tiêu con heo và tôi mất toi bộ *Chung Vô Diệm*.

* * *

Trường Quốc Học khai giảng cuối năm 1896, mang tên Pháp Tự Quốc Học Trường với vị chủ trường (hiệu trưởng) đầu tiên là Ngô Đình Khả, thân sinh *Cụ* Ngô. Pháp Tự là “chữ Pháp” vì ban đầu mục đích chính là dạy chữ và nói tiếng Pháp, và Quốc Học là gọi tắt của bốn chữ Quốc gia Học đường nghĩa là “trường học quốc gia.” Đến niên khóa 1935-1936, khi mở thêm các lớp đệ nhị cấp, trường đổi tên thành Lycée Khải Định.

Ông Hay sinh năm 1927 tại Huế và học trường Khải Định. Ông học giỏi và được các giáo sư người Pháp yêu mến, sang Pháp du học tại Đại học Sorbonne ở Paris, đậu bằng Cử nhân Toán Lý Hóa, về nước dạy lại ở trường Khải Định, và năm 26 tuổi, được bổ nhiệm làm hiệu trưởng. Sau ngày *Cụ* Ngô chấp chánh, ông tâng công xin đổi tên trường thành trung học Ngô Đình Diệm, và nhờ đó được thăng lên chức giám đốc nha Học chánh.

Nhưng cái tên mới, vốn không được dân Huế ưa chuộng, không tồn tại lâu. Chuyện kể rằng cuối năm 1956, trong lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập trường ở Huế dưới sự chủ tọa của *Cụ* Ngô, ông hiệu trưởng mới, người thay thế ông Hay, khéo léo bắm với *Cụ*,

Cụ là nhân vật quan trọng phải dành tên cho việc trọng đại chứ thay tên vua Khải Định bù nhìn ở trường trung học này thật không xứng đáng. Nếu không lấy lại tên Quốc Học cũ thì xin lấy tên cụ cố Ngô Chuông giáo.

Cụ Ngô nhột dạ và biết ý bèn chấp thuận cho phục hồi tên Quốc Học, nhưng ông hiệu trưởng chỉ tại vị đến cuối năm học. Ông Hay xem mình là chúa tể của học sinh miền Trung. Tha hồ ban hành lệnh lạc gây ra hậu quả không hay cho học sinh và gia đình, miễn là làm *Cụ* vui lòng. Ngoài ra, ông giám đốc là hung thần của học trò Huế, ra đường thấy nam sinh nào làm gì không vừa ý là dừng xe hơi lại, túm cổ áo anh học sinh “phạm tội” bạt tai lia lịa, và trách mắng không tiếc lời. Không ai dám nói ông Trời con.

Một hôm ông Hay trông thấy anh Quang đạp xe nghênh ngang giữa đường. Anh đi đón chị em cô bạn hàng xóm đi học trường Đồng Khánh về, mãi nói chuyện và nhìn phía trước, và không nghe tiếng còi xe hơi sau lưng. Chiếc xe của ông lách qua bên trái rồi chặn đầu anh. Ông bước xuống, giận dữ và oai vệ, và mừng cũ lập lại. Không ngờ, *đi đêm có ngày gặp ma*, gặp phải tay anh Quang, một kẻ không biết *sợ lện* chi ai. Anh nổi giận chỉ tay vào mặt ông,

“Tổ cha *mi* thăng khốn nạn. Cả gan *đập tau* giữa đường!”

“Học trò mất dạy! *Mi* biết *tau* là ai không?” ông toan đánh nữa, nhưng anh kịp lùi lại.

“Ở Huế *ni* ai mà không biết *cấy* [cái] mặt mo của *mi*. Thăng bọ dít người trên, đập đầu kẻ dưới, và giỏi nghề cầm c... cho *Cụ* Ngô đá!” nói xong, anh quay ngược xe đạp, lên xe phóng nhanh, và lách vô *đường kiệt* (ngõ hẻm) trốn biệt.

Cậu Há biểu đồng tình với anh Quang, “Thằng nớ giỏi nghề *thối ống đu đủ*.” Ống đu đủ là cái cuống dài và bông của lá cây đu đủ. Kẻ nịnh cầm ống đu đủ đút vô *lỗ khu* (lỗ đ...) của người được nịnh và phùng má thối. Động tác này, con nít Huế kêu là “thủ khôì,” tức là *thối khu*. So với ông Hay, chẳng thà tôi bị chê là thằng *kẹo kéo* bần tiện.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 25 tháng Mười Hai, 2024

Bé Cái Lằm

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Gia đình tôi đến Bismarck thủ phủ tiểu bang North Dakota một tối trung tuần tháng Tám năm 1975. Một ngày sau, vị đại diện nhà thờ bảo trợ là ông Gardner chở tôi đi phỏng vấn chân *sales engineer* (kỹ sư bán hàng) của công ty Border States Electric (BSE). “Border states” chỉ các tiểu bang nằm sát biên giới bắc của Hoa Kỳ, và BSE cung cấp thiết bị điện và các dịch vụ liên hệ cho những thị trường xây cất, kỹ nghệ, và điện lực trong hơn một chục tiểu bang quanh đây. Cuộc phỏng vấn được sắp đặt từ trước vì từ trại tỵ nạn Trại Pendleton, tôi đã gửi *résumé* (bản tóm tắt bối cảnh học hành và làm việc) ra cho ông.

Ông Gardner lái xe đến một tòa nhà lớn, hình như gần nhà tôi, và nói trụ sở nhánh Bismarck của BSE chiếm trọn tầng sáu. Ông định thân chinh đưa tôi vào gặp người phỏng vấn rồi mới đi lo công chuyện, nhưng tôi gạt đi,

“Bác đi làm công việc kéo trễ. Cháu tự lo liệu được.”

“Phỏng vấn xong, anh nhớ dùng nhờ điện thoại gọi về văn phòng tôi cho biết anh đã xong; tôi sẽ đến đón anh,” ông dặn dò.

“Không cần đâu bác! Đây gần nhà, cháu đi bộ về được mà.”

“Anh biết đường về chưa?” ông chưa an tâm.

“Dạ chưa. Nhưng mẹ cháu hay nói, ‘Đường sá ở lỗ miệng mình. Không biết thì hỏi, có khó gì đâu.’ Cháu nhớ địa chỉ nhà rồi,” tôi trấn an ông.

Dale tổng giám đốc BSE đợi tôi ở phòng hội. Trạc trên tứ tuần, dáng người thích thể thao, và vẻ mặt tươi tắn cởi mở, ông cho biết đã lái xe 200 dặm Anh từ nơi đặt trụ sở chính của công ty là Fargo, North Dakota đến đây. Ông đã xem *résumé* của tôi nên chỉ hỏi dăm ba điều chưa hiểu rõ và hầu như suốt buổi, “khoe” về BSE: Công ty phát triển mạnh mẽ, cấp quyền lợi nhân viên hậu hỉ, và cho phép nhân viên linh động về giờ giấc, công tác phí, và sự sử dụng xe công ty.

Cuộc phỏng vấn kết thúc, Dale nói, “Tôi sẽ quyết định và cho anh biết sau,” và cùng tôi đi thang máy xuống tầng trệt; ông sẽ lái xe trở về Fargo. Đến nơi, tôi nhìn quanh nhìn quất tìm người thư ký quầy tiếp tân để hỏi đường về nhà. Thấy tôi ngơ ngáo, ông hỏi,

“Anh cần gì, tôi có thể giúp được không?”

“Tôi mới đến đây hơn một ngày và hiện tại không chắc mình đang ở đâu,” tôi thú thực.

“Vậy tôi sẽ giúp anh,” ông nói sốt sắng.

Tôi nói địa chỉ nhà mình, và Dale lấy giấy vẽ bản đồ cho tôi đi về: Nhà tôi cách đó năm khu phố. Lúc bắt tay từ giã, nhìn ánh mắt thất vọng của ông, tôi biết mình không hội đủ điều kiện làm *sales engineer* – cần thường xuyên di chuyển lui tới giao dịch với khách hàng. Tối hôm đó, tôi nói với ông Gardner,

“Để khỏi mất thì giờ bác đưa đón, bác kiểm cho cháu chiếc xe đạp cũ để đi lại. Bismarck này nhỏ mà.”

“Trong *garage* [nhà xe], tôi có một lô xe đạp cũ; để tôi đem cho anh chị và các em dùng. Nhưng tôi cần chỉ cho anh cách tìm nhà trong thành phố này.”

Ông Gardner lấy tấm bản đồ và trải rộng trên mặt bàn,

“Phần lớn đường phố gọi là ‘street’ hay ‘avenue.’ *Street* là những con đường thẳng đứng chạy theo hướng bắc-nam, và *avenue* nằm ngang chạy theo hướng tây-đông.”

“Ồ, thật khác với bên Việt nam. Theo lối gọi của người Pháp, người ta nói ‘avenue’ là đại lộ [đường lớn] hay đường phố chính, và ‘street’ là đường phố thường và nhỏ hơn,” tôi nghĩ tới đại lộ Lê Lợi và đại lộ Hàm Nghi tại trung tâm Sài gòn, và đường Lê Lai và đường Phạm Ngũ Lão gần chợ Bến Thành.

Ông Gardner gật đầu và tiếp tục,

“Bismarck tương đối mới nên không đặt tên đường và số nhà theo lối Âu châu như các thành phố lâu đời hơn. Con đường chính nằm ngang chạy qua *downtown* [khu thị tứ] là Main Avenue chia thành phố ra thành hai phần ‘Bắc’ và ‘Nam’: Địa chỉ trên đường dọc (Street) đều mang thêm hoặc là ‘North’ hoặc là ‘South’ tùy theo vị trí của ngôi nhà ở phía bắc hay nam Main Avenue.”

“Cháu hiểu rồi, tương tự như vậy, có một con đường dọc (Street) chia thành phố thành hai phần ‘Tây’ và ‘Đông.’ Rồi địa chỉ trên đường nằm ngang (Avenue) mang thêm hoặc là ‘West’ hoặc là ‘East’; phải không bác?”

“Anh nói đúng. Về số nhà, anh để ý hai điều. Thứ nhất, số hàng trăm của số nhà cho thấy khoảng cách đến con đường chính. Thí dụ, địa chỉ của anh là ‘309 Avenue B East’ nghĩa là nhà nằm trên đường nằm ngang ‘B’ và trong khu phố thứ 3 phía đông con đường chính thẳng đứng. Thứ hai, nhà không đánh số liên tục 1, 3, 5 bên lẻ, hay 2, 4, 6 bên chẵn, mà theo vị trí của nó trong khu phố. Thí dụ, nhà anh số 309, nhà bên phải số 301 và nhà bên trái số 317. Sang đường bên kia, số nhà lại nhảy xuống hàng hai trăm, hay nhảy lên hàng bốn trăm.”

Hôm sau tôi rủ Quỳnh Châu đạp xe đi thăm dò thành phố dưới nắng chiều cuối hè vàng nhạt và những vòm cây lá xanh trên con đường dẫn tới *capitol*. “Capitol” viết hoa là tòa nhà ở Hoa Thịnh Đốn mà Quốc hội Hoa kỳ nhóm họp, và “capitol” viết thường chỉ tòa nhà ở thủ phủ tiểu bang mà nghị viện nhóm họp hay, như ở North Dakota, nhóm dinh thự mà chính quyền trung ương tiểu bang hoạt động. Nhân tiện, nài nỉ đề nghị vào nha Lộ vận tiểu bang xin giấy phép lái xe để sẵn, vì trước sau gì chúng tôi cũng cần có xe hơi.

Trong lúc hai vợ chồng xăm xỉ bàn tính, một người đàn ông trạc tứ tuần mặc *com-lê* chỉnh tề bước tới chào và bắt tay tôi,

“Tôi là Cliff, giám đốc Lộ vận. Nghe anh chị nói tiếng Việt làm tôi nhớ lại những ngày phục vụ bên đó. Hồi đó tôi làm cố vấn cho cảnh sát ở Đà Lạt.” Cliff là tên gọi gọn của Clifford.

“Ông nói tiếng Việt giỏi lắm, phải không?” tôi buột miệng đoán chừng.

“*Chút chút thôi. Đủ để không bị mấy thằng lính ba xạo gạt!*” ông trả lời bằng tiếng Việt với giọng Nam khá sõi.

Trong vòng mười phút, tôi và Quỳnh Châu được cấp giấy phép lái xe tạm và không bị đòi đóng \$6 lệ phí mỗi người như ghi trên tờ chỉ dẫn. Giữa tháng Chín, tôi được Công ty Tiện ích

Montana-Dakota (MDU) nhận làm kỹ sư tham mưu. Hai tuần sau, anh bạn đồng sự Charlie mua xe mới và tặng tôi chiếc xe cũ. Đó là chiếc Chevrolet Chevelle đời 1967 do hãng General Motors chế tạo. Tôi lấy xe nhưng cuối tháng lãnh lương đưa \$100 cố nài anh nhận.

Chiếc Chevelle to lớn kèn cồng bị các em tôi chê “to như chiếc tàu đánh cá” và các bạn Việt nam gọi giễu là “cái phi thuyền” vậy mà rất được việc. Xe tám máy chạy ào ào, chở người và dụng cụ đi câu cá hay đi cắm trại, và dọn nhà chở bàn ghế tủ giường như không. Nó cồng nguyên con bò con khi chúng tôi ra nông trại giết thịt và nổi lửa làm bê thui, và chạy vào ruộng vào rừng mà tôi không hề sợ xe bị hư hao. Có điều phiền là máy xe cũ đốt nhớt như điên; các bạn Mỹ đùa,

Ba Hoa ghé trạm xăng bảo anh tiếp viên “đổ đầy nhớt, kiểm mực xăng,” thay vì “đổ đầy xăng, kiểm mực nhớt” như mọi người.

Nhưng không hề gì, tôi canh chừng chờ tiệm bách hóa bình dân Kmart bán nhớt đại hạ giá, mua nguyên két để sau thùng xe, và thỉnh thoảng mở *ca-pô* (mui xe) châm nhớt vào máy là yên chí lớn, chạy đến đâu cũng không quản ngại. Các bạn Việt nam chế nhạo tôi làm kỹ sư mà *kẹo kéo* (hà tiện bủn xỉn) đi xe cũ kỹ xấu xí làm dân tỵ nạn *mất mặt bầu cua* với “mấy thằng Mỹ.” Tôi ngậm miệng cười trừ vì biết rõ *đoạn trường đấng cay* đi mua xe của họ.

Ngày trước ở Việt nam, trong khi tôi đã lái xe và lấy bằng lái từ năm học đệ nhị niên trường kỹ sư, các bạn đó chưa bao giờ được ngồi vào ghế tài xế nên nay ngày đêm mơ tưởng giờ phút vinh quang làm chủ chiếc xe *láng coóng* và lái chạy *phom phom* ngoài đường. Có việc làm và vừa để dành đủ số tiền trả trước (down payment) là vội vàng đi mua xe. Với túi tiền giới hạn, họ chỉ có thể mua xe cũ – có tên rất văn hoa là xe “tiền sở hữu” (pre-owned) – và giờ cổ cho hãng bán xe và các người bán xe cũ *chặt chém*. Những người bán xe cũ đều học một sách lừa đảo y hệt nhau. Thí dụ, anh nào cũng quảng cáo chiếc xe đã chạy bảy, tám chục ngàn dặm Anh với câu chuyện,

Máy móc còn mới toanh. Chủ xe trước là bà cụ già góa chồng, giữ gìn xe rất cẩn thận, và sử dụng rất ít, mỗi tuần chỉ lái đi nhà thờ một lần.

Chẳng trách các bạn Mỹ của tôi hay kể chuyện khôi hài,

Ở Hoa kỳ có ba hạng người chuyên ăn gian nói dối là chính trị gia, luật sư, và bán xe cũ. Khi tiếp xúc với họ, anh phải để ví tiền ở nhà. Vì không khéo họ sẽ gạt gẫm khiến anh tự nguyện dâng cho họ.

Hãng bán xe cũ đề bảng giá xe cũ với giá *trên trời*. Họ nói bán “chắc giá,” để ông khách người Việt đi tới đi lui mặc cả cả nửa buổi, và cuối cùng làm màu bớt một, hai trăm đô la cho khách khoái ý. Người bán xe biết tổng nếu khách ra nhà băng vay tiền mua xe, nhà băng sẽ từ chối vì không đủ điều kiện lợi tức để trả góp hàng tháng. Do đó, anh ta “thương tình” vào văn phòng bên trong “năn nỉ ông sếp” bán xe cho khách với giá “gần như cho không” và cho khách vay số tiền còn thiếu (sau khi trả trước) với lãi suất “rất nhẹ.” Thế là khách hí hờ ký giấy vay nợ mua xe với mức lời cắt cổ 29 phần trăm một năm, công lưng trả góp ba năm. Không biết mình đã *hố to*.

Chiếc Chevelle ăn chịu với tôi hơn hai năm. Mùa đông năm 1978, gặp trận bão tuyết lớn, bánh xe cũ đã mòn không bám đường, rú ga chỉ quay vòng vòng chứ không chịu lăn ra khỏi lồm tuyết. Tôi bèn gọi sân xe phế thải cho xe cần trục tới kéo ra, đưa giấy chủ quyền, và cho không chiếc xe, thay vì trả tiền cầu xe.

* * *

Hai tuần sau khi làm chủ chiếc Chevelle, tôi thi đậu bằng lái xe North Dakota ngay lần đầu sau một cuối tuần nghiền ngẫm học gần như thuộc lòng cuốn sách luật lưu thông. Phần lớn các bạn tỵ nạn ở Bismarck không đủ khả năng làm như thế, nhưng họ khôn ngoan hơn, dùng tới một mảnh khốe hay ho và ít tốn công hơn. Sau khi mua xe, họ lên nhà Lộ vận xin giấy phép lái tạm để lái xe đi làm. Muốn có bằng lái thực thụ, họ sắm một tiệc nhậu linh đình đãi các “chuyên viên” thi bằng lái thế là Phiến và đôi ba tay độc thân khác. Phiến người Việt gốc Hoa cần cù chịu khó và rất hay giúp người.

Người Việt tỵ nạn được nhận vào sinh sống ở Hoa kỳ với tư cách “parolee,” tức là ngoại kiều tạm dung (được nhận tạm). Sở Di trú và Nhập tịch cấp cho mỗi người một mẫu I-94, tức là Thẻ Ghi Đến-Đi không có hình; đó là “tờ căn cước” duy nhất. Đối với giám khảo thi bằng lái xe người Mỹ, tên họ hay khuôn mặt Việt nam nào cũng lạ hoắc và cũng không thể nhớ được như nhau nên lần nào Phiến và bạn cũng thành công trót lọt. Trong bữa tiệc nhậu tối hôm đó, các bạn Việt nam lại được dịp hả hê cười “tụi Mỹ” ngây thơ khờ khạo bị qua mặt dễ như bỡn.

Mùa thu 1980, vợ chồng tôi mua và dọn vào ngôi nhà cổ hai tầng ở góc đường có sân trước và sân sau khá rộng. Hàng xóm bên kia sân sau là Cliff và bà vợ tên Pat (gọi gọn tên Patricia); hai cô con gái đã lập gia đình và ở xa. Mùa hè, thỉnh thoảng cuối tuần Quỳnh Châu ướp thịt cho tôi nướng ngoài trời và mời vợ chồng Cliff sang ăn và uống bia. Một hôm, tôi hỏi ông,

“Ông nói tiếng Việt giỏi mà sao không nói với tụi tôi?”

“Đừng để Pat biết tôi nói được tiếng Việt. *Bà biết bà cất cu tôi đó!*” phần tiếng Việt của câu nói thật *hết thuốc chữa*.

“*Bên Việt nam ông làm gì bê bối mà không muốn bà biết?*” Quỳnh Châu nhovn miệng cười xen vào bằng tiếng Việt.

“*Đâu có. Ở Đà Lạt, tôi hiền như ma xơ,*” ông cười ngỏn ngổn; “ma xơ” tiếng Pháp là tiếng dùng để gọi các nữ tu Công giáo.

Qua lời đối thoại này, tôi chợt nhận ra sự thực. Từng làm cố vấn cho cảnh sát Việt nam, Cliff hiểu rõ bản tính người Việt và sành sỏi Việt ngữ như thế, làm sao không thấy trò ma mãnh của mấy người đồng hương của tôi? Ông đã ngó lơ cho họ có phương tiện lái xe đi làm. Cũng như ông đã kín đáo đóng tiền lệ phí xin giấy phép lái xe cho tôi và Quỳnh Châu. Các bạn tôi thật *bé cái làm!*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 22 tháng Giêng, 2025

NGUYỄN NGỌC HOA

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; kỹ thuật điện ở Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật, Sài gòn; và điện tử và viễn thông ở Đại học Khoa học Sài gòn.
- Giảng viên vật lý và kỹ thuật điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài gòn.
- Đồng tác giả cuốn sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai tập, xuất bản tại Sài gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Lần lượt học quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong tạp chí *Lửa Việt*, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.



Nguyễn Ngọc Hoa

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu

bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

Trích trong truyện ngắn “CHUYỆN MỘT CON SÔNG”:

Từ năm 1989, hằng năm hội National Geographic tổ chức cuộc thi kiến thức địa lý ở Hoa Thịnh Đốn gọi là National Geographic Bee dành cho học sinh từ lớp 4 đến lớp 8 trên toàn quốc. Cuộc thi lần thứ 19 vào tháng Năm năm 2007 có điều đặc biệt: Câu hỏi cuối cùng khó nhất và quyết định giải quán quân là câu hỏi về địa lý Việt nam:

Thành phố nào là kinh thành của Việt nam trong hơn một thế kỷ và được con sông cùng tên tách làm đôi?

Một nữ sinh lớp 8 học trường nhà (cha mẹ dạy lấy) ở Redmond, Washington đoạt giải và lãnh phần thưởng là học bổng \$25,000 để sau này học đại học và một chân hội viên trọn đời. Câu trả lời của em là:

Huế và sông Huế.

... Huế là kinh thành cũ thì đúng, nhưng con sông phải là sông Hương – lẽ nào là “sông Huế”? Lập tức, tôi huy động một số bạn bè, trong số đó có Tảo, ra công tìm hiểu tên “sông Hương” (hay Hương giang) có từ lúc nào mà nay bị gán cho cái tên “sông Huế.”

GIÁ BÁN: \$US 30.00